

LỊCH SỬ 11

PHẦN I
LỊCH SỬ THẾ GIỚI CẬN ĐẠI
BÀI 1 NHẬT BẢN

I/ Phản lý thuyết

1. Nhật Bản từ đầu đến thế kỉ XIX đến trước năm 1868

- **Kinh tế:** Nông nghiệp lạc hậu, tuy nhiên những mầm mống kinh tế tư bản chủ nghĩa đã hình thành và phát triển nhanh chóng.
- **Chính trị:** Đến giữa thế kỉ XIX, Nhật Bản vẫn là quốc gia phong kiến. Thiên hoàng có vị trí tối cao nhưng quyền hành thực tế thuộc về Tướng quân - Sôgun.
- **Xã hội:** Giai cấp tư sản ngày càng trưởng thành và có thế lực về kinh tế, song không có quyền lực về chính trị. Mâu thuẫn xã hội gay gắt.
- Các nước đế quốc phương Tây, trước tiên là Mỹ đe dọa xâm lược Nhật Bản.

2. Cuộc Duy tân Minh Trị

a. Hoàn cảnh

- Trước sức ép đấu tranh của quần chúng tháng 1/ 1968, chế độ Mạc Phủ bị sụp đổ. Thiên hoàng Minh Trị trở lại nắm quyền và tiến hành cải cách đất nước.

b. Nội dung

- **Chính trị:** Xóa bỏ chế độ phong kiến, thiết lập chính phủ mới, xác lập truyền thống trị của quý tộc, tư sản; ban hành Hiến pháp năm 1889, thiết lập chế độ quân chủ lập hiến.
- **Kinh tế:** thống nhất thị trường, tiền tệ, phát triển kinh tế tư bản chủ nghĩa ở nông thôn, xây dựng cơ sở hạ tầng, đường sá, cầu cống.
- **Quân sự:** tổ chức và huấn luyện quân đội theo kiểu phương Tây, thực hiện chế độ nghĩa vụ quân sự, phát triển công nghiệp quốc phòng.
- **Giáo dục:** thi hành chính sách giáo dục bắt buộc, chú trọng nội dung khoa học - kỹ thuật, cử học sinh ưu tú du học ở phương Tây.

c. Tính chất và ý nghĩa

- Cuộc cải cách Minh Trị có ý nghĩa như một cuộc cách mạng tư sản.
- Nhờ cải cách Nhật Bản đã thoát khỏi nguy cơ trở thành thuộc địa và Nhật Bản trở thành nước tư bản hùng mạnh nhất ở châu Á; được cụ Phan Bội Châu đánh giá là “*anh cả da vàng*”.

3. Nhật Bản chuyển sang giai đoạn đế quốc chủ nghĩa

- Sự ra đời của các công ty độc quyền chi phối và lũng đoạn về kinh tế, chính trị Nhật Bản.
- Xâm lược thuộc địa (chiến tranh Đài Loan, chiến tranh Trung - Nhật, chiến tranh Nga - Nhật).
- Nhật Bản tiếp tục duy trì quyền sở hữu ruộng đất phong kiến. Tầng lớp quý tộc vẫn có ưu thế chính trị lớn và chủ trương xây dựng đất nước bằng sức mạnh quân sự. Tình hình đó làm cho đế quốc Nhật Bản có đặc điểm là đế quốc phong kiến quân phiệt.
- Quần chúng nhân dân, tiêu biểu là công nhân bị bóc lột cùng khổ. Phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân lên cao, dẫn tới sự thành lập của Đảng Xã hội dân chủ Nhật Bản năm 1901.

II/ Phản trắc nghiệm

Câu 1: Đến giữa thế kỉ XIX, quyền hành thực tế ở Nhật Bản nằm trong tay của ai?

A. Thiên Hoàng B. Tư sản. C. Tướng quân D. Thủ tướng

Câu 2: Chế độ Mạc Phủ ở Nhật lâm vào khủng hoảng, suy yếu vào thời gian nào?

A. Cuối thế kỉ XVIII. B. Cuối thế kỉ XIX. C. Đầu thế kỉ XIX. D. Giữa thế kỉ XIX.

Câu 3: Tại sao Nhật Bản phải tiến hành cải cách?

- A. Để duy trì chế độ phong kiến. B. Để thoát khỏi nước phong kiến lạc hậu
C. Để tiêu diệt Tướng quân. D. Để bảo vệ quyền lợi quý tộc phong kiến.

Câu 4: Năm 1854, xảy ra sự kiện gì ở Nhật?

- A. Mĩ buộc Nhật phải “mở cửa” B. Mĩ, các nước đế quốc tấn công Nhật.
D. Thiên Hoàng mất. D. Anh, Pháp yêu cầu Nhật Bản phải mở cửa

Câu 5: Ngoài Mĩ, còn những nước đế quốc nào bắt Nhật kí hiệp ước bất bình đẳng?

- A. Anh, Pháp, Nga, Hà Lan. B. Anh, Pháp, Đức, Áo.
C. Anh, Pháp, Nga, Trung Quốc. D. Anh, Pháp, Nga, Đức.

Câu 6: Cuộc cải cách Duy tân Minh Trị được tiến hành trên các lĩnh vực nào?

- A. Chính trị, kinh tế, quân sự và ngoại giao
B. Chính trị, quân sự, văn hóa - giáo dục và ngoại giao với Mĩ
C. Chính trị, kinh tế, quân sự, văn hóa - giáo dục
D. Kinh tế, quân sự, giáo dục và ngoại giao.

Câu 7: Trong chính phủ mới của Minh Trị, tầng lớp nào giữ vai trò quan trọng?

- A. Quý tộc tư sản hóa B. Tư sản
C. Quý tộc phong kiến D. Địa chủ

Câu 8: Trong Hiến pháp mới năm 1889 của Nhật, thể chế mới là?

- A. Cộng hòa. B. Quân chủ lập hiến
C. Quân chủ chuyên chế D. Liên bang.

Câu 9: Nhật Bản chuyển sang giai đoạn Đế quốc chủ nghĩa vào thời gian nào?

- A. Cuối thế kỉ XIX. B. Giữa thế kỉ XIX.
C. Đầu thế kỉ XX. D. Đầu thế kỉ XIX.

Câu 10: Những ngành kinh tế phát triển nhanh sau cải cách ở Nhật?

- A. Nông nghiệp, công nghiệp, đường sắt, ngoại thương.
B. Công nghiệp, ngoại thương, hàng hải, ngân hàng.
C. Công nghiệp, đường sắt, hàng hải, ngoại thương.
D. Nông nghiệp, công nghiệp, ngoại thương, hàng hải.

Câu 11: Vai trò của các công ty độc quyền ở Nhật Bản?

- A. Lũng đoạn về chính trị B. Chi phối, lũng đoạn cả kinh tế lẫn chính trị.
C. Chi phối nền kinh tế. D. Làm chủ tư liệu sản xuất trong xã hội

Câu 12: Nhật Bản chuyển sang giai đoạn Đế quốc chủ nghĩa gắn liền với các cuộc chiến tranh xâm lược:

- A. Đài Loan, Trung Quốc, Pháp. B. Đài Loan, Nga, Mĩ.
C. Nga, Đức, Trung Quốc. D. Đài Loan, Trung Quốc, Nga.

Câu 13: Sau cuộc cải cách Minh Trị, tầng lớp Samurai chủ trương xây dựng nước Nhật bằng

- A. sức mạnh quân sự. B. sức mạnh kinh tế.
C. truyền thống văn hóa lâu đời. D. sức mạnh áp chế về chính trị

Câu 14: Đặc điểm của chủ nghĩa đế quốc Nhật?

- A. Chủ nghĩa đế quốc quân phiệt hiếu chiến. B. Chủ nghĩa đế quốc cho vay nặng lãi.
C. Chủ nghĩa đế quốc thực dân. D. Chủ nghĩa đế quốc phong kiến quân phiệt.

Câu 15: Nguyên nhân nào dẫn đến chế độ Mạc Phủ ở Nhật Bản sụp đổ?

- A. Các nước phương tây dùng quân sự đánh bại Nhật Bản.
B. Thất bại trong cuộc chiến tranh với nhà Thanh.
C. Phong trào đấu tranh của các tầng lớp nhân dân vào những năm 60 của thế kỉ XIX.
D. Chế độ Mạc Phủ suy yếu tự sụp đổ.

Câu 18: Nội dung nào được coi là nhân tố “chìa khóa vàng” trong cải cách ở Nhật Bản?

- A. xóa bỏ chế độ Mạc Phủ. B. thống nhất thị trường, tự do mua bán ruộng đất.
C. đổi mới quân sự. D. đổi mới giáo dục.

Câu 19: Tại sao gọi cải cách của Minh Trị là cuộc cách mạng tư sản không triệt để?

- A. Giai cấp tư sản chưa thật sự nắm quyền. B. Nông dân được phép mua bán ruộng đất.
C. Liên minh quý tộc – tư sản nắm quyền. D. Chưa xóa bỏ những bất bình đẳng với đế quốc.

BÀI 2 ẤN ĐỘ

I/ Phân lý thuyết

1. Tình hình kinh tế, xã hội Ấn Độ nửa sau thế kỉ XIX

- Giữa thế kỉ XIX, Anh hoàn thành việc xâm lược và đặt ách thống trị ở Ấn Độ.
- Chính sách cai trị:
 - + *Kinh tế*: Vơ vét nguyên liệu, bóc lột nhân công và thành thị trường
 - + *Chính trị - xã hội*: chia để trị, mua chuộc giai cấp phong kiến bản xứ khơi sâu sự cách biệt về chủng tộc, tôn giáo và đẳng cấp trong xã hội.

2. Đảng Quốc đại và phong trào dân tộc (1885 - 1908)

a. Đảng quốc đại

- Cuối năm 1885, Đảng Quốc đại chính đảng đầu tiên của giai cấp tư sản Ấn Độ thành lập, đánh dấu một giai đoạn mới trong phong trào giải phóng dân tộc, giai cấp tư sản Ấn Độ bước lên vũ đài chính trị.
- Hoạt động:
 - + Phái "ôn hoà" chủ trương thoả hiệp, chỉ yêu cầu Chính phủ Anh tiến hành cải cách,
 - + Phái "cấp tiến" do Tilắc cầm đầu có thái độ kiên quyết chống thực dân Anh.

b. Phong trào dân tộc (1905 – 1908)

- 7/1905, Phong trào đấu tranh chống đạo luật chia chia đôi xứ Bengan.
- Tháng 6/1908, thực dân Anh bắt giam Tilắc và kết án ông 6 năm tù. Vụ án Tilắc đã thổi bùng lên đợt đấu tranh mới.
- 7/1908, công nhân Bombay tổ chức nhiều cuộc bãi công chính trị, lập các đơn vị chiến đấu, xây dựng chiến lược để chống quân Anh. Cao trào này do một bộ phận giai cấp tư sản lãnh đạo, mang đậm ý thức dân tộc. Giai cấp công nhân Ấn Độ đã tham gia tích cực vào phong trào dân tộc, thể hiện sự thức tỉnh của nhân dân Ấn Độ trong trào lưu dân tộc dân chủ của nhiều nước châu á đầu thế kỉ XX.

II/ Phân trắc nghiệm

Câu 1: Thực dân Anh đã hoàn thành việc xâm lược và đặt ách cai trị Ấn Độ vào?

- A. giữa thế kỷ XIX. B. giữa thế kỷ XVII C. giữa thế kỷ XVIII. D. giữa thế kỷ XX.

Câu 2: Cuộc khởi nghĩa của binh lính Xipay diễn ra trong khoảng thời gian nào?

- A. 1847-1849. B. 1857-1869. C. 1867-1869. D. 1857-1859

Câu 3: Nữ hoàng Anh tuyên bố mình là Nữ hoàng Ấn Độ vào thời điểm nào?

- A. Ngày 01/01/1877. B. Ngày 01/11/1887. C. Ngày 11/01/1877. D. Ngày 11/11/1877

Câu 4: Trong 20 năm đầu đấu tranh (1885-1905), Đảng Quốc đại chủ trương dùng phương pháp gì để đấu tranh đòi Chính phủ Anh thực hiện cải cách ở Ấn Độ?

- A. Dùng phương pháp ôn hòa C. Dùng phương pháp thương lượng
B. Dùng phương pháp bạo lực. D. Dùng phương pháp đấu tranh chính trị.

Câu 5: Chủ trương đấu tranh của phong trào giải phóng dân tộc ở Ấn Độ do M. Gan- đi là:

- A. Vận động quần chúng khởi nghĩa vũ trang giành độc lập.
B. Tiến hành một cuộc vận động cải cách duy tân.
C. Bất bạo động và bất hợp tác.
D. Kết hợp giữa bạo động và cải cách.

Câu 6: Lãnh tụ nào của Ấn Độ được nhân dân tôn sùng như vị thánh?

- A. Ti-Lắc. B. Narendra Modi. C. Gan-đi. D. Nê-ru.

Câu 7: Giai cấp lãnh đạo phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc Ấn Độ vào nửa đầu thế kỉ XIX là

- A. Nông dân. C. Công nhân C. Tư sản. D. Quý tộc

Câu 8: Giai cấp tư sản Ấn Độ bước lên vũ đài chính trị từ sau sự kiện nào?

- A. từ khi Ti- lắc bị bắt. B. từ khi Anh ban hành đạo luật chia cắt xứ Ben-gan.
C. từ khi Đảng Quốc đại được thành lập. D. từ khi Anh hoàn thành việc xâm lược Ấn Độ.

Câu 9: Chính đảng đầu tiên của giai cấp tư sản Ấn Độ có tên gọi là

- A. Đảng Quốc dân đại hội. C. Đảng Quốc đại.
B. Đảng Quốc dân Đảng. D. Đảng xã hội dân chủ Ấn Độ.

Câu 10: Thuộc địa quan trọng nhất của thực dân Anh là

- A. Nam phi. B. Trung Quốc. C. Mai-lai xi-a. D. Ấn Độ.
- Câu 11: Tại sao nhân dân Ấn Độ xem ngày 16/10/1905 là ngày Quốc tang?
- A. Ngày cuộc khởi nghĩa Xi-pay thất bại. B. Ngày đạo luật chia cắt Ben- gan có hiệu lực.
C. Ngày thực dân Anh xâm lược Ấn Độ. D. Ngày mất của Ma-hát ma Gan – đi.
- Câu 12: Công nhân ở Bom - bay tổng bãi công trong 6 ngày nhằm mục đích gì ?
- A. Phản đối thực dân Anh xử tử 6 người lính Xi-pay.
B. Đòi lại độc lập cho 6 tỉnh của Đông Bắc Ấn Độ.
C. Phản đối thực dân Anh kết án 6 năm tù đối với Ti-lắc.
D. Đòi thực dân Anh giảm 6 % thuế hàng hóa.
- Câu 13: Nét mới trong phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc Ấn Độ đầu thế kỉ XX là
- A. Thể hiện tinh thần bất khuất của nhân dân Ấn Độ chống chủ nghĩa thực dân Anh.
B. Phong trào mang đậm ý thức dân tộc vì một nước Ấn Độ độc lập và dân chủ.
C. Công nhân Ấn Độ tham gia phong trào dân tộc.
D. Đảng Quốc đại giữ vai trò lãnh đạo phong trào đấu tranh của nhân dân Ấn Độ.
- Câu 14: Trong quá trình hoạt động phái «cấp tiến » trong Đảng quốc đại có thái độ như thế nào đối với thực dân Anh ?
- A. Yêu cầu chính phủ Anh cải cách.
B. Yêu cầu Anh nới rộng các điều kiện để họ tham gia các hội đồng tự trị.
C. Yêu cầu Anh thực hiện một số cải cách về giáo dục, xã hội.
D. Phản đối sự thỏa hiệp của phái ôn hòa và kiên quyết chống thực dân Anh.
- Câu 15: Cuộc đấu tranh giành độc lập Ấn Độ có điểm gì khác biệt so với các nước ở Châu Á?
- A. dùng phương pháp đấu tranh chính trị để giành độc lập dân tộc.
B. dùng phương pháp đấu tranh « ôn hòa ».
C. dùng phương pháp đấu tranh chính trị kết hợp với đấu tranh vũ trang.
D. dùng phương pháp đấu tranh « bạo động ».
- Câu 16: Thủ đoạn đối phó của thực dân Anh trước sự lớn mạnh của phong trào đấu tranh của nhân dân Ấn Độ là:
- A. Tăng cường đàn áp, khủng bố. B. Chấp nhận những yêu cầu của nhân dân Ấn Độ.
C. Vừa mua chuộc giai cấp địa chủ về chính trị và gây chia rẽ tôn giáo, sắc tộc.
D. Cho Ấn Độ được hưởng quyền tự trị.
- Câu 17: Công lao cách mạng của ông như “*một chùm ánh sáng chọc thủng màn đêm và lật bỏ những gì che mắt chúng ta*” . Đó là lời đánh giá của Nê-ru (Ấn Độ) dành cho ai?
- A. Gan-đi. B. Hồ Chí Minh C. Ti-lắc D. Lê-nin
- Câu 18: Lực lượng lãnh đạo phong trào độc lập dân tộc ở Ấn Độ từ 1918 – 1929 là:
- A. Giai cấp công nhân Ấn Độ. B. Giai cấp nông dân Ấn Độ.
C. Giai cấp tiểu tư sản Ấn Độ. D. Giai cấp tư sản Ấn Độ
- Câu 19: Vì sao tư tưởng bất bạo động của M.Gan đi được nhân dân Ấn Độ hưởng ứng?
- A. Nhân dân Ấn Độ không có kinh nghiệm đấu tranh vũ trang.
B. Nhân dân Ấn Độ sợ bị tổn thất, hy sinh.
C. Nó phù hợp với đặc điểm dân tộc và tôn giáo Ấn Độ.
D. Nó dễ dàng được thực hiện ở mọi nơi, mọi lúc.

BÀI 3 TRUNG QUỐC

I/ Phần lý thuyết

1. Phong trào đấu tranh của nhân dân trung quốc từ giữa thế kỉ XIX đến đầu thế kỉ XX

<i>Nội dung</i>	<i>Khởi nghĩa Thái bình Thiên quốc</i>	<i>Phong trào Duy tân</i>	<i>Phong trào Nghĩa Hòa đoàn</i>
Diễn biến	Bùng nổ 1-1-1851 tại Kim Điền (Quảng Tây) -> lan rộng khắp cả nước -> bị phong kiến đàn áp -> 1864 thất bại.	- 1898, diễn ra cuộc vận động Duy tân, tiến hành cải cách cứu vãn tình thế.	- 1899, bùng nổ ở Sơn Đông lan sang Trực Lệ, Sơn Tây, tấn công sứ quán nước ngoài ở Bắc Kinh, bị liên quân 8 nước đế quốc tấn công -> thất bại.
Lãnh đạo	Hồng Tú Toàn	Khang Hữu Vi, Lương Khải Siêu	
Lực lượng	Nông dân	Quan lại, sĩ phu tiến bộ, vua Quang Tự	Nông dân
Tính chất, Ý nghĩa	Là cuộc khởi nghĩa nông dân vĩ đại chống phong kiến làm lung lay triều đình phong kiến Mãn Thanh.	Cải cách dân chủ, tư sản, khởi xướng khuynh hướng dân chủ tư sản ở Trung Quốc.	Phong trào yêu nước chống đế quốc. Giáng một đòn mạnh vào đế quốc.

2. Tôn Trung Sơn và cách mạng Tân Hợi 1911

a. Tôn Trung Sơn

- 8/1905 Tôn Trung Sơn thành lập Trung Quốc Đồng minh hội. Đây là chính đảng của giai cấp tư sản Trung Quốc.
- Cương lĩnh chính trị: Học thuyết tam dân “dân tộc độc lập, dân quyền tự do, dân sinh hạnh phúc”.
- Mục đích: Đánh đổ Mãn Thanh, khôi phục Trung Hoa, thành lập dân quốc.

b. Cách mạng Tân Hợi 1911

*** Nguyên nhân**

- 9/5/1911 triều đình Mãn Thanh trao quyền kinh doanh đường sắt cho các nước đế quốc, bán rẻ quyền lợi dân tộc. Sự kiện này đã châm ngòi cho cuộc cách mạng.

*** Diễn biến**

- 10/10/1911, CM bùng nổ ở Vũ Xương, lan rộng ra miền Nam và miền trung Trung Quốc.
- 12/1911 Chính phủ lâm thời tuyên bố thành lập THDQ, bầu Tôn Trung Sơn làm đại tổng thống
- 2/1912 Tôn Trung Sơn từ chức, Viên Thế Khải lên làm đại tổng thống, cách mạng chấm dứt.

*** Tính chất, ý nghĩa**

- Cuộc CMTS không triệt để
- Lật đổ được chế độ pk Mãn Thanh, thành lập Trung Hoa Dân Quốc, tạo điều kiện cho kinh tế tư bản chủ nghĩa phát triển.
- Ảnh hưởng lớn đến phong trào giải phóng dân tộc ở Châu Á trong đó có Việt Nam.

II/ Phần trắc nghiệm

Câu 1: Sự kiện lịch sử nào mở đầu cho thời kì phát triển mới của cách mạng Trung Quốc trong những năm 1918 – 1939?

- A. Cuộc khởi nghĩa Nam Xương. B. Cuộc chiến tranh Bắc phạt.
C. Phong trào Ngũ tứ. D. Nội chiến cách mạng lần thứ nhất.

Câu 2: Điểm khác nhau giữa phong trào Ngũ tứ với cuộc Cách mạng Tân Hợi năm 1911 là gì?

- A. Sinh viên, học sinh là lực lượng khởi xướng phong trào.
B. Tính chất chống đế quốc rất cao và triệt để.

C. Có sự lãnh đạo của Đảng cộng sản Trung Quốc. D. Có sự tham gia của giai cấp công nhân.

Câu 3: Lãnh tụ phong trào Duy Tân ở Trung Quốc là ai?

A: Hồng Tú Toàn. B: Tôn Trung Sơn. C: Lương Khải Siêu_Khang Hữu Vi

Câu 4: Khởi nghĩa Thái Bình Thiên Quốc là cuộc đấu tranh của giai cấp nào?

A: Tư sản. B: Nông dân. C: Thợ thủ công. D: Công nhân

Câu 5: Lãnh tụ Tôn Trung Sơn theo khuynh hướng nào?

A: Trung lập. B: Dân chủ tư sản. C: Quân chủ lập hiến. D: Nền cộng hòa

Câu 6: Với điều ước nào Trung Quốc thực sự trở thành nước nửa thuộc địa nửa phong kiến?

A: Tân Sửu. B: Nam Kinh. C: Bắc Kinh. D: Nhâm Ngọ

Câu 7: Phong trào Duy Tân diễn ra trong thời gian nào?

A: 1989. B: 1898. C: 1901. D: 1902

Câu 8: Địa bàn bùng nổ phong trào Nghĩa Hòa Đoàn ở Trung Quốc?

A: Sơn Tây. B: Sơn Đông. C: Trục Lệ. D: Bắc Kinh

Câu 9: Giai cấp tư sản Trung Quốc ra đời và lớn mạnh lên vào thời gian nào?

A. Cuối thế kỉ XVIII và lớn mạnh vào cuối thế kỉ XIX.

B. Cuối thế kỉ XIX và lớn mạnh vào đầu thế kỉ XX.

C. Cuối thế kỉ XIX và lớn mạnh vào cuối thế kỉ XX.

D. Đầu thế kỉ XVIII và lớn mạnh vào cuối thế kỉ XIX.

Câu 10: Cuộc Duy tân Mậu Tuất năm 1898 của Khang Hữu Vi và Lương Khải Siêu được sự đồng tình ủng hộ của vị vua nào?

A. Quang Tự. B. Khang Hi C. Càn Long. D. Phổ Nghi

Câu 11: Với điều ước Tân Sửu, Trung Quốc phải chấp nhận những điều khoản nặng nề nào?

A. Trả một khoản tiền chiến phí cho các nước đế quốc được quyền đóng quân ở Bắc Kinh.

B. Các nước đế quốc được quyền can dự vào công việc đối nội và đối ngoại của Trung Quốc.

C. Để cho các nước đế quốc được quyền đóng quân ở Bắc Kinh.

D. Trả một khoản tiền lớn để bồi thường chiến phí.

Hết

BÀI 4

CÁC NƯỚC ĐÔNG NAM Á CUỐI THẾ KỈ XIX ĐẦU THẾ KỈ XX

I/ Phần lý thuyết

1/ Phong trào đấu tranh chống thực dân Pháp của nhân dân Campuchia và Lào

a. Hoàn cảnh

- 1863 CPC chấp nhận sự bảo hộ của Pháp → 1884 thuộc địa của Pháp

- 1893 Lào bị Pháp xâm lược và trở thành thuộc địa

b. Diễn biến

*** Ở Campuchia**

- 1861-1892, K/n Si vô tha tấn công U doong và Phnom Pênh

- 1863-1866, K/n Acha Xoa, chiếm Campôt và áp sát thủ đô Phnom Pênh.

- 1866-1867, k/n Pu-côm -bô liên kết với Trương Quyền, lập căn cứ ở Tây Ninh tiến đánh Pa-man, tấn công Udoong.

*** Ở Lào**

- 1901-1903, k/n Phacađuốc ở Xavana khẹt, biên giới Việt- Lào

- 1901-1937, Commađam Cao ở nguyên Bô lô ven.

c. **Kết quả**: Các cuộc k/n cuối cùng đều bị thất bại.

d. Nguyên nhân thất bại

- Phong trào đấu tranh mang tính tự phát, thiếu đường lối đúng và thiếu tổ chức.

- Tương quan lực lượng, quân Pháp mạnh, còn lực lượng của các cuộc khởi nghĩa yếu và thiếu về trang bị vũ khí.

e. **Ý nghĩa**: Thể hiện tinh thần yêu nước chống giặc ngoại xâm.

2. Xiêm giữa thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX

- Giữa thế kỉ XIX Xiêm đứng trước sự đe dọa xâm lược của các nước Phương Tây nhất là Anh, Pháp.

- Năm 1868-1910 Rama V tiến hành cải cách.

+ Kinh tế: Giam tô thuế, khuyến khích tư nhân kinh doanh

+ Chính trị: Vua đứng đầu, giúp việc có hội đồng nhà nước

+ Xã hội: Xóa bỏ hoàn toàn chế độ nô lệ

+ Quân đội, tòa án, trường học tổ chức theo kiểu phương tây

+ Ngoại giao: Mềm dẻo

=> Ý nghĩa: Nhờ cải cách Xiêm giữ vững chủ quyền dân tộc, đưa đất nước phát triển theo hướng TBCN.

II/ Phần trắc nghiệm

Câu 1. Xiêm là nước duy nhất Đông Nam Á không trở thành thuộc địa là do?

- A. Duy trì chế độ phong kiến. B. Tiến hành cách mạng vô sản.
C. Tăng cường khả năng quốc phòng. D. chính sách duy tân của Rama V.

Câu 2. Cuộc khởi nghĩa thể hiện tinh thần đoàn kết hai nước Việt Nam - Cam pu chia trong cuộc đấu tranh chống thực dân pháp?

- A. Khởi nghĩa Si vô tha. B. Khởi nghĩa A cha xoa.
C. Khởi nghĩa Pha ca đuốc. D. Khởi nghĩa Ong kẹo

Câu 3. Vì sao Thái Lan vẫn giữ được độc lập tương đối vào thế kỉ XIX?

- A. Vì đã thực hiện chính sách ngoại giao khôn khéo và mềm dẻo.
B. Được Mỹ bảo trợ về quân sự. C. Sự chiến đấu anh dũng của nhân dân.
D. Địa hình nhiều sông ngòi, đồi núi khó xâm nhập.

Câu 4. Sự kiện nao đánh dấu Cam-pu-chia trở thành thuộc địa của Pháp ?

- A. Pháp gạt bỏ ảnh hưởng của Xiêm.
B. Pháp gây áp lực buộc vua Nô-rô-đôm chấp nhận quyền bảo hộ.
C. Vua Nô-rô-đôm kí hiệp ước năm 1884.
D. Các giáo sĩ Phương Tây xâm nhập vào Cam-pu-chia.

Câu 5. Đến cuối thế kỉ XIX, khu vực Đông Nam Á chủ yếu là thuộc địa của các quốc gia nào?

- A. Mỹ và Pháp. B. Anh và Đức. C. Anh và Pháp. D. Anh và Mỹ.

Câu 6. Nhận xét nào sau đây không đúng khi nói về phong trào giải phóng dân tộc ở Đông Nam Á cuối TK XIX – đầu TK XX?

- A. Phong trào diễn ra rộng lớn, đoàn kết đấu tranh trong cả nước.
B. Hình thức đấu tranh phong phú nhưng chủ yếu là đấu tranh vũ trang.
C. Thu hút đông đảo nhân dân tham gia, gây tổn thất nặng nề cho các nước đế quốc.
D. Phong trào diễn ra đơn lẻ, chưa có sự thống nhất giữa các địa phương.

Câu 7. Trong bối cảnh chung của các nước châu Á cuối TK XIX – đầu TK XX, Nhật Bản và Xiêm thoát khỏi thân phận thuộc địa vì

- A. Cắt đất cầu hòa. B. Lãnh đạo nhân dân đấu tranh.
C. Tiến hành cải cách, mở cửa. D. Tiếp tục duy trì chế độ phong kiến cũ.

Câu 8. Điểm giống nhau giữa Duy tân Minh Trị và cuộc cải cách của vua Rama V là gì?

- A. Đều là các cuộc cách mạng vô sản. B. Đều là các cuộc cách mạng tư sản triệt để.
C. Cuộc cách mạng tư sản không triệt để. D. Đều là đấu tranh chống chiến tranh đế quốc.

Câu 9. Điểm chung của tình hình các nước Đông Nam Á đầu TK XX là gì?

- A. Tất cả đều là thuộc địa của các nước đế quốc phương Tây.
B. Hầu hết là thuộc địa của các nước đế quốc phương Tây.
C. Tất cả đều giành được độc lập dân tộc.
D. Hầu hết đều giành được độc lập dân tộc.

Câu 10. Vì sao Xiêm là nước nằm trong sự tranh chấp giữa Anh và Pháp nhưng Xiêm vẫn giữ được nền độc lập dân tộc?

- A. Sử dụng quân đội mạnh để đe dọa Anh và Pháp.
B. Cắt cho Anh và Pháp 50% lãnh thổ.
C. Nhờ sự trợ giúp của đế quốc Mỹ.
D. Sử dụng chính sách ngoại giao mềm dẻo.

BÀI 5 CHÂU PHI VÀ KHU VỰC MĨ LA TINH THẾ KỈ XIX - ĐẦU THẾ KỈ XX

I/ Phần lí thuyết

1. Châu Phi

- Nửa đầu thế kỉ XIX, nhất là sau khi hoàn thành kênh đào Xuyê, các nước tư bản phương Tây đua nhau xâm chiếm châu Phi.
- Đến đầu thế kỉ XX, việc phân chia châu Phi của các nước đế quốc căn bản đã hoàn thành.
- Ách thống trị hà khắc của chủ nghĩa thực dân đối với các dân tộc châu Phi là nguyên nhân cơ bản làm bùng nổ phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc ở Châu Phi.
- Phong trào đấu tranh tiêu biểu:
 - + ở Angiêri cuộc khởi nghĩa áptđen Cade kéo dài từ năm 1830 - 1847;
 - + ở Ai Cập phong trào đấu tranh của tầng lớp trí thức và sĩ quan yêu nước,...
 - + Ở Etôpia tiến hành cuộc kháng chiến chống thực dân Ita lia (1889 – 1896) thắng lợi
- => Phong trào đấu tranh chống thực dân của nhân dân châu Phi tuy diễn ra sôi nổi, thể hiện tinh thần yêu nước, nhưng do trình độ tổ chức thấp, lực lượng chênh lệch, nên đã bị thực dân phương Tây đàn áp. Cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc ở châu Phi vẫn tiếp tục phát triển trong thế kỉ XX.

2. Khu vực Mĩ Latinh

- Thế kỉ XVI, XVII các nước Mĩ Latinh trở thành thuộc địa của Tây Ban Nha và Bồ Đào Nha.
- Sự thống trị của chủ nghĩa thực dân là nguyên nhân dẫn tới cuộc đấu tranh giành độc lập của các dân tộc Mĩ Latinh.
- Phong trào đấu tranh tiêu biểu:
 - + 1791 ở Haiti, dưới sự lãnh đạo của Tútxanh Luvéc-tuya, dẫn tới sự ra đời nước Cộng hoà da đen đầu tiên ở Mĩ Latinh.
 - + Nửa đầu thế kỉ XIX hầu hết các quốc gia độc lập ở Mĩ Latinh đã giành được độc lập. Đây là thắng lợi to lớn của nhân dân Mĩ Latinh trong cuộc đấu tranh chống CNTD Phương Tây.
- Sau khi giành được độc lập, nhân dân Mĩ Latinh lại phải tiếp tục đấu tranh chống lại chính sách bành trướng của Mĩ đối với khu vực này.

II/ Phần trắc nghiệm

Câu 1. Nguyên nhân chính nào làm bùng nổ phong trào đấu tranh giành độc lập của nhân dân châu Phi vào cuối thế kỷ XIX - đầu thế kỷ XX?

- | | |
|------------------------------------|-----------------------------------|
| A. sự bóc lột của giai cấp tư sản. | B. sự cai trị hà khắc của CNTD. |
| C. buôn bán nô lệ da đen. | D. sự bất bình đẳng trong xã hội. |

Câu 2. Tổ chức chính trị “Ai Cập trẻ” đã đề ra những cải cách mang tính chất

- | | |
|------------|----------------|
| A. vô sản. | B. phong kiến. |
| C. tư sản. | D. quý tộc. |

Câu 3. Cuộc đấu tranh của nhân dân nước nào nổi bật nhất trong phong trào đấu tranh ở châu Phi?

- | | |
|----------------|-----------------|
| A. Ai Cập. | B. Ê-ti-ô-pi-a. |
| C. Li-bê-ri-a. | D. Xu-đăng. |

Câu 4. Quốc gia nào là nước cộng hòa da đen đầu tiên ở Mĩ Latinh?

- | | |
|------------------|--------------|
| A. Ha-i-ti. | B. Cu-ba. |
| C. Ác-hen-ti-na. | D. Mê-hi-cô. |

Câu 5. Nội dung chính của học thuyết Môn-rô (Mĩ) đối với Mĩ latinh là

- | | |
|----------------------------------|----------------------------|
| A. “Người Mĩ thống trị châu Mĩ”. | B. “Châu Mĩ của người Mĩ”. |
| C. “Châu Mĩ của người châu Mĩ”. | D. “Cái gậy lớn”. |

Câu 6. Đầu thế kỷ XX, Mĩ đã áp dụng chính sách gì để xâm chiếm các nước Mĩ Latinh?

A. “Cái gậy lớn”.

B. “Ngoại giao đồng đôla”.

C. “Chính sách Liên minh”.

D. “Cái gậy lớn” và “Ngoại giao đồng đôla”.

Câu 7. Mục đích của những chính sách mà Mỹ áp dụng tại các nước Mỹ Latinh là

A. biến Mỹ Latinh thành “sân sau” của Mỹ.

B. giúp các nước Mỹ Latinh thoát khỏi thực dân Bồ Đào Nha.

C. giúp các nước Mỹ Latinh thoát khỏi thực dân Tây Ban Nha.

D. giành độc lập cho Mỹ Latinh.

Câu 8. Đặc điểm nổi bật của phong trào giải phóng dân tộc ở Mỹ Latinh trong thế kỷ XIX là

A. giành được thắng lợi, một loạt nước CH đã ra đời trong những năm 20 của thế kỷ XIX.

B. phong trào GPDТ ở Mỹ Latinh chủ yếu do g/c quý tộc PK lãnh đạo.

C. toàn bộ Mỹ Latinh đã được giải phóng khỏi ách thống trị của CNTD.

D. một số nước như Cuba, quần đảo Ăng-ti, Guy-a-na đã giành được độc lập.

Câu 9. Nước nào có phần thuộc địa ở châu Phi rộng lớn nhất?

A. Anh.

B. Pháp.

C. Mỹ.

D. Hà Lan.

Câu 10. Đến đầu thế kỷ XIX, phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc ở khu vực Mỹ Latinh có gì khác so với châu Phi?

A. Chưa giành được thắng lợi.

B. Nhiều nước giành được độc lập.

C. Trở thành thuộc địa kiểu mới của Mỹ.

D. Phong trào giải phóng dân tộc phát triển mạnh.

Câu 11. Tác động của những chính sách do Mỹ đề ra đối với khu vực Mỹ Latinh vào cuối thế kỷ XIX- đầu thế kỷ XX đã

A. làm bùng nổ phong trào đấu tranh chống chế độ tay sai thân Mỹ.

B. thúc đẩy phong trào giải phóng dân tộc phát triển.

C. thúc đẩy nền kinh tế Mỹ Latinh phát triển.

D. làm xuất hiện nhiều giai cấp mới.

Câu 12: Việc phân chia thuộc địa giữa các nước đế quốc ở châu Phi căn bản hoàn thành vào thời gian

A. giữa thế kỉ XIX.

B. cuối thế kỉ XIX.

C. đầu thế kỉ XX.

D. giữa thế kỉ XX.

Câu 13: Mục tiêu đấu tranh của Tut-xanh Lu-vec-tuy-a là

A. xóa bỏ chế độ nô lệ, thực hiện quyền bình đẳng nam, nữ.

B. đuổi người da trắng ra khỏi đảo Ha-i-ti.

C. xây dựng chế độ quân chủ lập hiến.

D. giành độc lập, thành lập nước cộng hòa, xóa bỏ chế độ nô lệ và đòi quyền bình đẳng giữa người da đen và người da trắng.

BÀI 6

CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ NHẤT (1914 - 1918)

I/ Phân lí thuyết

1. Nguyên nhân

- Cuối thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX, do sự phát triển không đều giữa các nước tư bản về kinh tế và chính trị đã làm thay đổi sâu sắc so sánh lực lượng giữa các nước đế quốc.
- Mâu thuẫn về vấn đề thuộc địa đã dẫn tới các cuộc chiến tranh đế quốc đầu tiên: chiến tranh Mĩ - Tây Ban Nha (1898); chiến tranh Anh - Bồ Đào Nha (1899 - 1902); chiến tranh Nga - Nhật (1904 - 1905).
- Hai khối quân sự đối lập ra đời: Khối liên minh gồm Đức - Áo - Hung (1882) và khối hiệp ước của Anh, Pháp và Nga (1907). Cả hai khối đều tích cực chạy đua vũ trang nhằm tranh nhau làm bá chủ thế giới.

2. Diễn biến

- Giai đoạn thứ nhất (1914- 1916)

- + Sau sự kiện Thái tử Áo - Hung bị một người Xécbi ám sát (ngày 28 - 6 1914).
- + Ngày 1-> 3/8/ 1914, Đức tuyên chiến với Nga và Pháp.
- + Ngày 4 - 8, Anh tuyên chiến với Đức. Chiến tranh thế giới thứ nhất bùng nổ.
- + ở giai đoạn này, Đức tập trung lực lượng về phía tây nhằm nhanh chóng thôn tính nước Pháp. Do quân Nga tấn công quân Đức ở phía đông, nên nước Pháp được cứu nguy. Từ năm 1916, chiến tranh chuyển sang thế cầm cự đối với cả hai phe.
- + Chiến tranh bùng nổ, cả hai phe đều lôi kéo thêm nhiều nước tham gia và sử dụng nhiều loại vũ khí hiện đại đã giết hại và bị làm thương hàng triệu người.

- Giai đoạn thứ hai (1917 - 1918)

- + 2/1917, Cách mạng tháng Hai ở Nga diễn ra, phong trào cách mạng ở các nước đang cao buộc mĩ phải tham chiến và đứng về phe hiệp ước (4/1917), vì thế phe liên minh liên tiếp bị thất bại.
- + Cuối năm 1917, phe Hiệp ước liên tiếp mở các cuộc tấn công làm cho đồng minh của Đức lần lượt đầu hàng.
- + Ngày 11/11/1918, Đức đầu hàng vô điều kiện. Chiến tranh thế giới thứ nhất kết thúc với sự thất bại của phe Liên đồng minh.

3. Kết quả

- Phe liên minh thất bại; làm 10 triệu người chết, hơn 20 triệu người bị thương, nhiều thành phố, làng mạc, đường xá bị phá hủy,... chi phí chiến tranh lên tới 85 tỉ đôla.
- Chiến tranh chỉ đem lại lợi ích cho các nước đế quốc thắng trận, nhất là Mĩ. Bản đồ chính trị thế giới bị chia lại.
- Phong trào cách mạng thế giới tiếp tục phát triển, đặc biệt là sự bùng nổ và giành thắng lợi của Cách mạng tháng Mười Nga.

II/ Phản trắc nghiệm

Câu 1: Nguyên nhân trực tiếp dẫn tới chiến tranh thế giới thứ nhất là

- | | |
|------------------------|----------------------------------|
| A. Sự hung hãn của Đức | C. Thái tử Áo-Hung bị ám sát |
| B. Mâu thuẫn Anh Pháp | D. Mâu thuẫn về vấn đề thuộc địa |

Câu 2: Tính chất của chiến tranh thế giới thứ nhất?

- | | |
|--|--------------------------------------|
| A. Chính nghĩa thuộc về phe liên minh. | C. Chính nghĩa thuộc về phe hiệp ước |
| B. Chiến tranh đế quốc xâm lược phi nghĩa. | D. Chính nghĩa thuộc về nhân dân |

Câu 3: Trong quá trình chiến tranh thế giới thứ nhất, một sự kiện lịch sử nào đánh dấu nước chuyển biến lớn trong cục diện chính trị thế giới?

- | | |
|-------------------------------------|---------------------------------------|
| A. Thất bại thuộc về phe liên minh. | C. Chiến thắng Véc đơong |
| B. Mĩ tham chiến. | D. Cách mạng tháng 10 Nga thành công. |

Câu 4: Năm 1882 ba nước Đức, Áo – Hung, Italia đã thành lập tổ chức nào?

- | | |
|-------------|-------------------------|
| A. Hiệp ước | C. Liên Minh |
| B. Đối lập | D. Hiệp ước – Liên Minh |

Câu 5: Trong chiến tranh thế giới thứ I chiến dịch Véc-đơong năm 1916 diễn ra ở nước nào?

- | | |
|---------|--------|
| A. Anh | C. Đức |
| B. Pháp | D. Mĩ |

Câu 6: Sự kiện ngày 03/03/1918 đánh dấu nước nào rút khỏi chiến tranh thế giới thứ nhất?

- A. Đức B. Anh C. Nga D. Pháp
- Câu 7: Mĩ tham chiến cùng với phe Hiệp Ước trong giai đoạn thứ hai của cuộc chiến nhằm mục đích?
- A. giúp các nước đánh bại quân Đức. B. chia lợi trong cuộc chiến sắp kết thúc.
C. tiêu diệt tên trùm chiến tranh Đức. D. đòi lại quyền lợi cho các nước Anh, Pháp, Nga.
- Câu 8: Qui luật phát triển không đồng đều của chủ nghĩa tư bản cuối thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX dẫn đến hậu quả
- A. làm thay đổi sâu sắc, so sánh lực lượng giữa các nước đế quốc.
B. mâu thuẫn giữa các nước đế quốc về vấn đề thuộc địa ngày càng gay gắt.
C. các nước đế quốc chạy đua vũ trang, gây chiến tranh để tranh giành thị trường thuộc địa.
D. Do sự chạy đua về kinh tế và chính trị giữa các nước đế quốc.
- Câu 9: Mục đích chủ yếu của các cuộc chiến tranh Trung - Nhật (1894 - 1895), Mĩ - Tây Ban Nha (1898) và Anh - Bô-ơ (1899 - 1902) là
- A. tranh giành thuộc địa lẫn nhau.
B. giải quyết các mâu thuẫn dân tộc.
C. đàn áp giai cấp vô sản, chia rẽ phong trào công nhân thế giới.
D. tiêu thụ và buôn bán vũ khí.
- Câu 10: Vì sao nước Đức là đế quốc hung hăng nhất trong cuộc tranh giành thị trường và thuộc địa?
- A. Đức muốn thực hiện chủ nghĩa Sô Vanh.
B. Đức có tiềm lực kinh tế và quân sự nhưng lại có ít thuộc địa.
C. Đức có rất ít nguyên liệu.
D. quý tộc địa chủ Đức thích gây chiến tranh.
- Câu 11: Nét nổi bật nhất trong quan hệ quốc tế cuối thế kỉ XIX – đầu thế kỉ XX là
- A. cuộc chiến tranh Mĩ - Tây Ban Nha (1898).
B. Nhật và Mĩ đang ráo riết hoạch định chiến lược bành trướng.
C. mâu thuẫn giữa các nước đế quốc xoay quanh vấn đề thuộc địa.
D. Mĩ và Đức liên minh với nhau để tấn công Anh, Pháp.
- Câu 12: Cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX, ở châu Âu hình thành hai khối quân sự đối đầu nhau là
- A. Phe Liên Minh và phe Hiệp ước. B. Phe Trục và phe Đồng minh.
C. Khối Nato và khối Vac-xa-va. D. Phe Hiệp ước và phe Trục.
- Câu 13: Pháp tham gia phe Hiệp ước chống lại Đức nhằm
- A. tiêu diệt lực lượng quý tộc quân phiệt Đức. B. tranh giành thị trường với Đức.
C. chiếm lấy vùng Xéc-bi. D. đòi Đức trả lại hai vùng An-dat và Lo-ren tài nguyên.
- Câu 14: Duyên cớ trực tiếp dẫn đến cuộc chiến tranh thế giới thứ nhất là
- A. ngày 28-6-1914, vua Áo - Hung bị một phần tử khủng bố ở Xéc-bi ám sát.
B. Hoàng Thân thừa kế ngôi vua Áo - Hung bị một phần tử khủng bố ở Xéc-bi ám sát.
C. một sinh viên ở Xéc-bi đã bắt cóc một thái tử Áo Phơ-ran-xơ Phec-đi-năng tại Bô-xni-a.
D. một thành viên thuộc tổ chức bí mật “Bàn tay đen” của Xec-bi đã sát hại toàn bộ gia đình của vua Áo - Hung ngày 28-6-1914.
- Câu 15: Nguyên nhân sâu xa dẫn đến cuộc chiến tranh thứ nhất là
- A. mâu thuẫn giữa Nga và Áo - Hung tại vùng Ban-căng.
B. sự tranh chấp giữa Đức và Pháp tại hai vùng An-dat và Lo-ren.
C. sự kình địch giữa hai khối quân sự Liên minh và Hiệp ước.
D. sự tranh chấp và mâu thuẫn giữa các nước đế quốc về vấn đề thuộc địa.
- Câu 16: Ngoài mục đích phân chia lại thị trường, các nước đế quốc gây ra cuộc chiến tranh còn để thực hiện một âm mưu khác là
- A. xoa dịu làn sóng đấu tranh cách mạng ở trong nước.
B. tạo điều kiện cho nền công nghiệp sản xuất vũ khí của Mĩ phát triển.
C. đàn áp phong trào cách mạng trong nước và phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới.
D. tiêu diệt các thế lực quân phiệt và phát xít ở châu Âu.
- Câu 17: Mở đầu cuộc chiến, Đức đã sử dụng chiến thuật chớp nhoáng với kế hoạch?
- A. tập trung binh lực đánh bại Nga trong vòng nửa tháng rồi quay sang tấn công Pháp. B. đánh đòn phủ đầu vào nước Pháp sau đó tập trung tấn công Anh.

C. tấn công tiêu diệt nước Bỉ rồi tập trung quân để tấn công Pháp.

D. tập trung lực lượng đánh bại Pháp trong vòng nửa tháng rồi điều chủ lực sang mặt trận Nga.

Câu 18: Cuối năm 1914 tại mặt trận phía Tây, cả 2 bên tham chiến đều ở thế cầm cự trên 1 chiến tuyến kéo dài từ

A. Bỉ đến Hà Lan.

C. Thụy Sĩ đến I-ta-li-a.

B. Bắc Hải đến Bỉ.

D. Bắc Hải đến biên giới Thụy Sĩ.

Câu 19: Cuối năm 1915 tình hình chiến sự tại mặt trận phía Đông là

A. Đức đã tiêu diệt được Nga.

C. Nga đang ở thế tấn công.

B. Nga cầm cự còn Đức tấn công.

D. Cả Đức và Nga rơi vào thế cầm cự.

Câu 20: Năm 1916, Đức chuyển quân chủ lực từ mặt trận phía Đông sang mặt trận phía Tây để tấn công vào cứ điểm

A. Vec-đoong.

B. Mác-nơ.

C. Pa-ri .

D. Vec-xai. 24. Câu 24: Kết

thúc giai đoạn thứ nhất của cuộc chiến tranh (1914 - 1916), tình hình của hai bên tham chiến là

A. phe Anh, Pháp thì cố giành thế chủ động.

B. phe Đức, Áo thì cố giữ thế chủ động.

C. ưu thế đang nghiêng dần về phe Hiệp ước ở hai mặt trận.

D. phe liên minh từ thế chủ động phải chuyển sang bị động.

Câu 21: Khẩu hiệu “Biến chiến tranh đế quốc thành nội chiến cách mạng” có ý nghĩa là

A. quần chúng lao động các nước, trước hết là công nhân, nông dân mặc áo lính phải quay sang chống lại các chính phủ tư sản nước mình.

B. nhân dân lao động các nước phải làm cách mạng để lật đổ các chính phủ nước mình. C. công nhân, nông dân mặc áo lính không nên sử dụng vũ khí để chống lại những người cùng cảnh ngộ với mình ở nước khác.

D. Lật đổ chính phủ tư sản lâm thời và chuyển toàn bộ chính quyền vào tay Xô Viết.

Câu 22: Thái độ của Chính phủ lâm thời tư sản Nga sau Cách mạng tháng Hai năm 1917 đối với cuộc chiến tranh đế quốc là

A. không tiếp tục tham gia cuộc chiến.

B. đầu hàng phe Liên minh.

C. tiếp tục theo đuổi cuộc chiến.

D. rút khỏi phe Hiệp ước và chống lại Anh.

BÀI 7

NHỮNG THÀNH TỰU VĂN HÓA THỜI CẬN ĐẠI

1. Sự phát triển của văn hoá trong buổi đầu thời cận đại

- Về văn học

- + La Phông-ten: nhà ngụ ngôn, nhà văn cổ điển;
 - + Coóc-nây: đại biểu của nền bi kịch cổ điển.
 - + Mô-li-e: tác gia nổi tiếng của nền hài kịch cổ điển Pháp.
- => Đây là những nhà văn hoá nổi tiếng của nước Pháp.

- Về âm nhạc

- + Bét-tô-ven, nhà soạn nhạc thiên tài người Đức.
 - + Mô-da, nhạc sĩ vĩ đại người Áo người có những cống hiến cho nghệ thuật hợp xướng
 - Về hội hoạ: Rembran hoạ sĩ nổi tiếng người Hà Lan.
 - Về tư tưởng: Trào lưu Triết học ánh sáng thế kỉ XVII - XVIII như: Mông-texkiơ, Rút-xô, Vôn-te.
- Những người đi trước dọn đường cho cách mạng Pháp 1789 thắng lợi.

2. Thành tựu về văn học, nghệ thuật từ đầu thế kỉ XIX đến đầu thế kỉ XX

- Về văn học: Tiêu biểu là nhà thơ, nhà tiểu thuyết, nhà viết kịch người Pháp Vích-to Huy-gô với tác phẩm *Những người khốn khổ*; Lép Tôn-xtôi nhà văn Nga với tác phẩm *Chiến tranh và hoà bình*, *Anna Karê-nina...*, Mác Tuên nhà văn lớn người Mĩ..., Bandắc (Pháp), An-đéc-xen (Đan Mạch), Puskin (Nga), Giắc Lon-đơn (Mĩ), Lỗ Tấn (Trung Quốc, Hô-xê Ri-dan (philippin) Hô-xê Má-ti (Cuba).

- Về nghệ thuật: Các lĩnh vực nghệ thuật như kiến trúc, âm nhạc, điêu khắc rất phát triển với các hoạ sĩ nổi tiếng như: Van Gốc (Hà Lan), Phugita (Nhật Bản), Pi-cát-xô (Tây Ban Nha), Lê-vi-tan (Nga); nhạc sĩ như Trai-cốp-xki.

II/ Phần trắc nghiệm

Câu 1. La-phông-ten là nhà ngụ ngôn cổ điển nước nào?

- A. Anh. B. Pháp. C. Đức. D. Nga.

Câu 2. Ai là đại biểu xuất sắc cho nền bi kịch cổ điển Pháp?

- A. Coóc-nây. B. La-phông-ten. C. Mô-li-e. D. Vích-to Huy-gô.

Câu 3. Nhà soạn nhạc thiên tài người Đức trong buổi đầu thời cận đại là

- A. Mô-da. B. Trai-cốp-xki. C. Bét-to-ven. D. Pi-cát-xô.

Câu 4. Nhà văn tiêu biểu cho nền văn học Pháp thế kỉ XIX- XX là

- A. Lép-tôn-xtôi. B. Vích-to Huy-gô. C. Lỗ Tấn. D. Mác Tuên.

Câu 5. Tác phẩm nổi tiếng của nhà văn Lép-tôn-xtôi là

- A. "Những người khốn khổ". B. "Những cuộc phiêu lưu của Tom Xoay-ơ".
C. "Chiến tranh và hòa bình". D. "Những người I-nô-xăng đi du lịch".

Câu 6. Những bản giao hưởng nổi tiếng số 3, số 5, số 9 của nhà soạn nhạc

- A. Mô- da. B. Bét- tô-ven.
C. Trai- cốp- xki. D. Sô- panh.

Câu 7. Buổi đầu thời Cận đại, những ngành nào có vai trò quan trọng trong tấn công vào thành trì của chế độ phong kiến ?

- A. Văn học, nghệ thuật, tư tưởng. B. Nghệ thuật , âm nhạc, mỹ thuật.
C. Tư tưởng, tôn giáo, văn học. D. Nghệ thuật, âm nhạc, hội họa.

Câu 8. Thời Cận đại, ở phương Đông , quốc gia nào đã xuất hiện nhiều nhà văn hóa lớn ?

- A. Ấn Độ. B. Nhật Bản.
C. Trung Quốc. D. Hàn Quốc.

Câu 9. Ai là đại biểu xuất sắc cho nền hài kịch cổ điển Pháp?

- A. Coóc-nây. B. La-phông-ten. C. Vích-to Huy-gô. D. Mô-li-e.

Câu 10. Câu truyện ngụ ngôn “ Con cáo và chùm nho” là sáng tác của ai ?

- A. La- phong-ten. B. Ru- xô. C. Von- te. D. Mông-tex-ki-ơ.

Câu 11. An- đéc-xen là nhà văn nổi tiếng của quốc gia nào ?

- A. Nước Anh. B. Nước Pháp. C. Nước Nga. D. Đan Mạch.

Câu 12. Nhà thơ tình nổi tiếng của nước Nga buổi đầu thời cận đại là ai ?

- A. Pu- skin. B. Vích-to Huy-gô.
 C. Ra-bin-đra-nát Ta-go. D. Hô-xê Ri-dan.
- Câu 13. Lô- mô- nô- xốp là nhà bác học nổi tiếng của nước nào ?
 A. Anh. B. Nga. C. Pháp. D. Đức.
- Câu 14. Vở balê “ Hô thiên nga” là sáng tác của ai ?
 A. Mô- da. B. Bét- tô-ven. C. Trai- cốp- xki. D. Sô- panh.
- Câu 15. Lê- nin đã đánh giá các tác phẩm của ai như “ tấm gương phản chiếu cách mạng Nga” ?
 A. Lép-tôn-xtôi. B. Vích-to Huy-gô. C. Lỗ Tấn. D. Mác Tuên.
- Câu 16. Tư tưởng “ Triết học Ánh sáng” thế kỉ XVII- XVIII có tác dụng gì ?
 A. Dọn đường cho cách mạng Pháp 1789 thắng lợi.
 B. Kim hãm Cách mạng Pháp phát triển.
 C. Kêu gọi mọi người đấu tranh bằng vũ lực.
 D. Hạn chế ảnh hưởng của tư tưởng phong kiến.
- Câu 17. Trào lưu “ Triết học Ánh sáng” thế kỉ XVII- XVIII đã sản sinh ra những nhà tư tưởng
 A. Xanh- xi-mông, Rút –xô, Vôn- te. B. Phu- ri- ê, Vôn- te, Ô- oen.
 C. Mông- te- xki-ơ, Rút-xô, Vôn- te. D. Vôn- te, Mông- te-xki-ơ, Ô- oen.
- Câu 18. Nhà thơ nổi tiếng ở Pháp thế kỉ XVIII là ai?
 A. Mô-li-e. B. Pu-skin. C. Ban-đắc. D. La-phông –ten.
- Câu 19. Hai tác phẩm nổi tiếng “Nhà thờ Đức Bà Pa-ri” và “Những người khốn khổ” của tác giả nào?
 A. Ban-đắc. B. Vích-to Huy-gô. C. Lép Tôn-xtôi. D. Mác-xim Gooc-ki.
- Câu 20. Tác phẩm nổi tiếng “AQ chính truyện” của nhà văn nào?
 A. Hô-xê Mác-ti. B. Lỗ Tấn. C. Hô-xê Ri-dan. D. Lép Tôn-xtôi.
- Câu 21. Trong sự phát triển chung của văn hóa châu Âu thời cận đại đã xuất hiện một thiên tài Bét-tô-ven. Ông là ai?
 A. Nhà văn vĩ đại người Áo. B. Nhà bi kịch nổi tiếng người Pháp.
 C. Nhà soạn nhạc thiên tài người Đức. D. Nhà họa sĩ nổi tiếng người Ba Lan.
- Câu 22. Ở Việt Nam có nhà bác học nào nổi tiếng trong thế kỉ XVIII?
 A. Lê Hữu Trác. B. Nguyễn Trường Tộ.
 C. Lê Quý Đôn. D. Lê Văn Hưu.

BÀI 8

ÔN TẬP LỊCH SỬ THẾ GIỚI CẬN ĐẠI

I/ Phần lí thuyết

1. Nhận thức đúng những vấn đề chủ yếu

- Bản chất của cuộc cách mạng tư sản:
- + Hình thức, diễn biến và kết quả đạt được khác nhau, song đều có nguyên nhân sâu xa và cơ bản giống nhau, cùng nhằm mục tiêu chung (giải quyết mâu thuẫn giữa quan hệ sản xuất phong kiến lỗi thời với lực lượng sản xuất mới - tư bản chủ nghĩa).
- + Thắng lợi của cách mạng tư sản ở những mức độ khác nhau đều tạo điều kiện cho chủ nghĩa tư bản phát triển.
- Những năm cuối thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX là thời kì phát triển nhanh chóng và mạnh mẽ của chủ nghĩa tư bản: chủ nghĩa tư bản từ giai đoạn tự do cạnh tranh chuyển dần sang giai đoạn độc quyền, lúc đế quốc chủ nghĩa. Chủ nghĩa đế quốc có những đặc trưng riêng, song về bản chất của chủ nghĩa tư bản vẫn không thay đổi mà chỉ làm cho mâu thuẫn vốn có và mâu thuẫn mới nảy sinh thêm trầm trọng.
- Mâu thuẫn giữa giai cấp vô sản vất vả, hai giai cấp cơ bản của xã hội tư bản chủ nghĩa ngày càng sâu sắc, dẫn đến cuộc đấu tranh của vô sản chống lại tư sản ngày càng mạnh mẽ.
- + Phong trào đấu tranh này phát triển từ "tự phát" đến "tự giác" và là cơ sở cho sự ra đời học thuyết chủ nghĩa xã hội khoa học mà Mác và Ăngghen là những người sáng lập.
- + Chủ nghĩa Mác đã đưa phong trào đấu tranh của công nhân từng bước đi đến thắng lợi, dù phải trải qua những bước thăng trầm, những thất bại.
- Chủ nghĩa tư bản phát triển gắn liền với cuộc xâm chiếm thuộc địa ở Châu á, châu Phi và khu vực Mĩ Latinh.
- Mâu thuẫn giữa các nước đế quốc về vấn đề thuộc địa là nguyên nhân chủ yếu gây ra chiến tranh thế giới thứ nhất.
- Ngay từ đầu, nhân dân các nước bị xâm lược đã đấu tranh mạnh mẽ chống chủ nghĩa thực dân, đế quốc và sau đó chống thế lực phong kiến tay sai.

II/ Phần trắc nghiệm

Câu 1. Năm 1854, Nhật Bản phải kí hiệp ước mở cửa Si-mô-đa và Ha-cô-đa-tê cho nước nào vào buôn bán?

- | | |
|-------------------------------|-------------------|
| A. Tây Ban Nha và Bồ Đào Nha. | B. Nước Mĩ. |
| C. Anh, Pháp, Nga. | D. Mĩ, Đức, Pháp. |

Câu 2. Ngày 1-1-1877 diễn ra sự biến gì ở Ấn Độ?

- A. Cuộc khởi nghĩa Xi-pay bùng nổ
- B. Nữ Hoàng Anh tuyên bố đồng thời là Nữ Hoàng Ấn Độ.
- C. Ấn Độ chính thức rơi vào ách thống trị của thực dân Anh
- D. Ấn Độ tuyên bố độc lập

Câu 3. Sau cuộc chiến tranh Trung - Nhật(1894 -1895), Nhật Bản thôn tính các vùng nào ở châu Á?

- | | |
|-------------------------------------|-----------------------------------|
| A. Triều Tiên, Philippin, Đài Loan. | B. Triều Tiên, Đài Loan, Bành Hồ. |
| C. Đông Nam Á, Triều Tiên. | D. Đông Nam Á và Tây Á |

Câu 4. Một cuộc tấn công “ chọc trời” của giai cấp vô sản diễn ra vào ngày 18-3-1871, đó là sự kiện nào?

- | | |
|----------------------------------|--------------------------------|
| A. Phong trào Hiến chương ở Anh. | B. Khởi nghĩa Sơ-lê-din ở Đức. |
| C. Phong trào Li-ông ở Pháp. | D. Công xã Pa-ri(Pháp). |

Câu 5. Cuộc khởi nghĩa được coi là tiêu biểu nhất trong phong trào giải phóng dân tộc ở Ấn Độ nửa sau thế kỉ XIX là

- | | | | |
|---------------------------|----------------------|------------|------------|
| A. Bom-bay và Can-cút-ta. | B. Đê-li và Bom-bay. | C. Xi-pay. | D. Mi-rút. |
|---------------------------|----------------------|------------|------------|

Câu 6. Trong Đảng Quốc đại của Ấn Độ đã hình thành phái dân chủ cấp tiến do B.Ti-lắc đứng đầu thường được gọi là

- | | |
|---------------------|--------------------|
| A. Phái “Cấp tiến”. | B. Phái “Ôn hòa”. |
| C. Phái “Cực đoan”. | D. Phái “Dân chủ”. |

Câu 7. Cuộc cách mạng Tân Hợi năm 1911, là cuộc cách mạng theo khuynh hướng nào?

- | | |
|-------------------------|-------------------------|
| A. Khuynh hướng vô sản. | B. Khuynh hướng tư sản. |
|-------------------------|-------------------------|

C. Khuynh hướng dân chủ tư sản.

D. Khuynh hướng xã hội chủ nghĩa.

Câu 8. Nguyên nhân cơ bản làm cho phong trào đấu tranh của nhân dân các nước châu Phi chống thực dân phương Tây bị thất bại là

A. Trình độ tổ chức còn thấp, chênh lệch về lực lượng.

B. Phong trào nổ ra chưa đồng bộ.

C. Các nước phương Tây liên kết nhau đàn áp.

D. Các nước châu Phi chưa có kinh nghiệm trong đấu tranh chống thực dân.

Câu 9. Ý nghĩa nào dưới đây không phải của Cách mạng Tân Hợi năm 1911 ở Trung Quốc?

A. Cách mạng đã lật đổ triều Mãn Thanh ở Trung Quốc.

B. Cách mạng đã chấm dứt chế độ chuyên chế ở Trung Quốc.

C. Cách mạng đã thủ tiêu chế độ phong kiến, đánh bại hoàn toàn các đế quốc xâm lược, giải phóng nhân dân Trung Quốc.

D. Cách mạng đã ảnh hưởng nhất định đến cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc của các nước châu Á

Câu 10. Từ năm 1895 đến 1905, Đảng Quốc đại ở Ấn Độ phản đối phương pháp đấu tranh nào trong sự nghiệp chống thực dân Anh?

A. Đấu tranh ôn hòa.

B. Đấu tranh chính trị.

D. Đấu tranh bạo lực.

C. Đấu tranh vũ trang.

Câu 11. Nhà nước vô sản đầu tiên trên thế giới được thành lập, đó là thắng lợi của cuộc cách mạng

A. cách mạng tháng Mười Nga năm 1917.

B. cách mạng tháng Tân Hợi ở Trung Quốc năm 1911.

C. công xã Pa-ri ở Pháp năm 1871.

D. cách mạng tháng Tám ở Việt Nam 1945.

Câu 12. Mâu thuẫn cơ bản trong xã hội tư bản chủ nghĩa là

A. Mâu thuẫn giữa giai cấp tư sản và giai cấp phong kiến.

B. Mâu thuẫn giữa giai cấp tư sản và giai cấp nông dân.

C. Mâu thuẫn giữa giai cấp tư sản và giai cấp công nhân.

D. Mâu thuẫn giữa giai cấp nông dân và giai cấp phong kiến.

Câu 13. Nguyên nhân sâu xa làm bùng nổ các cuộc cách mạng tư sản thời cận đại là

A. trong lòng xã hội phong kiến đã hình thành và phát triển lực lượng sản xuất tư bản chủ nghĩa.

B. trong lòng xã hội phong kiến đã chứa nhiều mâu thuẫn không thể giải quyết được.

C. xã hội phong kiến đã mất hết vai trò lịch sử.

D. trong lòng xã hội phong kiến đã có chế độ tư bản chủ nghĩa.

Câu 14. Một trong những điểm *tích cực* của cách mạng tư sản thời cận đại là

A. Xóa bỏ chế độ phong kiến, xác lập chế độ tư bản chủ nghĩa.

B. tạo điều kiện cho sự phát triển kinh tế, chính trị.

C. đưa loài người bước vào nền văn minh mới-văn minh hậu công nghiệp.

D. Đưa giai cấp tư sản lên vũ đài chính trị.

Câu 15. Nét chung *giống nhau* giữa ba nước Đông Dương trong sự nghiệp đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân Pháp cuối thế kỉ XIX-đầu thế kỉ XX là

A. biểu hiện tinh thần đoàn kết của nhân dân ba nước Đông Dương.

B. mang tính chất tự phát, do sĩ phu phong kiến hay nông dân lãnh đạo.

C. sử dụng bạo lực cách mạng còn hạn chế.

D. mang tính tự giác, do giai cấp vô sản lãnh đạo.

Câu 16. Cuộc cách mạng thời cận đại nào được Lênin đánh giá là một cây chổi khổng lồ quét sạch mọi rác rưởi ở châu Âu?

A. Cách mạng tư sản Hà Lan.

B. Cách mạng tư sản Pháp.

C. Cách mạng tư sản Anh.

D. Cách mạng tư sản Đức.

Câu 17. Vì sao cuối thế kỉ XIX- đầu thế kỉ XX, nhiều sĩ phu yêu nước Việt Nam lại đến Nhật Bản để tìm con đường cứu nước cho dân tộc mình?

A. Nhật Bản có cải cách Minh Trị và đánh thắng Nga trong chiến tranh Nga-Nhật(1904-1905).

B. Nhật Bản là nước đồng văn, đồng chủng.

C. Nhật Bản là nước đi tiên phong trong phong trào chống thực dân phương Tây.

D. Nhật Bản có quan hệ lâu đời với Việt Nam.

PHẦN II
LỊCH SỬ THẾ GIỚI HIỆN ĐẠI (1917 - 1945)
BÀI 9
CÁCH MẠNG THÁNG MƯỜI NGÀ NĂM 1917 VÀ CUỘC ĐẤU TRANH
BẢO VỆ CÁCH MẠNG (1917 - 1921)

I/ Phân lý thuyết

1. Cách mạng tháng Mười Nga năm 1917

a. Tình hình nước Nga trước cách mạng

- Đầu thế kỉ XX, Nga là một nước quân chủ chuyên chế, với sự thống trị của Nga hoàng
- 1914, nước Nga tham gia Chiến tranh thế giới thứ nhất, bộc lộ sự lạc hậu của đất nước.
- Nước Nga còn là "nhà tù" của các dân tộc, với sự thống trị tàn bạo của chế độ Nga hoàng đối với hơn 100 dân tộc trong đế quốc Nga.

=> Nước Nga trở thành nơi tập trung các mâu thuẫn gay gắt của thời đại (mâu thuẫn giữa công nhân và chủ tư bản, giữa nông dân và địa chủ, giữa các dân tộc không phải Nga và chế độ Nga hoàng...). Phong trào phản đối chiến tranh, đòi lật đổ chế độ Nga hoàng lan rộng khắp cả nước. Nước Nga đã tiến sát tới một cuộc cách mạng.

b. Từ Cách mạng tháng Hai đến Cách mạng tháng Mười

- 2/1917, cuộc biểu tình của 9 vạn nữ công nhân ở thủ đô Pêtorôgrat (nay là Xanh Pêtéc-bua). Phong trào đấu tranh lan rộng trong cả nước. Chế độ quân chủ Nga hoàng bị lật đổ, nước Nga trở thành nước Cộng hoà.

- Sau cuộc Cách mạng tháng Hai: hai chính quyền song song tồn tại (Chính phủ lâm thời của giai cấp tư sản và Chính quyền Xô Viết của công nhân nông dân và binh lính) với mục tiêu và đường lối chính trị khác nhau.

- Để giải quyết tình hình phức tạp đó, V. Lênin đã đề ra Luận cương tháng Tư “*chuyển từ cách mạng dân chủ tư sản sang cách mạng xã hội chủ nghĩa*”.

- Đêm 24/10/1917, cuộc khởi nghĩa đã bùng nổ và thắng lợi ở thủ đô Pêtorôgrat. Chính phủ lâm thời bị lật đổ. Đến đầu năm 1918, cuộc cách mạng thắng lợi trên phạm vi cả nước cùng sự thành lập Chính quyền Xô viết các cấp từ trung ương đến địa phương.

2. Ý nghĩa lịch sử của Cách mạng tháng Mười Nga

- Cách mạng tháng Mười đã làm thay đổi hoàn toàn tình hình đất nước và xã hội Nga - nhân dân lao động các dân tộc trong đế quốc Nga được giải phóng, làm chủ đất nước, làm chủ vận mệnh của mình.

- Cách mạng tháng Mười Nga đã làm thay đổi cục diện thế giới với sự ra đời của chế độ xã hội chủ nghĩa ở nước Nga, cổ vũ và thúc đẩy phong trào cách mạng thế giới.

II/ Phân trắc nghiệm

Câu 1: Tình hình chính trị nước Nga trước cách mạng tháng Hai năm 1917?

- | | |
|------------------------------|-----------------------|
| A. Quân chủ chuyên chế. | C. Quân chủ lập hiến. |
| B. Thuộc địa nửa phong kiến. | D. Cộng hoà. |

Câu 2: Nước Nga trong chiến tranh thế giới lần thứ nhất thuộc phe nào?

- | | | | |
|---------------|---------------|--------------|---------------|
| A. Trung lập. | B. Liên minh. | C. Hiệp ước. | D. Đồng minh. |
|---------------|---------------|--------------|---------------|

Câu 3: Nền kinh tế nước Nga đầu thế kỉ XX như thế nào?

- | | |
|---|-------------------------------------|
| A. Nền kinh tế tư bản chủ nghĩa phát triển. | C. Nền kinh tế nông nghiệp lạc hậu. |
| B. Nền kinh tế tư bản chậm phát triển. | D. Nền kinh tế xã hội chủ nghĩa. |

Câu 4: Cách mạng tháng 2/1917 ở nước Nga đã

- A. đưa nước Nga ra khỏi chiến tranh thế giới lần thứ nhất.
- B. giải quyết được mâu thuẫn giữa giai cấp Tư sản và vô sản.
- C. lật đổ chế độ quân chủ chuyên chế Nga hoàng.
- D. giải quyết được vấn đề ruộng đất và vấn đề dân tộc ở Nga.

Câu 5: Mục tiêu trong “Luận cương tháng Tư” của Lênin là gì?

- A. Chuyển từ cách mạng dân chủ tư sản sang cách mạng xã hội chủ nghĩa
- B. Chuyển từ chế độ phong kiến sang cách mạng dân chủ tư sản

C. Duy trì chính phủ lâm thời của giai cấp tư sản.

D. Tạo điều kiện cho giai cấp tư sản phát triển.

Câu 6: Sự kiện lịch sử nào đã mở đầu cuộc cách mạng dân chủ tư sản tháng Hai năm 1917 ở Nga?

A. Cuộc biểu tình của 9 vạn nữ công nhân Pêtorôgorát.

B. Cuộc tấn công cung điện mùa đông vào ngày 25/10/1917.

C. Cuộc khởi nghĩa vũ trang của công nhân ở Mát-xcơ-va.

D. Cuộc nổi dậy của nông dân vùng ngoại ô Mát-xcơ-va.

Câu 7: Chính quyền được thành lập sau cách mạng tháng 2/1917 là

A. Nền chuyên chính của giai cấp vô sản.

B. Chính quyền của giai cấp Tư sản.

C. Nền chuyên chính của của quý tộc và phò kiến.

D. Chính phủ tư sản lâm thời và chính quyền xô viết song song tồn tại.

Câu 8: Cuộc cách mạng tháng mười Nga năm 1917 giành thắng lợi đã:

A. Đập tan ách áp bức bóc lột của phong kiến, tư sản giải phóng công nhân và nhân dân lao động, đưa công nhân và nhân dân lao động lên nắm chính quyền, xây dựng chủ nghĩa xã hội.

B. Đập tan ách áp bức bóc lột và âm mưu xâm lược của các nước đế quốc ở châu Âu.

C. Đập tan ách áp bức bóc lột và âm mưu xâm lược của Mĩ muốn làm bá chủ thế giới.

D. Đập tan âm mưu của Nga hoàng muốn khôi phục lại chế độ phong kiến.

Câu 9: Kết quả của cách mạng tháng Hai là

A. lật đổ chế độ Nga hoàng, tồn tại hai chính quyền song song. B. tồn tại chế độ Nga hoàng

C. lật đổ chế độ Nga hoàng, tồn tại ba chính quyền. D. lật đổ chính quyền của giai cấp tư sản

Câu 10: Cách mạng tháng 2/1917 ở Nga mang tính chất là cuộc cách mạng:

A. Cuộc cách mạng dân tộc dân chủ.

B. Cuộc cách mạng dân chủ tư sản kiểu mới.

C. Cuộc cách mạng dân chủ tư sản.

D. Cuộc cách mạng giải phóng dân tộc.

Câu 11: Báo cáo của V. I. Lênin trước Trung ương Đảng Bôn-sê-vích Nga (tháng 4 - 1917) chỉ ra mục tiêu và đường lối chuyển từ cách mạng dân chủ tư sản sang

A. cuộc nội chiến cách mạng.

B. cách mạng xã hội chủ nghĩa.

C. cách mạng tư sản kiểu mới.

D. tư sản dân quyền cách mạng.

Câu 12: Nét nổi bật nhất về tình hình kinh tế của Nga trước cách mạng là

A. kinh tế nông nghiệp rất lạc hậu.

B. kinh tế tư bản chủ nghĩa phát triển rất nhanh.

C. đứng vị trí thứ nhất trên thế giới về sản lượng công nghiệp.

D. mảm mống kinh tế tư bản chủ nghĩa đã xuất hiện.

Câu 13: Yếu tố quan trọng nhất thúc đẩy cho tình thế cách mạng mau chín muồi ở nước Nga là

A. Nga hoàng tham gia chiến tranh thế giới thứ nhất đã đẩy nước Nga vào tình trạng khủng hoảng trầm trọng về mọi mặt.

B. Đảng Công nhân xã hội dân chủ Nga thành lập.

C. giai cấp tư sản Nga ngày càng lớn mạnh.

D. phong trào công nhân phát triển mạnh trên toàn quốc.

Câu 14: Kết quả lớn nhất của cuộc Cách mạng tháng Hai năm 1917 ở Nga là

A. xoá bỏ hoàn toàn chế độ phong kiến Nga hoàng.

B. chính quyền hoàn toàn thuộc về tay giai cấp vô sản.

C. chính quyền hoàn toàn thuộc về tay giai cấp tư sản.

D. một chế độ xã hội mới không có áp bức bóc lột được thiết lập.

Câu 15: Tính chất của cuộc Cách mạng Tháng Hai năm 1917 ở nước Nga là

A. cách mạng vô sản.

C. cách mạng dân chủ tư sản kiểu mới.

B. cách mạng tư sản.

D. cách mạng dân chủ tư sản.

Câu 16: Phương pháp đấu tranh để chuyển chính quyền từ tay giai cấp tư sản sang giai cấp vô sản ở nước Nga năm 1917 là

A. hoà bình.

C. kết hợp đấu tranh hoà bình với đấu tranh vũ trang.

B. thương lượng, đàm phán.

D. khởi nghĩa vũ trang.

Câu 17: (Đề 2018) Cuộc Cách mạng tháng Mười Nga năm 1917 đã

- A. dẫn đến tình trạng hai chính quyền song song tồn tại.
- B. giúp Nga hoàn thành mục tiêu xây dựng chủ nghĩa xã hội.
- C. đưa nhân dân Nga lên làm chủ vận mệnh của mình.
- D. giúp Nga đẩy lùi được nguy cơ ngoại xâm và nội phản.

Câu 18: Đường lối chuyển từ cách mạng dân chủ tư sản sang cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước Nga (1917 được V. I. Lênin đề ra trong

- A. Chính sách cộng sản thời chiến.
- B. Luận cương về vấn đề dân tộc và thuộc địa.
- C. Chính sách kinh tế mới (NEP).
- D. Luận cương tháng Tư.

Câu 19: Báo cáo của Lênin trước Trung ương Đảng Bôn-sê-vích Nga (tháng 4 - 1917) chỉ ra mục tiêu và đường lối chuyển từ cách mạng dân chủ tư sản sang

- A. cách mạng xã hội chủ nghĩa.
- B. tư sản dân quyền cách mạng.
- B. cách mạng tư sản kiểu mới.
- D. cuộc nội chiến cách mạng

Câu 20: Một trong những ý nghĩa to lớn của cách mạng tháng Mười Nga năm 1917 là

- A. đập tan ách áp bức bóc lột phong kiến, đưa nhân dân lao động lên địa vị làm chủ.
- B. tạo thế cân bằng trong so sánh lực lượng giữa chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản.
- C. cổ vũ và để lại nhiều bài học kinh nghiệm quý báu cho phong trào cách mạng thế giới.
- D. Tạo tiền đề để Lênin thành lập quốc tế cộng sản của giai cấp công nhân thế giới.

Câu 21: Điểm khác nhau giữa cách mạng tháng Hai năm 1917 ở Nga với các cuộc cách mạng trước đó ở các nước Âu - Mỹ là về

- A. lực lượng tham gia.
- B. lãnh đạo cách mạng.
- C. đối tượng cách mạng.
- D. nhiệm vụ cách mạng.

Câu 22: Từ năm 1919 - 1930 sự kiện quốc tế nào có tác động, ảnh hưởng mạnh mẽ đến sự phát triển của cách mạng Việt Nam?

- A. Chiến tranh thế giới thứ nhất kết thúc 1918.
- B. Quốc tế Cộng sản ra đời năm 1919.
- C. Đảng Cộng sản Pháp và Trung được thành lập.
- D. Thắng lợi của cách mạng tháng Mười Nga.

Câu 23: Nhiệm vụ hàng đầu của chính quyền Xô viết sau cách mạng tháng Mười Nga năm 1917 là

- A. xây dựng quân đội Xô viết hùng mạnh.
- B. đập tan bộ máy nhà nước cũ của gia cấp tư sản và địa chủ.
- C. duy trì bộ máy chính quyền cũ.
- D. đàm phán để xây dựng bộ máy chính quyền.

BÀI 10

LIÊN XÔ XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI (1921 - 1941)

I/ Phần lí thuyết

1. Chính sách kinh tế mới và công cuộc khôi phục kinh tế (1921 - 1941)

a. Chính sách kinh tế mới

- 1921, nước Nga Xô viết bước vào thời kì hoà bình, xây dựng đất nước trong hoàn cảnh cực kì khó khăn: nền kinh tế bị tàn phá nghiêm trọng, tình hình chính trị - xã hội không ổn định, bạo loạn xảy ra ở khắp nơi.

- 3/1921, Lênin đề ra *chính sách kinh tế mới*, bao gồm các chính sách quan trọng về nông nghiệp, công nghiệp, thương nghiệp và tiền tệ; trong đó quan trọng nhất là thay thế chế độ trưng thu lương thực thừa bằng chế độ thu thuế lương thực; cho phép tự do buôn bán nhằm khôi phục, đẩy mạnh mối liên hệ giữa thành thị và nông thôn; tư nhân và tư bản nước ngoài được khuyến khích kinh doanh, đầu tư ở Nga dưới sự kiểm soát của nhà nước, nhà nước chỉ nắm các ngành kinh tế chủ chốt.

- Kết quả: Kinh tế nước Nga được khôi phục và chuyển đổi kịp thời từ nền kinh tế do nhà nước nắm độc quyền về mọi mặt sang *nền kinh tế nhiều thành phần*, nhưng vẫn đặt dưới sự kiểm soát của Nhà nước.

b. Sự thành lập Liên bang Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Xô viết

- 12/1922, *Liên bang Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Xô viết* (Liên Xô) đã được thành lập gồm 4 nước cộng hoà đầu tiên là: Nga, Ucraina, Bêlôrút-xia và Ngoại Capadô.

- Tư tưởng chỉ đạo cơ bản của Lênin trong việc thành lập Liên bang Xô viết là sự bình đẳng chủ quyền về mọi mặt và quyền dân tộc tự quyết của các dân tộc, sự giúp đỡ lẫn nhau trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội.

2. Công Cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô (1925 - 1941)

a. Những kế hoạch 5 năm đầu tiên

- Sau khi hoàn thành công cuộc khôi phục kinh tế, nhân dân Liên Xô bước vào thời kì xây dựng chủ nghĩa xã hội, với nhiệm vụ trọng tâm là *tiến hành công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa* theo đường lối ưu tiên phát triển công nghiệp nặng (công nghiệp chế tạo máy móc, công nghiệp năng lượng, công nghiệp khai khoáng, công nghiệp quốc phòng...).

- Liên Xô từng bước giải quyết thành công các vấn đề liên quan tới công cuộc công nghiệp hoá như: vốn đầu tư, đào tạo cán bộ kĩ thuật và công nhân lành nghề...

- 1928, Liên Xô bắt đầu thực hiện các kế hoạch 5 năm phát triển dài hạn.

- Kết quả: Liên Xô đạt được nhiều thành tựu to lớn, đưa Liên Xô từ một nước nông nghiệp trở thành một cường quốc công nghiệp xã hội chủ nghĩa. Năm 1937, sản lượng công nghiệp chiếm tới 77,4% tổng sản phẩm quốc dân.

- Bên cạnh những thành tựu to lớn là chủ yếu, trong suốt thời kì này Ban lãnh đạo Liên Xô đã phạm phải một số sai lầm, thiếu sót như: không coi trọng nguyên tắc tự nguyện của nông dân trong tập thể hoá, chưa chú ý đúng mức việc đảm bảo và nâng cao đời sống nhân dân...

b. Quan hệ đối ngoại của Liên Xô

- Sau Cách mạng tháng Mười, chính quyền Xô viết thiết lập quan hệ ngoại giao với một số nước ở châu Á và châu Âu.

- 1925, Liên Xô đã thiết lập quan hệ ngoại giao chính thức với trên 20 quốc gia như Đức, Anh, Italia, Pháp, Nhật..., riêng với Mỹ phải tới năm 1933.

=> Liên Xô từng bước phá vỡ chính sách bao vây về kinh tế và cô lập về ngoại giao của các nước đế quốc, địa vị của Nhà nước Xô viết ngày một nâng cao trên trường quốc tế.

II/ Phần trắc nghiệm

Câu 1: Liên xô đặt quan hệ ngoại giao với các nước: Đức, Anh, Ý, Pháp, Nhật trong khoảng thời gian nào ?

A. Trong những năm 1922 - 1925.

B. Trong những năm 1921 - 1925.

C. Trong những năm 1922 - 1924.

D. Trong những năm 1922 - 1928

Câu 2: Liên xô đặt quan hệ ngoại giao với Mỹ vào năm nào?

A. Năm 1933.

Năm 1934.

C. Năm 1935.

D. Năm 1936.

Câu 3: Để khôi phục kinh tế sau chiến tranh, tháng 3/1921 Lê nin và đảng Bôn sê vich đã thực hiện:

- A. Ban hành hành sắc lệnh hoà bình và Sắc lệnh ruộng đất. B. Ban hành chính sách kinh tế mới.
C. Ban hành chính sách cộng sản thời chiến. D. Cải cách chính phủ.

Câu 4: Nội dung của “Chính sách kinh tế mới” mà nước Nga thực hiện là

- A. Nhà nước Xô viết nắm độc quyền về kinh tế về mọi mặt.
B. Nhà nước kiểm soát toàn bộ công nghiệp, trưng thu lương thực thừa của nông dân.
C. Tạo ra nền kinh tế nhiều thành phần nhưng vẫn đặt dưới sự kiểm soát của nhà nước
D. Thi hành chính sách lao động cưỡng bức đối với nông dân.

Câu 5: Nhiệm vụ trọng tâm trong công cuộc xây dựng CNXH ở Liên xô từ năm từ năm 1925 đến năm 1941 là

- A. Phát triển công nghiệp nhẹ. B. Phát triển công nghiệp quốc phòng.
C. Phát triển công nghiệp xã hội chủ nghĩa. D. Phát triển công nghiệp giao thông vận tải.

Câu 6: Thành tựu lớn nhất của Liên xô trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội (1925-1941) là

- A. đời sống vật chất tinh thần của người dân ngày càng được tăng lên.
B. hơn 60 triệu người dân Liên xô thoát nạn mù chữ.
C. Liên xô từ một nước nông nghiệp (chiếm 2/3 tổng sản phẩm kinh tế quốc dân) trở thành cường quốc công nghiệp xã hội chủ nghĩa.
D. hoàn thành tập thể hoá nông nghiệp.

Câu 7: Kế hoạch 5 năm lần thứ nhất, lần thứ hai của Liên xô đều hoàn thành vượt thời gian chứng tỏ điều gì?

- A. Đưa Liên Xô từ một nước nông nghiệp lạc hậu trở thành cường quốc công nghiệp xã hội chủ nghĩa.
B. Sự nóng vội đốt cháy giai đoạn của Liên xô trong việc xây dựng chủ nghĩa xã hội.
C. Liên xô đã trở thành một cường quốc công nghiệp đứng số 1 thế giới.
D. Liên xô đã hoàn thành triệt để công nghiệp hoá đất nước.

Câu 8: Từ 1922 đến 1933 nhiều nước trên thế giới đã công nhận và thiết lập quan hệ ngoại giao với Liên xô điều này chứng tỏ

- A. khẳng định địa vị của Liên xô ngày càng được nâng cao trên trường quốc tế.
B. các nước đế quốc đã nể sợ Liên xô.
C. Liên xô trở thành thị trường tiềm năng đối với nền kinh tế các nước lớn.
D. mâu thuẫn giữa tư bản chủ nghĩa và xã hội chủ nghĩa đã chấm hết.

Câu 9: Nhân dân Liên xô tạm ngừng công cuộc xây dựng đất nước trong khi đang tiến hành kế hoạch năm năm lần thứ 3 vì?

- A. Liên xô đã hoàn thành công cuộc xây dựng CNHX trước thời hạn.
B. Các nước đế quốc bao vây, tấn công nên liên xô phải tiến hành cuộc chiến tranh giữ nước.
C. Liên xô chuyển sang kế hoạch xây dựng CNXH dài hạn.
D. Phát xít Đức tấn công Liên xô (1941), nhân dân Liên xô phải tiến hành cuộc chiến tranh vệ quốc.

Câu 10: Thực chất của chính sách kinh tế mới của Lê nin là

- A. Nhà nước nắm độc quyền về kinh tế.
B. Cho phép kinh tế tự do phát triển, không cần sự quản lí của nhà nước.
C. Phát triển kinh tế nhiều thành phần có sự có sự điều tiết và quản lí của nhà nước.
D. Phát triển kinh tế do tư nhân quản lí.

Câu 11: Vì sao việc thực hiện chính sách kinh tế mới “NEP” lại bắt đầu từ Nông nghiệp?

- A. Vì nông dân chiến tuyến đối trong xã hội.
B. Vì nông nghiệp là ngành kinh tế then chốt trong xã hội
C. Vì chính sách trưng thu lương thực thừa đang làm nhân dân bất bình
D. Vì các sản phẩm nông nghiệp đáp ứng được nhu cầu xuất khẩu của đất nước.

Câu 12: Tại sao việc xây dựng chủ nghĩa xã hội nhân dân Liên Xô phải tiến hành công nghiệp hoá đầu tiên?

- A. Công nghiệp hoá sẽ trang bị cơ sở vật chất cho Liên xô.
B. Công nghiệp hoá giúp Liên xô trở thành cường quốc công nghiệp đứng số 1 thế giới.
C. Đưa Liên Xô từ một nước nông nghiệp lạc hậu trở thành cường quốc công nghiệp xã hội chủ nghĩa.

D. Công nghiệp hoá thành công sẽ làm cho Mỹ nể sợ.

Câu 13: Điểm mới của “Chính sách kinh tế mới” của Lênin (1921) so với chính sách Cộng sản thời chiến là

- A. nhà nước nắm độc quyền kiểm soát nền kinh tế.
- B. chuyển sang nền kinh tế nhiều thành phần đặt dưới sự kiểm soát của nhà nước.
- C. chú trọng phát triển nền kinh tế tri thức.
- D. Tăng cường quan hệ hợp tác với các nước phương Tây.

Câu 14: Nội dung nào sau đây *không* đúng khi nói về tình hình chính trị - xã hội nước Nga sau khi cách mạng thành công?

- A. sự chống phá của các lực lượng phản cách mạng liên tiếp gây bạo loạn ở nhiều nơi.
- B. khối liên minh công - nông được tăng cường và củng cố vững chắc.
- C. nông dân bất bình với việc trưng thu lương thực thừa và một số đã bị các thế lực phản cách mạng kích động làm loạn ở một vài nơi.
- D. tinh thần đội ngũ công nhân bị phân tán và suy giảm do đói kém và mệt mỏi.

Câu 15: Nội dung của Chính sách kinh tế mới trong lĩnh vực nông nghiệp là

- A. bãi bỏ trưng thu lương thực thừa và thay bằng thu thuế lương thực.
- B. chia đều ruộng đất cho nông dân.
- C. thành lập các hợp tác xã nông nghiệp.
- D. đẩy mạnh cơ giới hóa nông nghiệp.

Câu 16: Nội dung chủ yếu của Chính sách kinh tế mới trong lĩnh vực thương nghiệp và tiền tệ là

- A. tư nhân được tự do buôn bán trao đổi, phát hành đồng rúp mới.
- B. hạn chế quan hệ thương mại với thương nhân nước ngoài.
- C. tập trung xây dựng các hợp tác xã thương nghiệp ở thành thị.
- D. hạn chế việc trao đổi hàng hóa giữa các địa phương.

Câu 17: Nội dung nào sau đây không đúng với hoàn cảnh của việc thành lập Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô viết?

- A. Đất nước Xô viết đã được hoàn toàn giải phóng và bắt đầu công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội.
- B. Nhà nước Xô viết đã thiết lập được quan hệ ngoại giao với 20 quốc gia trên thế giới.
- C. Các thế lực đế quốc bên ngoài vẫn chưa từ bỏ âm mưu phá hoại đất nước Xô viết.
- D. Trình độ phát triển giữa các dân tộc không đều về kinh tế, chính trị, văn hóa.

Câu 18: Mục đích của việc thành lập Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô viết là

- A. phát huy sức mạnh của tinh đoàn kết giữa các dân tộc cùng nhau xây dựng và bảo vệ đất nước.
- B. để thực hiện dễ dàng nhiệm vụ công nghiệp hóa đất nước.
- C. để cạnh tranh có hiệu quả với Hợp chúng quốc châu Mỹ.
- D. để biến nước Nga thành cường quốc kinh tế mạnh nhất ở châu Âu.

Câu 19: Tháng 3 - 1921, Đảng Bôn-sê-vích quyết định thực hiện Chính sách kinh tế mới (NEP) ở nước Nga trong bối cảnh

- A. đã hoàn thành nhiệm vụ công nghiệp hóa.
- B. đã hoàn thành tập thể hóa nông nghiệp.
- C. quan hệ sản xuất phong kiến vẫn thống trị.
- D. nền kinh tế quốc dân bị tàn phá nghiêm trọng.

Câu 20: Tại sao Liên Xô lại xác định công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa là nhiệm vụ trọng tâm của thời kỳ xây dựng chủ nghĩa xã hội (1925 - 1941)?

- A. Liên Xô là nước nông nghiệp lạc hậu, kinh tế bị bao vây.
- B. Liên Xô bị chiến tranh tàn phá nghiêm trọng.
- C. Chính sách kinh tế mới chưa đưa lại hiệu quả kinh tế cao.
- D. Liên Xô muốn vươn lên trở thành cường quốc nghiệp.

Câu 21: Tại sao chính sách kinh tế mới lại được thực hiện ở Nga năm 1921?

- A. Liên minh các nước đế quốc can thiệp vũ trang vào nước Nga.
- B. Chính sách Cộng sản thời chiến không còn phù hợp nữa.
- C. Chính trị ổn định Đảng Bôn sê vích được củng cố.
- D. Nhân dân phần khởi muốn xây dựng chế độ mới.

BÀI 11

**TÌNH HÌNH CÁC NƯỚC TƯ BẢN CHỦ NGHĨA GIỮA HAI
CUỘC CHIẾN TRANH THẾ GIỚI (1918 – 1939)**

I/ Phân lý thuyết

1. Thiết lập trật tự thế giới theo hệ thống Vécxai - Oasinhton

- Sau Chiến tranh thế giới thứ nhất kết thúc, các nước tư bản thắng trận đã tổ chức Hội nghị hoà giải ở Vécxai (1918 - 1919) và Oasinhton (1921 - 1922) để kí kết hoà ước vắcc hiệp ước phân chia quyền lợi.

- Một trật tự thế giới mới đã được xác lập, thường được gọi là *hệ thống Vécxai - Oasinhton*. Các nước Anh, Pháp, Mĩ, Nhật Bản giành được nhiều quyền lợi về kinh tế cũng như áp đặt sự nô dịch với các nước bại trận và các dân tộc thuộc địa phụ thuộc.

- Hội nghị Vécxai còn quyết định thành lập Hội Quốc liên, nhằm duy trì trật tự thế giới mới, với dự tham gia của 44 quốc gia thành viên.

3. Cuộc khủng hoảng kinh tế 1929 - 1933 và những hậu quả của nó

- Nguyên nhân: Sản xuất ồ ạt, chạy theo lợi nhuận, không tương xứng với việc cải thiện đời sống cho người lao động, dẫn đến cuộc khủng hoảng trầm trọng về kinh tế (khủng hoảng thừa).

- 10-1929, cuộc khủng hoảng kinh tế bùng nổ ở Mĩ, sau đó nhanh chóng lan ra toàn bộ thế giới tư bản. Đây là cuộc khủng hoảng trầm trọng nhất, kéo dài nhất trong lịch sử của chủ nghĩa tư bản và đã gây ra những hậu quả nghiêm trọng về kinh tế, chính trị, xã hội đối với các nước tư bản và các nước thuộc địa.

- Các nước tư bản đều ra sức tìm lối thoát ra khỏi khủng hoảng và duy trì ách thống trị của giai cấp tư sản. Các nước như Mĩ, Anh, Pháp đã tiến hành về những cải cách về kinh tế - xã hội. Các nước khác như Đức, Italia, Nhật Bản lại tìm kiếm lối thoát bằng những hình thức thống trị mới với việc thiết lập các chế độ độc tài phát xít - nền chuyên chế khủng bố công khai của những thế lực phản động nhất, hiếu chiến nhất.

II/ Phân trắc nghiệm

Câu 1: Chiến tranh thế giới lần thứ nhất kết thúc các nước thắng trận họp ở Véc-xai (Pháp) nhằm:

- A. kí kết một loạt các hiệp ước và hoà ước để phân chia quyền lợi.
- B. bàn cách hợp tác về quân sự.
- C. bàn cách đối phó chống lại liên xô.
- D. bàn cách nhằm phát triển kinh tế ở châu Âu.

Câu 2: Những nước giành được nhiều quyền lợi nhất trong hội nghị Véc-Xai là :

- A. Anh, Pháp Mỹ, Nhật.
- B. Pháp, Đức, Nga.
- C. Mĩ, Anh, Đức, Ý.
- D. Tây Ban Nha, Nhật bản.

Câu 3: Nhằm duy trì một trật tự thế giới mới bảo vệ quyền lợi cho mình, các nước thắng trận, đã thành lập một tổ chức quốc tế mới có tên gọi là:

- A. Tổ chức liên hợp quốc.
- B. Hội quốc Liên.
- C. Hội liên hiệp quốc tế mới.
- D. Hội Tư bản.

Câu 4: Cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới diễn ra đầu tiên ở nước nào?

- A. Anh.
- B. Mĩ.
- C. Pháp.
- D. Đức.

Câu 5: Nguyên nhân dẫn đến cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới 1929-1933 là do

- A. Các nước tư bản không điều tiết được sản xuất.
- B. Sản xuất ồ ạt, chạy theo lợi nhuận dẫn đến cung vượt quá cầu .
- C. Người dân không đủ tiền mua hàng hoá.
- D. Tác động của cao trào cách mạng thế giới 1918 - 1923.

Câu 6: Hậu nghiêm trọng nhất của cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới 1929 - 1933 là

- A. hàng triệu người trên thế giới thất nghiệp.
- B. nhiều người bị phá sản, mất hết tiền bạc và nhà cửa.
- C. sự xuất hiện của chủ nghĩa Phát xít và nguy cơ chiến tranh thế giới 2.

D. lạm phát trở nên phi mã, nhà nước không thể điều tiết được.

Câu 7: Chủ nghĩa phát xít và nguy cơ một cuộc chiến tranh thế giới mới, quốc tế cộng sản đã

A. Chủ trương trương thành lập mặt trận nhân dân chống phát xít.

B. Giúp đỡ nước Pháp chống chủ nghĩa phát xít.

C. Kêu gọi nhân dân thế giới nhanh chóng thoát ra khỏi cuộc khủng hoảng.

D. Tìm cách hạn chế quyền lực của Hít le.

Câu 8: Thắng lợi của mặt trận nhân dân pháp trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa phát xít, chống chiến tranh đế quốc đã:

A. Lật đổ được chế độ phát xít tồn tại lâu đời ở Pháp.

B. Thành lập đảng cộng sản Pháp.

C. Thành lập hội liên hiệp chống chủ nghĩa phát xít ở Pháp.

D. Giành thắng lợi trong cuộc tổng tuyển cử 6/1936 và thành lập một chính phủ mới.

Câu 9: Cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới (1929-1933) hình thành 2 khối đế quốc đối lập nhau là

A. Mĩ - Anh - Đức và Nhật-Ý- Pháp.

B. Mĩ - Ý - Nhật và Anh - Pháp - Đức

C. Mĩ - Anh - Pháp và Đức - Ý- Nhật.

D. Đức - Áo - Hung - Ý và Anh- Pháp - Nga.

Câu 10: Hội quốc liên ra đời nhằm mục đích gì?

A. Duy trì một trật tự thế giới mới.

B. Bảo vệ hoà bình và an ninh thế giới.

C. Giải quyết tranh chấp quốc tế.

D. Không chế các công ti độc quyền xuyên quốc gia.

Câu 11: Trật tự thế giới mới được thiết lập sau chiến tranh thế giới thứ nhất còn được gọi là

A. trật tự hai cực I-an-ta.

C. hệ thống Vec-xai – Oa-sinh-ton.

B. trật tự đa cực.

D. hệ thống Pa-ri – Pôt-xđam.

Câu 12. Ý nào sau đây không đúng với nội dung của hệ thống Véc-xai-Oa-sinh-ton?

A. sự phân chia quyền lợi giữa các nước tư bản thắng trận.

B. xác lập sự áp đặt, nô dịch của các nước đế quốc thắng trận với các nước bại trận.

C. xác lập sự áp đặt, nô dịch đối với các dân tộc thuộc địa và phụ thuộc.

D. Sự tranh giành quyền lợi sau chiến tranh của các nước đế quốc Anh – Nhật.

Câu 13: Năm 1919, để duy trì trật tự thế giới mới và bảo vệ quyền lợi của mình, các nước tư bản thắng trận đã thành lập một tổ chức quốc tế?

A. Hội Quốc liên.

C. Khối thị trường chung châu Âu.

B. Liên Hiệp Quốc.

D. Hội đồng giám sát.

Câu 14: Quốc tế Cộng sản được thành lập trong hoàn cảnh

A. phong trào đấu tranh của công nhân châu Âu tạm thời lắng xuống.

B. phong trào cách mạng thế giới phát triển mạnh và Đảng Cộng sản đã được thành lập ở nhiều nước.

C. chủ nghĩa phát xít xuất hiện và đe dọa hòa bình an ninh thế giới.

D. thành lập mặt trận nhân dân chống phát xít và lan rộng ở nhiều nước.

Câu 15: Để đối phó với chủ nghĩa phát xít, Đại hội lần thứ VII Quốc tế Cộng sản đã đưa ra nghị quyết quan trọng

A. các Đảng Cộng sản phải hiểu rõ bản chất giai cấp của chủ nghĩa phát xít.

B. các Đảng Cộng sản phải tích cực đấu tranh thành lập mặt trận thống nhất rộng rãi, đấu tranh chống chủ nghĩa phát xít.

C. giai cấp công nhân và nhân dân lao động thế giới phải đẩy mạnh phong trào đấu tranh chống chủ nghĩa phát xít.

D. tiêu diệt chủ nghĩa đế quốc, thành lập chính quyền dân chủ ở các nước tư bản.

BÀI 12

**NƯỚC ĐỨC GIỮA HAI CUỘC CHIẾN TRANH THẾ GIỚI
(1918 – 1939)**

I/ Phân lý thuyết

1. Nước Đức trong những năm 1929 - 1933

a. Khủng hoảng kinh tế và quá trình Đảng Quốc xã lên cầm quyền

- Cuộc khủng hoảng kinh tế 1929 - 1933 đã giáng một đòn hết sức nặng nề đối với nền kinh tế Đức. Năm 1932, sản xuất công nghiệp giảm tới 47% so với trước khủng hoảng, hàng nghìn nhà máy phải đóng cửa, khiến 5 triệu người thất nghiệp,... Đất nước lâm vào khủng hoảng chính trị - xã hội trầm trọng.

- Trong bối cảnh ấy, Đảng Quốc xã của Hitle đã ráo riết hoạt động, đẩy mạnh tuyên truyền, kích động chủ nghĩa phục thù, chống cộng và phát xít hoá bộ máy nhà nước.

- Ngày 30/1/1933, Hitle đã được đưa lên làm Thủ tướng và thành lập chính phủ mới của đảng Quốc xã. Nước Đức bước vào một thời kì đen tối.

b. Nước Đức trong những năm 1933 - 1939

Sau khi lên cầm quyền, Chính phủ Hitle đã thiết lập nền chuyên chế độc tài khủng bố công khai với chính sách đối nội cực kì phản động và đối ngoại hiếu chiến xâm lược.

- *Về chính trị:* Chính phủ Hitle công khai đàn áp, truy nã các đảng phái dân chủ, tiến bộ, trước hết đối với Đảng Cộng sản Đức, tuyên bố huỷ bỏ Hiến pháp Vaima.

- *Về kinh tế:* đẩy mạnh việc quân sự hoá nền kinh tế nhằm phục vụ các yêu cầu chiến tranh xâm lược. Năm 1938, tổng sản lượng công nghiệp của Đức tăng 28% so với trước khủng hoảng và đứng đầu châu Âu tư bản về số lượng thép và điện.

- *Về đối ngoại:* chính quyền Hitle ráo riết đẩy mạnh các hoạt động chuẩn bị chiến tranh, + 10/1933 Đức tuyên bố rút khỏi Hội Quốc liên để tự do hành động.

+ 1935 khi ban hành lệnh tổng động viên, thành lập quân đội thường trực và triển khai các hoạt động xâm lược ở châu Âu. Biến nước Đức thành *một trại lính khổng lồ* chuẩn bị tiến hành các kế hoạch gây chiến tranh xâm lược.

II/ Phân trắc nghiệm

Câu 1: Năm 1929 sản lượng công nghiệp củ Đức đã :

- A. vượt qua Anh, Ý, đứng đầu châu Âu. B. vượt qua Anh, Mĩ, đứng đầu thế giới
C. vượt qua Anh, Pháp, đứng đầu châu Âu. D. vượt qua Anh, Pháp, Mĩ, đứng đầu thế giới.

Câu 2: Đức tuyên bố rút ra khỏi hội quốc Liên để được tự do hành động vào :

- A. Tháng 10/1933. C. Tháng 10/1934.
B. Tháng 10/1935 D. Tháng 10/1936

Câu 3: Tại sao Đức, Ý, Nhật bản lại đi theo con đường phát xít hoá bộ máy nhà nước để cứu vãn tình trạng khủng hoảng kinh tế:

- A. Vì cay cú sau thất bại trong chiến tranh thế giới thứ nhất.
B. Vì có ít thuộc địa, ngày càng thiếu vốn, thiếu nguyên liệu và thị trường.
C. Vì Phát xít hoá bộ máy nhà nước mới tập trung được sức mạnh để khôi phục kinh tế.
D. Đó là những nước quân phiệt hiếu chiến.

Câu 4: Để thiết lập nền chuyên chính độc tài, chính phủ Hít le đã :

- A. Công khai khủng bố các đảng phái dân chủ tiến bộ. B. Ám sát tổng thống Hin đen bua.
C. Rút ra khỏi hội quốc liên. D. Không sản xuất công nghiệp nhe.

Câu 5: Cuộc khủng hoảng kinh tế 1929-1933 đã:

- A. Không tác động, ảnh hưởng gì đến nước Đức.
B. Tạo điều kiện cho nền công nghiệp nước Đức phát triển nhanh chóng.
C. Giáng đòn nặng nề vào kinh tế nước Đức, cuộc khủng hoảng chính trị ngày càng trầm trọng
D. Làm cho phong trào công nhân phát triển nhanh chóng.

Câu 6: Để thoát khỏi khủng hoảng kinh tế 1929-1933 giới cầm quyền Đức đã:

- A. Thực hiện các quyền tự do dân chủ trong xã hội.
B. Tập trung sản xuất thâu tóm những ngành kinh tế chính.
C. Tuyên truyền kích động chủ nghĩa phục thù, chủ nghĩa chống cộng chủ nghĩa phân biệt chủng tộc, phát xít hoá bộ máy ..
D. Thành lập mặt trận chống phát xít.

Câu 7: Cuộc khủng hoảng kinh tế 1929 -1933 nổ ra đầu tiên ở nước

- A. Anh B. Pháp C. Đức D. Mỹ

Câu 8: Đặc điểm của chủ nghĩa đế quốc Đức là

- A. chủ nghĩa đế quốc thực dân. B. chủ nghĩa đế quốc cho vay nặng lãi.
C. chủ nghĩa đế quốc quân phiệt hiếu chiến. D. chủ nghĩa đế quốc bành trướng.

Câu 8: Hậu quả về mặt xã hội dưới tác động của cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới 1929 - 1933 đối với nước Đức là

- A. các chủ nhà máy, xí nghiệp nhỏ bị phá sản hoàn toàn.
B. hàng triệu người lao động bị nghèo đói, thất nghiệp và mâu thuẫn giai cấp trong xã hội trở nên gay gắt, phong trào đấu tranh của nhân dân lao động lên cao.
C. hàng chục triệu người bị thất nghiệp, phong trào đấu tranh của nhân dân lao động lan rộng toàn nước Đức.
D. tình trạng thất nghiệp của giai cấp công nhân là không đáng kể so với các nước tư bản khác.

Câu 9: Thế lực phản động hiếu chiến nhất ở Đức trong những năm 1929 - 1933 là

- A. Đảng Trung tâm.
B. Đảng Công nhân quốc gia xã hội (Đảng Quốc xã).
C. Đảng Liên minh dân chủ Thiên chúa giáo.
D. Đảng liên minh xã hội Thiên chúa giáo.

Câu 10: Từ năm 1918 - 1939, sự kiện lịch sử mở ra một thời kì đen tối trong lịch sử nước Đức là

- A. Đảng Công nhân quốc gia xã hội thành lập năm 1919.
B. nội các chính phủ của Đảng Xã hội dân chủ sụp đổ ngày 28/3/1930.
C. Tổng thống Hin-đen-bua chỉ định Hít-le làm thủ tướng nước Đức
D. Đức tuyên bố rút ra khỏi Hội Quốc liên tháng 10/1933.

Câu 11: Nội dung nào sau đây không đúng khi nói về nguyên nhân chủ nghĩa phát xít đã thắng thế và lên cầm quyền ở nước Đức?

- A. Giai cấp tư sản cầm quyền không đủ mạnh để duy trì chế độ cộng hoà tư sản vượt qua cơn khủng hoảng đã dung túng cho chủ nghĩa phát xít hành động.
B. Đảng Cộng sản Đức không kêu gọi quần chúng đấu tranh chống chủ nghĩa phát xít. C. Đảng Quốc xã đã lợi dụng tâm lí bất mãn của người dân Đức đối với hoà ước Vec-xai để tuyên truyền mị dân và kích động quần chúng.
D. Đảng Xã hội dân chủ đã từ chối hợp tác với những người cộng sản.

Câu 12: Mục tiêu chính trị chủ yếu trong chính sách đối nội của chính quyền Hit-le vào những năm 1933 - 1939 là

- A. thủ tiêu nền cộng hoà Vai-ma, thiết lập nền chuyên chính độc tài, phát xít, khủng bố công khai.
B. tiếp tục duy trì chế độ dân chủ tư sản đại nghị.
C. quân phiệt hoá bộ máy nhà nước.
D. thực hiện những cải cách xã hội tiến bộ để ổn định đất nước.

BÀI 13

NƯỚC MĨ GIỮA HAI CUỘC CHIẾN TRANH THẾ GIỚI (1918 - 1939)

I/ Phân lý thuyết

1. Nước Mĩ trong những năm 1929 - 1939

a. Cuộc khủng hoảng kinh tế ở Mĩ

- Cuối tháng 10/1929, cuộc khủng hoảng bất ngờ nổ ra ở Mĩ bắt đầu từ lĩnh vực tài chính - ngân hàng, sau đó nhanh chóng lan sang các ngành công nghiệp, nông nghiệp và thương nghiệp.
- Cuộc khủng hoảng đã chấm dứt thời kì hoàng kim và tàn phá nghiêm trọng nền kinh tế Mĩ. Năm 1932, sản xuất công nghiệp chỉ còn 53% (so với 1929), 75% dân trại bị phá sản, hàng chục triệu người thất nghiệp,...
- Các mâu thuẫn xã hội trở lên gay gắt, phong trào đấu tranh của các tầng lớp nhân dân lan rộng trong cả nước.

b. Chính sách mới của Tổng thống Mĩ Ph.Rudoven

- Để đưa nước Mĩ thoát khỏi cuộc khủng hoảng, Tổng thống Mĩ Rudoven đã đề ra một hệ thống các chính sách, biện pháp trên các lĩnh vực kinh tế - tài chính, chính trị - xã hội, được gọi chung là *chính sách mới*.
- Chính sách mới bao gồm một loạt *các đạo luật về ngân hàng, phục hưng công nghiệp...* dựa trên sự can thiệp tích cực của Nhà nước.
- Kết quả: Chính sách mới đưa nước Mĩ vượt qua khủng hoảng nguy kịch và duy trì chế độ dân chủ tư sản ở Mĩ.
- Về đối ngoại: thực hiện *Chính sách láng giềng thân thiện* nhằm cải thiện quan hệ với các nước Mĩ Latinh và thiết lập quan hệ ngoại giao với Liên Xô (11/1933). Trước nguy cơ của chủ nghĩa phát xít và chiến tranh thế giới, Chính phủ Rudoven đã thông qua hàng loạt các đạo luật được gọi là trung lập, nhưng trên thực tế đã góp phần khuyến khích chính sách hiếu chiến xâm lược của chủ nghĩa phát xít.

II/ Phân trắc nghiệm

Câu 1: Đặc điểm của chủ nghĩa đế quốc Mĩ là:

- A. Sự hình thành các tờ rớt khổng lồ với những tập đoàn tài chính hùng mạnh.
- B. Đế quốc thực dân với hệ thống thuộc địa rộng lớn và đông dân.
- C. Đế quốc cho vay nặng lãi.
- D. Xuất hiện nhiều mâu thuẫn nội bộ.

Câu 2: Cuộc khủng hoảng kinh tế 1929-1933 bắt đầu từ lĩnh vực:

- A. Công nghiệp nặng.
- B. Tài chính ngân hàng.
- C. Sản xuất hàng hoá.
- D. Nông nghiệp.

Câu 3: Đảng cộng sản Mĩ được thành lập vào

- A. tháng 5/1918.
- C. tháng 5/1919.
- B. tháng 5/1920.
- D. tháng 5/1921.

Câu 4: Người đã thực hiện chính sách « kinh tế mới » và đưa nước Mĩ thoát khỏi khủng hoảng kinh tế thế giới 1929-1933 là

- A. Truman.
- B. Rudoven.
- C. Aixenhao.
- D. Huvơ.

Câu 5: Chính sách « Kinh tế mới » là chính sách, biện pháp thực hiện trên các lĩnh vực:

- A. Nông nghiệp.
- B. Sản xuất hàng tiêu dung.
- C. Kinh tế tài chính và chính trị xã hội.
- D. Đời sống xã hội.

Câu 6: Đạo luật quan trọng nhất trong chính sách mới là

- A. Đạo luật ngân hàng.
- B. Đạo luật phục hưng công nghiệp.
- C. Đạo luật điều chỉnh nông nghiệp.
- D. Đạo luật chính trị xã hội.

Câu 7: Chính sách đối ngoại của chính phủ Ru-dơ-ven trong quan hệ với khu vực Mĩ la tinh là:

- A. Chính sách láng giềng thân thiện.
- B. Gây chiến tranh xâm lược.
- C. Can thiệp bằng vũ trang.
- D. Sử dụng đồng tiền đôla, buộc các nước phụ thuộc vào Mĩ.

Câu 8: Mĩ chính thức công nhận và đặt quan hệ ngoại giao với Liên xô vào:

- A. Tháng 10/1917.
- B. Tháng 10/1917.
- C. Tháng 11/1929.
- D. Tháng 10/1917.

Câu 9: Mĩ chính thức công nhận và đặt quan hệ ngoại giao với Việt nam vào:

- A. Tháng 5 /1995.
- B. Tháng 10/2000.
- C. Tháng 11/1929.
- D. Tháng 10/1917.

Câu 9: Lí do nào sau đây *không* phải là nguyên nhân dẫn đến cuộc khủng hoảng kinh tế 1929 - 1933 ở Mĩ ?

- A. Sự sản xuất ồ ạt, chạy theo lợi nhuận theo “chủ nghĩa tự do”.
- B. Sự phát triển không đồng bộ giữa các ngành công nghiệp và nông nghiệp.
- C. Nhu cầu và sức mua của quần chúng thấp.
- D. Kinh tế Mĩ phụ thuộc rất lớn vào nguồn nguyên liệu nhập từ các nước khác.

Câu 10: Hậu quả xã hội nặng nề nhất của cuộc khủng hoảng kinh tế 1929 - 1933 đối với nước Mĩ là

- A. nhiều ngân hàng ở Mĩ bị phá sản.
- B. sự bất công trong xã hội ngày càng tăng lên.
- B. tình trạng phân biệt chủng tộc trở nên sâu sắc.
- D. phong trào đấu tranh của các tầng lớp nhân dân lan rộng toàn nước Mĩ.

Câu 11: Điều nào sau đây *không* phải là nội dung cơ bản của “Chính sách mới” của Ru-dơ-ven ?

- A. Nhà nước phục hồi sự phát triển kinh tế.
- B. Nhà nước không can thiệp vào các hoạt động sản xuất công nghiệp của tư nhân.
- C. Nhà nước đưa ra những biện pháp giải quyết nạn thất nghiệp.
- D. Nhà nước tăng cường vai trò kiểm soát và điều tiết đối với đời sống kinh tế.

Câu 12: Để khôi phục sản xuất và tăng cường vai trò của nhà nước đối với đời sống kinh tế, chính phủ Ru-dơ-ven đã thực hiện

- A. nhà nước nắm độc quyền về sản xuất công nghiệp và ngân hàng.
- B. ban hành các đạo luật về ngân hàng, phục hưng công nghiệp, điều chỉnh nông nghiệp.
- C. tổ chức nền kinh tế theo hướng tập trung mệnh lệnh.
- D. hạn chế sự phát triển của tư bản thương nghiệp và công nghiệp.

Câu 13: Mục đích của Đạo luật phục hưng công nghiệp trong “Chính sách mới” của Ru-dơ-ven là

- A. tăng cường vai trò của các tổ chức công đoàn của công nhân.
- B. tổ chức lại sản xuất công nghiệp, cải thiện mối quan hệ giữa chủ và thợ.
- C. giải phóng công nhân thoát khỏi sự bóc lột của giai cấp tư sản.
- D. nâng cao vai trò của các tập đoàn sản xuất công nghiệp trong nền kinh tế Mĩ.

Câu 14: Nội dung chủ yếu của Đạo luật phục hưng công nghiệp qui định

- A. sản xuất công nghiệp phải cân đối với sản xuất nông nghiệp.
- B. nhà nước giao chỉ tiêu kế hoạch hàng năm cho các xí nghiệp.
- C. tổ chức các xí nghiệp cùng ngành thành những liên hiệp xí nghiệp thông qua hợp đồng về sản xuất và tiêu thụ.
- D. nhà nước nắm độc quyền về sản xuất công nghiệp

Câu 15: Ngày 29/10/1929, được xem là ngày hoảng loạn chưa từng có trong lịch sử thị trường chứng khoán ở Mĩ vì

- A. chính quyền Mĩ hạn chế công dân mua chứng khoán.
- B. đồng đô la bị phá giá.
- C. giá một cổ phiếu được coi là bảo đảm nhất đã sụt đến 80% so với tháng 9.
- D. chính quyền Mĩ ra lệnh tạm ngừng hoạt động tất cả các ngân hàng

BÀI 14

NƯỚC NHẬT GIỮA HAI CUỘC CHIẾN TRANH THẾ GIỚI

(1918 – 1939)

I/ Phân lý thuyết

1. Khủng hoảng kinh tế và quá trình quân phiệt hoá bộ máy nhà nước ở Nhật Bản

a. Khủng hoảng kinh tế ở Nhật Bản

- Năm 1931 kinh tế Nhật Bản lâm vào tình trạng tồi tệ nhất: sản lượng công nghiệp giảm 32,5%, ngoại thương giảm 80% so với năm 1929; nông dân bị mất mùa phá sản, có tới 3 triệu công nhân thất nghiệp,...

- Mâu thuẫn xã hội trở lên hết sức gay gắt.

b. Quá trình quân phiệt hoá bộ máy nhà nước

- Nhằm khắc phục những hậu quả của khủng hoảng và giải quyết những khó khăn trong nước, giới cầm quyền Nhật Bản chủ trương *quân phiệt hoá bộ máy nhà nước, gây chiến tranh xâm lược, bành trướng ra bên ngoài*.

- Khác với ở Đức, do những bất đồng trong nội bộ giới cầm quyền, quá trình quân phiệt hoá ở Nhật Bản kéo dài trong suốt thập kỉ 30.

- Cùng với việc quân phiệt hoá bộ máy nhà nước, tăng cường chạy đua vũ trang, giới cầm quyền Nhật bản đẩy mạnh cuộc chiến tranh xâm lược Trung Quốc.

- Năm 1933, Nhật Bản xâm chiếm vùng Đông Bắc Trung Quốc, dựng lên cái gọi là "Mãn Châu Quốc" do Phổ Nghi - Hoàng đế cuối cùng của triều đình Mãn Thanh đứng đầu. Nhật Bản đã nhen lên lò lửa chiến tranh đầu tiên trên thế giới.

c. Cuộc đấu tranh của nhân dân Nhật Bản chống chủ nghĩa quân phiệt

Trong những năm 30 thế kỉ XX, cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa quân phiệt của các tầng lớp nhân dân Nhật Bản diễn ra sôi nổi dưới nhiều hình thức như biểu tình, thành lập Mặt trận Nhân dân và cả các cuộc phản chiến trong quân đội, góp phần làm chậm quá trình quân phiệt hoá bộ máy nhà nước ở Nhật Bản.

II/ Phân trắc nghiệm

Câu 1. Khủng hoảng kinh tế (1929-1933) diễn ra nghiêm trọng nhất trong ngành nào của Nhật Bản?

- A. Ngành công nghiệp nặng. B. Ngành nông nghiệp.
C. Ngành công nghiệp nhẹ. D. Ngành tài chính và ngân hàng.

Câu 2. Cuộc khủng hoảng kinh tế (1929-1933) ở Nhật đạt đến đỉnh cao vào năm nào?

- A. Năm 1930. B. Năm 1931. C. Năm 1932. D. Năm 1933.

Câu 3. Để khắc phục những hậu quả của cuộc khủng hoảng giới cầm quyền Nhật Bản đã đề ra giải pháp nào?

- A. Cải cách kinh tế, xã hội. B. Đẩy mạnh xâm chiếm thuộc địa.
C. Nhờ sự giúp đỡ bên ngoài. D. Quân phiệt hóa bộ máy nhà nước.

Câu 4. Nhật Bản đánh chiếm vùng Đông Bắc Trung Quốc vào thời gian nào?

- A. Tháng 9 năm 1931. B. Tháng 10 năm 1931.
C. Tháng 9 năm 1932. D. Tháng 10 năm 1932.

Câu 5. Hạt nhân lãnh đạo cuộc đấu tranh của nhân dân Nhật Bản chống lại chủ nghĩa quân phiệt Nhật là tổ chức nào?

- A. Phái “sĩ quan trẻ”. B. Phái “sĩ quan già”.
C. Các viện quý tộc. D. Đảng cộng sản Nhật.

Câu 6. Nhật là nước thu được nhiều lợi trong chiến tranh thế giới thứ nhất sau

- A. nước Anh. B. nước Mỹ. C. nước Đức. D. nước Pháp.

Câu 7. Cùng với việc quân phiệt hóa bộ máy nhà nước, tăng cường chạy đua vũ trang, giới cầm quyền Nhật Bản đẩy mạnh chiến tranh xâm lược

- A. Trung Quốc. B. Việt Nam. C. Triều Tiên. D. Mông Cổ.

Câu 8. Nguyên nhân nào dẫn đến nền kinh tế Nhật Bản giảm sút trầm trọng trong những năm 1929-1933?

- A. Sự sụp đổ của thị trường chứng khoán Mỹ năm 1929.
B. Do tác động của cuộc khủng hoảng từ thập niên 20 của thế kỷ XX ở Nhật Bản.
C. Do sự suy giảm trong nông nghiệp của Nhật.

D. Do chính sách đối nội, đối ngoại của Nhật.

Câu 9. Khó khăn lớn nhất của Nhật Bản trong thời kỳ khủng hoảng kinh tế 1929-1933 là gì?

- A. Thiếu nhân công để sản xuất công nghiệp.
- B. Thiếu nguyên liệu và thị trường tiêu thụ hàng hóa.
- C. Sự cạnh tranh quyết liệt của Mỹ và Tây Âu.
- D. Thiếu nguồn vốn để đầu tư vào sản xuất.

Câu 10. Cuộc đấu tranh của nhân dân có tác dụng như thế nào đối với quá trình quân phiệt hóa bộ máy nhà nước ở Nhật Bản?

- A. Làm phá sản quá trình quân phiệt hóa.
- B. Làm chậm quá trình quân phiệt hóa phát xít.
- C. Làm chậm lại quá trình quân phiệt hóa.
- D. Làm tăng nhanh quá trình quân phiệt hóa.

Câu 11. Để vượt qua cuộc khủng hoảng 1929-1933 giới cầm quyền Nhật Bản đã chủ trương

- A. thực hiện chế độ chuyên chế độc tài phát xít.
- B. thực hiện nền dân chủ mở cửa, ứng dụng những thành tựu KHKT
- C. thực hiện chính sách mới của Tổng thống Rudoven.
- D. quân phiệt hóa bộ máy nhà nước, gây chiến tranh xâm lược, bành trướng ra bên ngoài

Câu 12. Biểu hiện chứng tỏ hậu quả của cuộc khủng hoảng kinh tế 1929-1933 tác động mạnh nhất đến người lao động Nhật Bản ?

- A. Chính phủ Nhật không tiếp tục thực hiện chính sách trợ cấp xã hội.
- B. Hàng hóa khan hiếm không đáp ứng đủ nhu cầu xã hội.
- C. Thu nhập quốc dân giảm $\frac{1}{2}$.
- D. Nhân dân bị phá sản, 2/3 bị mất ruộng đất ; công nhân thất nghiệp lên tới 3 triệu người.

Câu 13. Tại sao cuối thập niên 20 của thế kỷ XX, chính phủ Nhật Bản đã chuyển hướng sang thực hiện chính sách đối nội, đối ngoại hiếu chiến?

- A. Do sự cạnh tranh của các cường quốc tư bản khác.
- B. Sự bất ổn định kinh tế-xã hội.
- C. Sức ép từ phong trào đấu tranh của quần chúng nhân dân.
- D. Thiếu nguồn nguyên liệu và thị trường tiêu thụ hàng hóa.

Câu 14. Ngành kinh tế của Nhật Bản chịu tác động nhiều nhất của cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới 1929-1933 là

- A. nông nghiệp.
- B. tài chính ngân hàng.
- C. công nghiệp nặng.
- D. công nghiệp quân sự.

Câu 15. Giới cầm quyền Nhật đã đề ra chủ trương gì để giải quyết khủng hoảng kinh tế (1929-1933)?

- A. Quân sự hóa nền kinh tế phục vụ chiến tranh.
- B. Phát xít hóa nền kinh tế.
- C. Quân phiệt hóa bộ máy nhà nước, gây chiến tranh xâm lược.
- D. Giữ nguyên trạng thái TBCN.

Câu 16. Điểm nào dưới đây là điểm *khác nhau* giữa quá trình phát xít hóa ở Nhật so với Đức?

- A. Chuyển đổi từ chế độ dân chủ tư sản đại nghị sang chế độ chuyên chế độc tài phát xít.
- B. Thông qua việc quân phiệt hóa bộ máy nhà nước và tiến hành chiến tranh xâm lược.
- C. Thông qua việc xâm lược các nước.
- D. Gây chiến tranh để chia lại thị trường ở các nước thuộc địa.

Câu 17. Lý do nào sau đây *không* đúng khi giải thích nguyên nhân Nhật Bản gây chiến tranh xâm lược bành trướng ra bên ngoài?

- A. Thiếu nguồn nguyên liệu và thị trường hàng hóa.
- B. Truyền thống quân phiệt của Nhật.
- C. Nhật muốn nhanh chóng thoát khỏi khủng hoảng kinh tế.
- D. Nhật muốn làm bá chủ thế giới.

Câu 18. Đặc điểm quá trình phát xít hóa ở Nhật Bản?

- A. Diễn ra thông qua việc quân phiệt hóa bộ máy nhà nước và tiến hành chiến tranh xâm lược, kéo dài trong suốt thập niên 30 của thế kỷ XX.
- B. Diễn ra trong một thời gian rất ngắn.
- C. Diễn ra thông qua các nhóm, tổ chức phát xít giành thắng lợi trong tuyển cử Quốc hội.
- D. Diễn ra thông qua sự chuyển đổi từ chế độ dân chủ tư sản đại nghị sang chế độ độc tài phát xít.

BÀI 15

PHONG TRÀO CÁCH MẠNG Ở TRUNG QUỐC VÀ ẤN ĐỘ

(1918 – 1939)

I/ Phần lý thuyết

1. Phong trào Ngũ tứ và sự thành lập Đảng Cộng sản Trung Quốc

a. Phong trào Ngũ tứ

- Nguyên nhân

+ Do quyết định bất công của các nước đế quốc về vấn đề Sơn Đông.

+ Tác động của CMTM Nga

- Diễn biến

+ 4/5/1919, 3000 học sinh, sinh viên yêu nước ở Bắc Kinh biểu tình chống lại lực lượng phản động CMTQ

+ Phong trào nhanh chóng lan rộng khắp 22 tỉnh và 150 thành phố trong cả nước, lôi cuốn đông đảo các tầng lớp nhân dân tham gia, đặc biệt là công nhân.

- Mục tiêu đấu tranh chống đế quốc và chống phong kiến triệt để.

- Ý nghĩa

+ Mở đầu cao trào cách mạng chống đế quốc chống phong kiến ở Trung Quốc.

+ Giai cấp công nhân Trung Quốc bước lên vũ đài chính trị như một lực lượng cách mạng độc lập.

+ Đánh dấu bước chuyển biến của CM Trung Quốc từ CMDCTS kiểu cũ sang CMDCTS kiểu mới.

b. Sự thành lập Đảng Cộng sản Trung Quốc

- Sau phong trào Ngũ tứ, CN Mác-Lênin được truyền bá mạnh vào TQ.

- 7/1921, ĐCS Trung Quốc thành lập. Từ đây, giai cấp vô sản Trung Quốc có chính đảng, từng bước nắm ngọn cờ lãnh đạo cách mạng.

2. Phong trào độc lập dân tộc ở Ấn Độ (1918 - 1939)

a. Nguyên nhân

- Chính sách khai thác, bóc lột và các đạo luật hà khắc của thực dân Anh => mâu thuẫn xã hội gay gắt.

b. Diễn biến

- Phong trào đấu tranh diễn ra dưới nhiều hình thức phong phú lôi cuốn đông đảo các tầng lớp nhân dân tham gia.

- Lãnh đạo: Đảng Quốc đại, đứng đầu là M. Gandhi.

- Phương pháp đấu tranh: Hoà bình không sử dụng bạo lực.

- Lực lượng tham gia: học sinh, sinh viên, công nhân.

- Sự kiện: Tẩy chay hàng Anh; không nộp thuế.

- Nét mới: phong trào công nhân phát triển dẫn đến 12/1925, Đảng Cộng sản ra đời.

c. Kết quả: Góp phần thúc đẩy làn sóng đấu tranh chống thực dân Anh phát triển nhanh khắp đất nước Ấn Độ.

II/ Phần trắc nghiệm

Câu 1: Sự kiện lịch sử nào mở đầu cho thời kì phát triển mới của cách mạng Trung Quốc trong những năm 1918 – 1939?

A. Cuộc khởi nghĩa Nam Xương.

B. Cuộc chiến tranh Bắc phạt.

C. Phong trào Ngũ tứ.

D. Nội chiến cách mạng lần thứ nhất.

Câu 2: Nguyên nhân trực tiếp làm bùng nổ phong trào Ngũ tứ (4/5/1919) là do?

A. Tác động của Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng 10 Nga.

B. Quyết định bất công của các nước đế quốc về vấn đề Sơn Đông sau chiến tranh thế giới thứ nhất.

C. Sự vận động tuyên truyền của Đảng cộng sản Trung Quốc.

D. Do chính sách thống trị và bóc lột tàn bạo của các nước đế quốc.

Câu 3: Lực lượng chính tham gia vào phong trào Ngũ tứ là?

A. Học sinh, sinh viên yêu nước Bắc Kinh.

B. Công nhân, nông dân, tiểu tư sản.

C. Tư sản dân tộc và nông dân.

D. Công nhân, nông dân ở Vũ Xương.

Câu 4: Mục đích của phong trào Ngũ tứ ở Trung Quốc là gì?

A. Tư sản và phong kiến.

B. Đế quốc và tư sản mại bản.

C. Phong kiến và đế quốc

D. Đế quốc và phong kiến

Câu 5: Phong trào giải phóng dân tộc ở Ấn Độ do M. Gan-đi lãnh đạo dùng biện pháp

A. vận động quần chúng khởi nghĩa vũ trang giành độc lập.

B. bất bạo động và bất hợp tác.

C. tiến hành một cuộc vận động cải cách duy tân.

D. kết hợp giữa bạo động và cải cách.

Câu 6: Phong trào Ngũ tứ đánh dấu bước chuyển biến của cách mạng Trung Quốc từ:

A. cách mạng tư sản sang cách mạng vô sản.

B. cách mạng dân chủ sang cách mạng dân tộc.

C. cách mạng dân chủ tư sản kiểu cũ sang cách mạng dân chủ tư sản kiểu mới.

D. cách mạng tư sản kiểu cũ sang cách mạng tư sản mới.

Câu 7: Lực lượng lãnh đạo phong trào độc lập dân tộc ở Ấn Độ từ 1918 – 1929 là

A. Giai cấp công nhân dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Ấn Độ.

B. Giai cấp nông dân Ấn Độ.

C. Giai cấp tiểu tư sản Ấn Độ.

D. Giai cấp tư sản Ấn Độ

Câu 8: Kết quả lớn nhất của phong trào Ngũ tứ ở Trung Quốc là gì?

A. Tạo điều kiện cho chủ nghĩa Mác-Lênin được truyền bá vào Trung Quốc.

B. Tạo điều kiện cho tư tưởng cách mạng tháng 10 Nga thâm sâu vào Trung Quốc.

C. Thúc đẩy phong trào công nhân phát triển ở Trung Quốc.

D. Thành lập Đảng cộng sản Trung Quốc vào năm 1921.

Câu 9: Sự kiện lịch sử nào đánh dấu bước chuyển biến về chất của phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc ở Ấn Độ?

A. Đảng Quốc đại được thành lập.

B. Đảng Cộng sản được thành lập.

C. Đảng bảo thủ ra đời.

D. Phái Ti Lắc đưa ra đường lối đấu tranh ôn hòa.

Câu 10: Mục đích của phong trào Ngũ tứ (4/5/1919) là gì?

A. Chống lại chính quyền phong kiến Trung Quốc

B. Đòi cải thiện điều kiện học tập của sinh viên.

C. Chống âm mưu xâm lược Trung Quốc của các nước đế quốc

D. Phản đối những hành động của lực lượng Quốc dân Đảng.

Câu 11: Vì sao tư tưởng bất bạo động của M. Gan-đi được nhân dân Ấn Độ hưởng ứng?

A. Nhân dân Ấn Độ không có kinh nghiệm đấu tranh vũ trang.

B. Nhân dân Ấn Độ sợ bị tổn thất, hy sinh.

C. Nó phù hợp với đặc điểm dân tộc và tôn giáo Ấn Độ.

D. Nó dễ dàng được thực hiện ở mọi nơi, mọi lúc.

Câu 12: Sau phong trào Ngũ tứ, giai cấp nào nắm ngọn cờ lãnh đạo cách mạng Trung Quốc?

A. Giai cấp tư sản.

B. Giai cấp vô sản.

C. Giai cấp nông dân.

D. Tầng lớp trí thức tiểu tư sản.

Câu 13: Điểm khác nhau giữa phong trào Ngũ tứ với cuộc Cách mạng Tân Hợi năm 1911 là gì?

A. Sinh viên, học sinh là lực lượng khởi xướng phong trào.

B. Có sự tham gia của giai cấp công nhân.

C. Tính chất chống đế quốc rất cao và triệt để.

D. Có sự lãnh đạo của Đảng cộng sản Trung Quốc.

Câu 14: Thủ đoạn đối phó của thực dân Anh trước sự lớn mạnh của phong trào đấu tranh của nhân dân Ấn Độ là

A. Tăng cường đàn áp, khủng bố.

B. Chấp nhận những yêu cầu của nhân dân Ấn Độ.

C. Mua chuộc địa chủ phong kiến về chính trị và gây chia rẽ sắc tộc, tôn giáo.

D. Cho Ấn Độ được hưởng quyền tự trị.

Câu 15: Công lao cách mạng của ông như “một chùm ánh sáng chọc thủng màn đêm và lật bỏ những gì che mắt chúng ta”. Đó là lời đánh giá của Nê-ru (Ấn Độ) dành cho ai?

A. Gan - đi.

C. Hồ Chí Minh

B. Ti - lắc

D. Lê - nin

BÀI 16 CÁC NƯỚC ĐÔNG NAM Á GIỮA HAI CUỘC CHIẾN TRANH THẾ GIỚI (1918 – 1939)

I/ Phần lý thuyết

1. Phong trào giải phóng dân tộc ở Đông Nam Á

- Sau CTTG thứ nhất, phong trào giải phóng dân tộc phát triển mạnh mẽ ở hầu khắp các nước Đông Nam Á với sự lớn mạnh của giai cấp tư sản và sự trưởng thành của giai cấp vô sản.
- Giai cấp tư sản dân tộc đề ra mục tiêu đòi quyền tự do kinh doanh, tự chủ về chính trị. Một số chính đảng tư sản đã được thành lập ở một số nước như Ấn Độ, Miến Điện, Mã Lai...
- Sự ra đời của một số đảng cộng sản như ở Ấn Độ (1920), Việt Nam, Mã Lai và Philippin (1930). Nhiều cuộc khởi nghĩa vũ trang, nổi dậy của công nông đã nổ ra (Ấn Độ 1929 - 1927, Việt Nam 1930 - 1931).

2. Phong trào chống thực dân Pháp ở Lào và Campuchia

*** Ở Lào**

- K/n của Ong Kẹo và Commađam nổ ra từ năm 1901 kéo dài hơn 30 năm.
- K/n của người Mèo do Chậu Pachay lãnh đạo từ năm 1918 - 1922 ở Bắc Lào và Tây Bắc Việt Nam.

*** Ở Campuchia**

- Phong trào chống thuế, chống bắt phu; tiêu biểu nhất là ở tỉnh Côngpông Chơng, thực dân Pháp đàn áp đẫm máu, hơn 400 người bị tra tấn đến chết.
- 1930, sự ra đời của Đảng Cộng sản Đông Dương đã mở ra thời kỳ mới của phong trào cách mạng ở Đông Dương. Những cơ sở cách mạng bí mật đầu tiên đã được gây dựng ở Lào và Campuchia.
- Trong những năm 1936 - 1939, phong trào Mặt trận Dân chủ Đông Dương diễn ra sôi nổi ở Việt Nam đã cổ vũ cuộc vận động dân chủ ở Lào và Campuchia.

II/ Phần trắc nghiệm

Câu 1. Sau chiến tranh thế giới thứ nhất, nơi nào được coi là thuộc địa quan trọng và giàu có nhất trong các thuộc địa của Pháp?

- A. Đông Nam Á. B. Việt Nam
C. Ba nước Đông Dương. D. Châu Mỹ la tinh.

Câu 2. Sự phân hóa xã hội của các nước Đông Nam Á sau chiến tranh thế giới thứ nhất bị tác động bởi yếu tố nào?

- A. Sự thống trị của các nước đế quốc.
B. Cuộc khai thác của các nước đế quốc.
C. Sự xâm nhập của nền kinh tế tư bản chủ nghĩa.
D. Hậu quả của cuộc chiến tranh thế giới thứ nhất.

Câu 3. Sau chiến tranh thế giới thứ nhất, trước sự chèn ép của các nước đế quốc giai cấp nào hăng hái đứng ra lập đảng phái, tổ chức chính trị để đấu tranh?

- A. Tư sản dân tộc. B. Tư sản. C. Nông dân. D. Công nhân.

Câu 4. Trong những năm 1929-1933 sự kiện nào là tiêu biểu cho phong trào chống Pháp ở Đông Dương?

- A. Cuộc khởi nghĩa của người Mèo ở Bắc Lào và Tây Bắc Việt Nam.
B. Đảng cộng sản Đông Dương thành lập.
C. Phong trào cách mạng 1930 - 1931.
D. Phong trào chống thuế ở Công-pông-chơ-năng.

Câu 5. Đảng Cộng sản ở các nước Đông Nam Á thành lập chịu ảnh hưởng bởi cơ sở lý luận nào?

- A. Cách mạng tháng Mười. B. Các cuộc cách mạng dân chủ tư sản.
C. Chủ nghĩa xã hội khoa học. D. Phong trào công nhân.

Câu 6. Vì sao trong những năm 20 của thế kỉ XX chủ nghĩa Mác-Lê nin được truyền bá vào Đông Dương?

- A. Cách mạng tháng Mười Nga thắng lợi và tác động.
B. Các cuộc cách mạng dân chủ tư sản không ngừng diễn ra.
C. Chủ nghĩa xã hội khoa học hình thành.
D. Phong trào công nhân phát triển mạnh mẽ.

Câu 7. Sự phát triển mạnh mẽ của phong trào công nhân đã dẫn đến

A. hình thành cao trào cách mạng.

B. chủ nghĩa Mác-Lê nin có điều kiện ảnh hưởng.

C. giai cấp công nhân ngày càng trưởng thành.

D. Đảng cộng sản thành lập ở các nước.

Câu 8. Điểm nổi bật trong hoạt động chính trị của giai cấp tư sản ở các nước Đông Nam Á sau chiến tranh thế giới thứ nhất là

A. đấu tranh đòi những quyền lợi kinh tế.

B. đòi quyền tự chủ về chính trị, quyền tự do trong kinh doanh.

C. đòi thi hành những cải cách dân chủ.

D. đấu tranh đòi quyền kinh doanh và được tham gia trong một số cơ quan nhà nước.

Câu 9. Lực lượng nào đã đóng vai trò nổi bật trong việc phát động các phong trào dân tộc tư sản ở các nước Đông Nam Á sau chiến tranh thế giới thứ nhất ?

A. Giai cấp tư sản dân tộc.

B. Tầng lớp dân nghèo thành thị.

C. Giai cấp công nhân.

D. Tầng lớp tri thức học sinh, sinh viên, viên chức.

Câu 10. Từ những năm 20 của thế kỉ XX, phong trào đấu tranh giành độc lập dân tộc ở Đông Nam Á đã xuất hiện và phát triển một xu hướng mới là

A. xu hướng tư sản.

B. xu hướng bạo động.

C. xu hướng cải cách.

D. xu hướng vô sản.

Câu 11. Đảng Cộng sản được thành lập sớm nhất ở Đông Nam Á là

A. Đảng Cộng sản Việt Nam.

B. Đảng Cộng sản In-đô-nê-xi-a.

C. Đảng Cộng sản Phi-lip-pin.

D. Đảng Cộng sản Miến Điện.

Câu 12. Sự kiện nào trong nửa đầu thập niên 30 (1930-1935) đã đánh dấu phong trào cách mạng Lào và Cam-pu-chia chuyển sang một thời kì mới ?

A. Chính quyền Xô viết được thành lập ở hai tỉnh Nghệ An và Hà Tĩnh.

B. Đảng nhân dân Cách mạng Lào thành lập.

C. Đảng Cộng sản Đông Dương ra đời.

D. Đảng nhân dân Cách mạng Cam-pu-chia thành lập

Câu 13. Phong trào nào sau đây đã tập hợp đông đảo đã tập hợp các tầng lớp nhân dân để chống bọn phản động thuộc địa , chống phát xít và chiến tranh ở Đông Dương.

A. Phong trào Mặt trận Dân chủ Đông Dương.

B. Phong trào đoàn kết các Đảng Cộng sản ở khu vực Đông Nam Á.

C. Phong trào Xô viết.

D. Phong trào dân chủ.

Câu 14. Cuộc khởi nghĩa nào tiêu biểu cho liên minh chống Pháp của hai nước Việt- Lào?

A. Khởi nghĩa Ông Kẹo và Com- ma- đam.

B. Khởi nghĩa của Châu Pa- chay.

C. Khởi nghĩa của nông dân Rô-lê-phan.

D. Khởi nghĩa ở Bô- lô –ven.

Câu 15. Sau Chiến Tranh thế giới thứ nhất phong trào đấu tranh của của giai cấp tư sản ở Đông Nam Á có điểm mới là

A. kiên quyết từ bỏ con đường cải lương.

B. thành lập được các tổ chức chính đảng tư sản có mục tiêu giành độc lập dân tộc rõ ràng.

C. lôi kéo được giai cấp công nhân trong nước đi theo làm cách mạng.

D. chỉ tập trung đấu tranh đòi quyền lợi chính trị.

Câu 16. Sự ra đời của Đảng cộng sản ở các nước Đông Nam Á đã khẳng định điều gì?

A. Cách mạng ở Đông Nam Á chấm dứt thời kì khủng hoảng về lãnh đạo.

B. Giai cấp công nhân trở thành lực lượng chính trị quan trọng.

C. Hình thành cao trào cách mạng.

D. Chủ nghĩa Mác-Lê nin có điều kiện ảnh hưởng.

Câu 17. Đặc điểm lớn nhất của phong trào đấu tranh giành độc lập dân tộc của các dân tộc Đông Nam Á sau chiến tranh thế giới thứ nhất là

A. Chỉ có xu hướng tư sản phát triển mạnh.

B. Tồn tại và phát triển song song hai xu hướng tư sản và vô sản.

C. Chỉ có xu hướng vô sản.

D. Chỉ có xu hướng cải cách.

Câu 18. Đây là nguyên nhân thất bại của phong trào chống Pháp của nhân dân Lào và Cam-pu-chia sau chiến tranh thế giới thứ nhất ?

- A. Còn tự phát, phân tán, chưa có một tổ chức, lãnh đạo chưa đủ khả năng.
- B. Không lôi kéo được đông đảo nhân dân lao động tham gia.
- C. Nội bộ những người lãnh đạo có sự chia rẽ, mất đoàn kết.
- D. Sự xung đột gay gắt giữa hai dân tộc Cam-pu-chia và Lào.

Câu 19. Quy luật nào rút ra từ phong trào đấu tranh giành và giữ nền độc lập dân tộc của cá nước trên bán đảo Đông Dương trên bán đảo Đông Dương?

- A. Sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản.
- B. Sự lãnh đạo của đảng Dân tộc tự sản.
- C. Liên minh, đoàn kết chiến đấu cùng chống kẻ thù chung.
- D. Sự lãnh đạo của Mặt trận dân tộc thống nhất.

Câu 20. Điểm khác biệt về lực lượng lãnh đạo trong phong trào đấu tranh giành độc lập dân tộc của ba nước Đông Dương so với các nước Đông Nam Á từ thập niên 30 của thế kỉ XX trở đi là

- A. lãnh đạo của giai cấp tư sản dân tộc.
- B. lãnh đạo của Mặt trận dân tộc thống nhất.
- C. sự lãnh đạo của các tổ chức chính trị, xã hội.
- D. sự lãnh đạo của Đảng cộng sản.

BÀI 17

CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ HAI (1939 - 1945)

I/ Phân lý thuyết

1. Con đường dẫn đến chiến tranh

a. Các nước phát xít đẩy mạnh xâm lược (1931 - 1937)

- Năm 30 TK XX, CNPX Đức, Italia, Nhật liên kết với nhau thành khối phát xít.
- 1931 - 1937, khối phát xít đẩy mạnh chính sách xâm lược nhiều nơi trên thế giới.
- Liên Xô chủ trương liên kết với Anh, Pháp chống phát xít và nguy cơ chiến tranh.
- Mĩ, Anh, Pháp: không liên kết với Liên Xô để chống phát xít mà thực hiện chính sách nhượng bộ hòng đẩy phát xít tấn công Liên Xô.
- Các nước phát xít lợi dụng tình hình trên gây ra chiến tranh.

b. Từ Hội nghị Mui-ních đến chiến tranh thế giới

*** Hội nghị Mui-ních**

- Hoàn cảnh:
- + 3/1938, Đức thôn tính Áo. Sau đó, Hítler gây ra vụ Xuy-đét nhằm thôn tính Tiệp Khắc.
- + Liên Xô kiên giúp Tiệp Khắc chống xâm lược.
- + Anh-Pháp tiếp tục thỏa hiệp, yêu cầu Tiệp Khắc nhượng bộ Đức.
- => 29/9/1938, Hội nghị Mui - ních được triệu tập gồm đại diện 4 nước Anh, Pháp, Đức, Italia.
- Nội dung:
- + Anh, Pháp kí hiệp định trao vùng Xuyđét cho Đức đòi lại, Đức cam kết chấm dứt mọi cuộc thôn tính ở châu Âu
- Ý nghĩa:
- + Là đỉnh cao của chính sách dung túng, nhượng bộ phát xít của Mĩ, Anh, Pháp.
- + Thể hiện âm mưu thống nhất của chủ nghĩa đế quốc (Anh, Pháp, Mĩ và Đức, Italia, Nhật) trong việc tiêu diệt Liên Xô.

*** Sau Hội nghị Mui-ních**

- 3/1939, Đức xâm lược Tiệp Khắc.
- 23/8/1939, Đức kí với Liên Xô Hiệp ước Xô-Đức không xâm lược lẫn nhau.
- => Như vậy Đức đã phản bội lại Hiệp định Mui-ních, thực hiện mưu đồ thôn tính châu Âu trước rồi mới dốc toàn lực đánh Liên Xô.

2. Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ và lan rộng ở châu Âu (từ 9/1939 - 6/1941)

a. Phát xít Đức tấn công Ba Lan và xâm chiếm châu Âu (9 - 1939 -> 9 - 1940)

- 1/9/1939 Đức tấn công Ba Lan
- Từ 4/1940 đến 9/1940, Đức tấn công Bắc Âu và Tây Âu... Pháp đầu hàng Đức. Kế hoạch tấn công nước Anh không thực hiện được.

b. Phe phát xít bành trướng ở Đông và Nam Âu

- Từ 10/1940 đến 6/1941, Đức tấn công Đông và Nam Âu: Rumani, Hunggari, Bungari, Nam Tư, Hy Lạp bị thôn tính

3. Chiến tranh lan rộng khắp thế giới (từ 6/1941 đến 11/1942)

a. Phát xít Đức tấn công Liên Xô. Chiến sự ở Bắc Phi

*** Mặt trận Xô - Đức**

- 22/6/1941, Đức tấn công Liên Xô.
- 12/1941, Hồng quân Liên Xô phản công đẩy lùi quân Đức ra khỏi cửa ngõ Matxcova.
- Cuối 1942, Đức đánh chiếm Xtalingrát bị thất bại.

*** Mặt trận Bắc Phi**

- 9/1940, quân đội Italia đánh Ai Cập.
- 10/1942, liên quân Anh - Mĩ giành thắng lợi ở En.Alamen (Ai Cập), giành ưu thế ở Bắc Phi và chuyển sang phản công trên toàn mặt trận.

b. Chiến tranh Thái Bình Dương bùng nổ toàn mặt trận.

- 12/1941, Nhật đánh Mĩ ở Trân Châu cảng -> Mĩ tuyên chiến với Nhật, Đức, Italia. Chiến tranh lan rộng ra toàn thế giới.

c. Khối Đồng minh chống phát xít hình thành

-1/1/1942, tại Oa sinhton, 26 nước ra cam kết cùng nhau tiến hành cuộc chiến đấu chống phát xít. Khối Đồng minh chống phát xít hình thành.

=> Liên Xô tham chiến và sự ra đời của Đồng minh chống phát xít làm cho tính chất của cuộc thay đổi, trở thành cuộc chiến tranh chống CNPX, bảo vệ hoà bình nhân loại.

4. Quân đồng minh chuyển sang phản công. Chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc

a. Quân Đồng minh phản công (từ tháng 11/1942 đến tháng 6/ 1944)

*** Mặt trận Xô - Đức**

- Từ 11/1942 -> 2/1943, Liên Xô tiêu diệt, bắt sống 33 vạn quân Đức ở Xta-lin-grát => Liên Xô và phe Đồng minh chuyển sang tấn công đồng loạt trên các mặt trận.

- Cuối 8/1943, Liên Xô bẻ gãy cuộc phản công của quân Đức ở vòng cung Cuốc-xcơ

- 6/1944, phần lớn lãnh thổ Liên Xô được giải phóng.

*** Mặt trận Bắc Phi**

- Từ 3->5/1943, liên quân Anh - Mĩ phản công quét sạch quân Đức, Italiara khỏi châu Phi. Chiến sự ở Bắc Phi chấm dứt.

*** Ở Italia**

- Từ 7/1943 đến 5/1945, liên quân Anh - Mĩ truy kích phát xít, làm cho chủ nghĩa phát xít Italia bị sụp đổ.

*** Ở Thái Bình Dương**

- 1943, Mĩ phản công đánh chiếm các đảo ở Thái Bình Dương.

b. Phát xít Đức bị tiêu diệt. Nhật Bản đầu hàng. Chiến tranh kết thúc

***. Phát xít Đức bị tiêu diệt**

- Đầu 1944, Liên Xô tổng phản công quét sạch quân Đức ra khỏi lãnh thổ.

- 4/1945, Hồng quân Liên Xô tấn công Béc-lin đánh bại hơn 1 triệu quân Đức. Chủ nghĩa phát xít Đức bị tiêu diệt

- 9/5/1945, Đức đầu hàng không điều kiện. Chiến tranh chấm dứt ở châu Âu.

***. Nhật Bản đầu hàng. Chiến tranh kết thúc**

- 6/8/1945 và 9/8/1945, Mĩ ném 2 quả bom nguyên tử xuống Hi-rô-si-ma và Na-ga-xa-ki (Nhật) giết hại hàng vạn người.

- 8/8/1945, Liên Xô tuyên chiến với phát xít Nhật và tấn công đạo quân Quan Đông.

- 15/8/1945, phát xít Nhật đầu hàng không điều kiện. Chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc.

5. Kết cục của chiến tranh thế giới thứ hai

a Kết cục

- Chủ nghĩa phát xít Đức, Italia, Nhật sụp đổ.

- Ba cường quốc Liên Xô, Anh, Mĩ là lực lượng trụ cột, giữ vai trò quyết định trong việc tiêu diệt chủ nghĩa phát xít.

b.Hậu quả

- Gây ra hậu quả và tổn thất nặng nề nhất trong lịch sử nhân loại, làm cho 60 triệu người chết, 90 người bị thương. Hơn 70 quốc gia, 1700 triệu người bị lôi cuốn vào chiến tranh.

c. Ý nghĩa: Chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc đã dẫn đến những thay đổi căn bản trong tình hình thế giới.

II/ Phần trắc nghiệm

Câu 1: Chiến tranh thế giới thứ hai bắt đầu bằng sự kiện nào?

- | | |
|--------------------------|---|
| A. Đức tấn công Ba Lan. | B. Quân Đồng minh đổ bộ lên bờ biển Noóc măngđi |
| C. Đức tấn công Liên Xô. | D. Đức tấn công Tiệp Khắc. |

Câu 2: Sự kiện nào được xem là đỉnh cao của chính sách dung dưỡng, nhượng bộ và thỏa hiệp của các nước phương Tây với phe phát xít?

- A. Anh, Pháp không liên kết với Liên Xô để cùng nhau chống phát xít.
 B. Chiến tranh kì quặc chỉ tuyên mà không chiến.
 C. Mĩ thực hiện chính sách không can thiệp vào các sự kiện bên ngoài châu Mĩ.
 D. Hiệp ước Mui-ních năm 1938.

Câu 3: Cuộc chiến tranh giữ nước vĩ đại của nhân dân Liên Xô chống phát xít Đức có tác dụng như thế nào?

- A. Làm thay đổi tính chất của cuộc chiến tranh thế giới.

B. Cổ vũ phong trào kháng của nhân dân các nước bị phát xít chiếm đóng.

C. Hình thành khối đồng minh chống phát xít.

D. Góp phần làm thay đổi thái độ của Anh và Mĩ.

Câu 4: Ở Thái Bình Dương, Nhật Bản tấn công hạm đội của nước nào?

A. Anh B. Pháp C. Liên Xô D. Mĩ

Câu 5: Mùa hè năm 1944, quân đồng minh đã đổ bộ lên bãi biển nào của nước Pháp?

A. Booc đô B. Mác Xây C. Lor Havơ D. Noóc măngđi.

Câu 6: Sự kiện nào trong chiến tranh thế giới thứ hai là bước ngoặt mở đầu cho sự thất bại của phe phát xít?

A. Hít le tự sát B. Chiến thắng Xtaligrat. C. Hội nghị Ianta. D. Trận En Alammen.

Câu 7: Tổng thống Rudoven (Mĩ) thông qua “Đạo luật trung lập” vào tháng 8/1935 quy định

A. Mĩ trở thành nước trung lập.

B. Mĩ không can thiệp vào khu vực Mĩ la tinh.

C. Mĩ không can thiệp vào các sự kiện xảy ra bên ngoài châu Mĩ.

D. Mĩ trở thành trọng tài giải quyết tranh chấp trên thế giới.

Câu 8: Thắng lợi quân sự nào của Hồng quân Liên Xô đã làm phá sản chiến lược chiến tranh chớp nhoáng” của Hítle?

A. Chiến thắng Pê-tơ-rô-grát. B. Chiến thắng Xít-ta-lin-grát.

C. Chiến thắng vòng cung Cuốc-xơ. D. Chiến thắng Mátxcova.

Câu 9: Đỉnh cao của sự dung dưỡng thỏa hiệp của Anh, Pháp đối với phát xít Hítle là?

A. Kí hiệp ước Muyních trao vùng Xuy đét cho Đức.

B. Liên minh với Đức trong việc tiêu diệt Liên Xô.

C. Anh, Pháp liên minh với Italia trong việc tiêu diệt Liên Xô.

D. Trao vùng Xuy đét và thống nhất trong việc tiêu diệt Liên Xô.

Câu 10: Vì sao Đức sử dụng chiến thuật ”chiến tranh chớp nhoáng” để tấn công Liên Xô?

A. Đức có ưu thế về vũ khí và trang thiết bị chiến tranh hiện đại.

B. Đức có ưu thế về không quân và hải quân.

C. Tiềm lực quân sự và kinh tế của Liên Xô rất lớn.

D. Nhằm tận dụng yếu tố bất ngờ để tấn công Liên Xô.

Câu 11: Tại sao Đức chuyển hướng tấn công xuống phía nam Liên Xô?

A. phía nam Liên Xô có khí hậu ẩm áp.

B. phía nam Liên Xô là vùng lương thực và dầu mỏ.

C. muốn kiểm soát biển Hắc Hải(biển đen).

D. muốn ngăn cản hải quân của Liên Xô tấn công Đức.

Câu 12: Nhằm huy động viên lực lượng chống phát xít Đức, Hồng quân Liên Xô tiến ra mặt trận với khẩu hiệu *Chính nghĩa thuộc về chúng ta. Kẻ thù sẽ bị tiêu diệt. Chiến thắng sẽ thuộc về chúng ta*” diễn ra ở mặt trận nào sau đây?

A. Mặt trận Xta-lin-grát (11/1942).

B. Mặt trận Mát-xơ-va (6/1941).

C. Mặt trận Châu Á (1945).

D. Mặt trận Vòng cung Cuốc-xơ (8/1943).

Câu 13: Chiến tranh thế giới thứ hai (1939 - 1945) kết thúc đã

A. tạo nên sự cân bằng về thế và lực giữa các nước tư bản.

B. mở ra thời kỳ khủng hoảng kéo dài của chủ nghĩa tư bản.

C. tạo ra những thay đổi căn bản trong tình hình thế giới.

D. giải quyết được mâu thuẫn giữa đế quốc với thuộc địa.

Câu 14: Trước khi Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ (tháng 9 - 1939), các nước đế quốc Anh, Pháp thực hiện chính sách nhượng bộ phát xít nhằm

A. đẩy chiến tranh về phía Liên Xô.

B. chuẩn bị cho việc thành lập phe Đồng minh.

C. khuyến khích Nhật gây chiến tranh ở châu Á. D. ngăn chặn Đức tấn công Ba Lan.

Câu 15: Nội dung nào *không* đúng về Chiến tranh thế giới thứ hai (1939 - 1945)?

A. Chiến tranh kết thúc dẫn đến thay đổi căn bản tình hình thế giới.

B. Liên Xô giữ vai trò đặc biệt quan trọng đối với việc tiêu diệt phát xít.

C. Chiến tranh kết thúc mở ra thời kỳ phát triển mới của lịch sử thế giới.

D. Mỹ giữ vai trò lãnh đạo phe Đồng minh từ khi chiến tranh bùng nổ.

PHẦN III **LỊCH SỬ VIỆT NAM (1858 - 1918)**

BÀI 19 **NHÂN DÂN VIỆT NAM KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP XÂM LƯỢC (1858 - 1873)**

I/ Phần lý thuyết

1/ Liên quân Pháp - Tây Ban Nha xâm lược Việt Nam. Chiến sự ở Đà Nẵng

a. Tình hình Việt Nam đến giữa thế kỷ XIX trước khi thực dân Pháp xâm lược

- *Chính trị*: Giữa thế kỷ XIX chế độ phong kiến đã lâm vào khủng hoảng, suy yếu.
- *Kinh tế*: Nông nghiệp, công - thương nghiệp bị đình đốn. Nhà nước độc quyền ngoại thương nên sản xuất và thương mại không phát triển được. Chính sách “*bế quan toả cảng*” làm cho nước ta bị cô lập với thế giới bên ngoài.
- *Quân sự*: lạc hậu, chính sách đối ngoại sai lầm, nhất là việc cấm đạo và đuổi các giáo sĩ phương Tây.
- *Xã hội*: Mâu thuẫn gay gắt, làm bùng nổ nhiều cuộc khởi nghĩa chống triều đình.

b. Thực dân Pháp ráo riết chuẩn bị xâm lược Việt Nam

- Tư bản phương Tây nhòm ngó Việt Nam từ rất sớm. Pháp lợi dụng việc truyền đạo Thiên Chúa làm công cụ xâm lược Việt Nam.
- 1857, Na pô lê ông lập Hội đồng Nam Kỳ để bàn cách can thiệp vào Việt Nam. Đồng thời, tích cực chuẩn bị đánh Việt Nam.
- => Việt Nam đứng trước nguy cơ bị thực dân Pháp xâm lược.

c. Chiến sự ở Đà Nẵng

- Sáng 1/9/1858, chúng nổ súng tấn công và chiếm bán đảo Sơn Trà.
- Quân và dân ta anh dũng chống trả quân xâm lược đẩy lùi nhiều đợt tấn công của địch, sau đó thực hiện kế sách “*vườn không nhà trống*” làm cho địch gặp nhiều khó khăn.
- Cuộc kháng chiến của nhân dân ta bước đầu đã làm thất bại âm mưu “*đánh nhanh thắng nhanh*” của thực dân Pháp.

2/ Cuộc kháng chiến chống Pháp ở Gia Định và các tỉnh miền Đông Nam Kỳ 1859 - 1862

- 17/2/1859, quân Pháp tấn công Gia Định. Quân triều đình tan rã nhanh chóng. Các đội dân binh chiến đấu dũng cảm buộc quân Pháp phải rút xuống các tàu chiến. Kế hoạch “*đánh nhanh thắng nhanh*” bị thất bại chúng phải chuyển sang kế hoạch “*chinh phục từng gó nhỏ*”.
- Đầu 1860, cục diện trên chiến trường Nam Kỳ thay đổi. quân Pháp ở Gia Định chỉ còn khoảng 1000 tên đóng rải ra trên một chiến tuyến 10km. Trong khi đó quân đội triều đình vẫn đóng trong phòng tuyến Chí Hoà, không chủ động đánh Pháp.
- Nhân dân Gia Định chủ động đánh địch, Dương Bình Tâm chỉ huy đội Nghĩa Dũng đánh đồn Chợ Rẫy (7/1860).

=> Thực dân Pháp bị sa lầy cả Đà Nẵng và Gia Định, rơi vào tình thế “*tiến thoái lưỡng nan*”.

I/ Phần trắc nghiệm

Câu 1: Vào giữa thế kỷ XIX, tình hình nước ta có những đặc điểm nổi bật nào?

- A. Chế độ phong kiến Việt Nam đang trong giai đoạn hình thành.
- B. Chế độ phong kiến Việt Nam lâm vào khủng hoảng suy yếu nghiêm trọng.
- C. Chế độ phong kiến Việt Nam được củng cố vững chắc.
- D. Mầm mống kinh tế tư bản chủ nghĩa đang hình thành trong lòng xã hội phong kiến.

Câu 2: Sự kiện lịch sử nào đánh dấu mốc thực dân Pháp xâm lược Việt Nam?

- A. Chiều 31/8/1858, Liên quân Pháp - Tây Ban Nha dàn trận trước cửa biển Đà Nẵng.
- B. Sáng 1/9/1858, liên quân Pháp - Tây Ban Nha nổ súng rồi đổ bộ lên bán đảo Sơn Trà.
- C. Ngày 17/2/1859, Pháp chiếm thành Gia Định.
- D. Hiệp ước Nhâm Tuất (năm 1862) được ký kết

Câu 3: (Đề 2018) Trước khi thực dân Pháp xâm lược (1858), Việt Nam là một quốc gia

- A. tự do trong Liên bang Đông Dương.
- B. độc lập trong Liên bang Đông Dương.
- C. độc lập, có chủ quyền.
- D. dân chủ, có chủ quyền.

Câu 4: Sau khi chiếm thành Gia Định (1859) quân Pháp rơi vào tình thế như thế nào?

- A. Bị thương vong gần hết.
- B. Bị nghĩa quân bao vây, quấy rối liên tục.
- C. Bị bệnh dịch hoành hành.
- D. Bị thiệt hại nặng nề do bệnh dịch và thương vong.

Câu 5: Với Hiệp ước Nhâm Tuất (1862), triều đình nhà Nguyễn đã nhượng cho Pháp những tỉnh nào?

- A. ba tỉnh: Biên hòa, Gia định, Định tường và đảo Côn lôn.
- B. ba tỉnh: Biên hòa, Gia định, Vĩnh Long và đảo Côn lôn.
- C. ba tỉnh: Biên hòa, Hà Tiên, Định tường và đảo Côn lôn.
- D. ba tỉnh: An giang, Gia định, Định tường và đảo Côn lôn.

Câu 6: Liên quân Pháp - Tây Ban Nha xâm lược Việt Nam nhằm mục đích gì?

- A. muốn có thị trường để tiêu thụ hàng hóa cho chủ nghĩa tư bản.
- B. muốn chia quyền lợi với Pháp sau khi chiếm xong Việt Nam làm thuộc địa.
- C. các giáo sĩ truyền giáo của Tây Ban Nha bị triều đình nhà Nguyễn giết hại.
- D. phân chia phạm vi ảnh hưởng của Pháp và Tây Ban Nha ở Việt Nam.

Câu 7: Tại sao từ tháng 9/1858 đến 2/1859, liên quân Pháp - Tây Ban Nha bị cầm chân trên bán đảo Sơn Trà (Đà Nẵng)?

- A. Quân đội nhà Nguyễn anh dũng chiến đấu và đẩy lùi nhiều đợt tấn công của liên quân Pháp - Tây Ban Nha.
- B. Nhân dân cả nước kiên cường chống giặc đẩy lùi nhiều đợt tấn công của quân Pháp
- C. Quân dân cả nước anh dũng chống trả quân xâm lược đẩy lùi nhiều đợt tấn công của chúng
- D. Quân ít, thiếu viên binh và thời tiết không thuận lợi.

Câu 8: Không chiếm được Đà Nẵng, tháng 2/1859 Pháp đưa quân vào Gia định nhằm?

- A. chiếm vùng đất Nam kỳ và cắt đứt con đường tiếp tế lương thực của triều đình.
- B. gây chiến tranh cuộc chiến tranh ở Trung Quốc.
- C. chuẩn bị cho việc xâm lược Campuchia .
- D. bệnh dịch ở Đà Nẵng đang hoành hành.

Câu 9: Năm 1860, quân đội triều đình nhà Nguyễn không giành được thắng lợi quyết định trên chiến trường Gia Định là do?

- A. Quân ít, trình độ tác chiến kém.
- B. Thiếu sự ủng hộ của nhân dân.
- C. Không chủ động tấn công giặc.
- D. triều đình nhà Nguyễn có tư tưởng thương lượng với Pháp.

Câu 10: Sau năm 1862, thái độ của triều đình nhà Nguyễn đối với các nghĩa binh chống Pháp ở Gia Định, Biên Hòa Định Tường là:

- A. Khuyến khích và ủng hộ các nghĩa binh chống Pháp.
- B. Ra lệnh giải tán các nghĩa binh chống Pháp.
- C. Yêu cầu quân triều đình cùng nghĩa binh chống Pháp.
- D. Cử quan lại chỉ huy nghĩa binh chống Pháp.

Câu 11: Nội dung nào *không* đúng khi Pháp chọn Đà Nẵng mở đầu xâm lược Việt Nam?

- A. Đà Nẵng gần kinh thành Huế là trung tâm đầu não của chính quyền phong kiến nhà Nguyễn.
- B. Đà Nẵng có cảng biển sâu rất thuận lợi cho tàu chiến Pháp hoạt động.
- C. Đà Nẵng là nơi có nhiều giáo sĩ truyền giáo của Pháp bị triều Nguyễn sát hại.
- D. Đà Nẵng là nơi có nhiều đồng bào theo đạo thiên chúa giáo làm tay sai cho Pháp.

Câu 12: Chính sách nào của triều Nguyễn làm cho nước ta bị cô lập với thế giới bên ngoài vì?

- A. mua quan bán tước.
- B. độc quyền công thương nghiệp.
- C. bế quan tỏa cảng.
- D. thực hiện chính sách cấm đạo.

Câu 13: Cuộc chiến đấu của quân dân Việt Nam ở Gia Định (1859) buộc thực dân Pháp phải chuyển sang thực hiện kế hoạch nào?

- A. Vừa đánh vừa đàm.
- B. Tiến công ra Bắc Kỳ.
- C. Chinh phục từng gó nhỏ.
- D. Đánh nhanh thắng nhanh.

Câu 14: Napolêông III lập ra Hội đồng Nam kì nhằm mục đích gì?

- A. Bàn cách không cho thực dân Anh xâm lược Việt Nam.
- B. bàn cách can thiệp vào Việt Nam.

C. Bàn cách viện trợ kinh tế quân sự cho Nguyễn Ánh.

D. truyền đạo Thiên chúa vào Việt Nam.

Câu 15: “*Bao giờ người Tây nhỏ hết có nước Nam thì mới hết người Nam đánh Tây*” đó là câu nói của ai?

A. Phan Thanh Giản.

C. Nguyễn Tri Phương.

B. Nguyễn Hữu Huân.

D. Nguyễn Trung Trực.

Câu 16: (Đề 2018) Trước những hành động xâm lược Việt Nam của thực dân Pháp cuối thế kỷ XIX, triều đình nhà Nguyễn có động thái như thế nào?

A. Từ phản ứng quyết liệt chuyển dần sang đầu hàng.

B. Chấp nhận đầu hàng để tránh đổ máu cho nhân dân.

C. Từ phát động toàn dân kháng chiến đi đến đầu hàng.

D. Nhu nhược, đầu hàng ngay khi quân Pháp tấn công.

Câu 17: (Đề 2018) Cuộc chiến đấu của quân dân Việt Nam ở Gia Định (1859) buộc thực dân Pháp phải chuyển sang thực hiện kế hoạch nào?

A. Tiến công ra Bắc Kỳ.

B. Chinh phục từng góì nhỏ.

C. Đánh nhanh thắng nhanh.

D. Vừa đánh vừa đàm.

Câu 18: (Đề 2018) Cuộc kháng chiến của nhân dân Việt Nam chống thực dân Pháp xâm lược từ năm (1858 - 1884) có đặc điểm gì?

A. Kết hợp chặt chẽ đấu tranh vũ trang với đấu tranh chính trị và ngoại giao.

B. Lan rộng từ Bắc vào Nam theo sự mở rộng địa bàn xâm lược của thực dân Pháp.

C. Từ chống ngoại xâm đến kết hợp chống ngoại xâm và phong kiến đầu hàng.

D. Hình thành một mặt trận thống nhất do các văn thân, sĩ phu tiên bộ lãnh đạo.

Câu 19: (Đề 2019) Vì sao cuộc kháng chiến chống Pháp của nhân dân ta sau hiệp ước Nhàn Tuất năm 1862 lại khó khăn hơn so với thời kì trước?

A. Triều đình nhà Nguyễn đàn áp cuộc kháng chiến của nhân dân ta.

B. Do thực dân Pháp tiến hành bắt bớ, giết hại những người tham gia kháng chiến.

C. Nhà Nguyễn đã thỏa hiệp với Pháp bỏ rơi cuộc kháng chiến của nhân dân ta.

D. Pháp chiếm Lào và Campuchia có điều kiện tập trung lực lượng đàn áp cuộc kháng chiến.

Câu 20: Điểm *giống nhau* về tình Việt Nam và Nhật Bản giữa thế kỉ XIX là

A. chế độ phong kiến phát triển đến đỉnh cao, mầm mống chủ nghĩa tư bản xuất hiện.

B. đứng trước nguy cơ bị các nước đế quốc xâm lược và thống trị.

C. mầm mống kinh tế tư bản chủ nghĩa xâm nhập mạnh vào các ngành kinh tế.

D. chế độ phong kiến lâm vào khủng hoảng sâu sắc và đứng trước nguy cơ bị xâm lược.

Câu 21: Sai lầm lớn nhất trong chính sách đối ngoại của nhà Nguyễn là gì?

A. Bắt Lào và Campuchia thuần phục.

B. Chính sách cấm “đạo thiên chúa giáo”.

C. “Bế quan tỏa cảng”.

D. Thần phục triều đình Mãn Thanh.

Câu 22: Tại sao thực dân Pháp chọn Đà Nẵng là điểm tiến công đầu tiên khi xâm lược ở nước ta?

A. Là nơi Pháp xây dựng giáo dân có nhiều giáo sĩ phương Tây.

B. Nằm trên con đường bộ Bắc - Nam thuận lợi cho việc đi lại và có nhiều giáo sĩ Pháp sinh sống.

C. Gần kinh thành Huế, có cảng nước sâu tàu chiến dễ đi lại, có lực lượng giáo dân.

D. Gần kinh thành Huế, thực hiện kế hoạch đánh nhanh thắng nhanh tiêu diệt cơ quan đầu não triều đình Huế.

Câu 23: Lấy cớ gì để thực dân Pháp tấn công xâm lược nước ta năm 1858?

A. Vương triều Tây Sơn sụp đổ.

B. Chính sách bế quan tỏa cảng của triều đình.

C. Nhà Nguyễn cấm đạo ki tô.

D. Các vua Nguyễn không buôn bán với người Pháp.

Câu 24: Đặc điểm nổi bật *nhất* trong phong trào kháng chiến của nhân dân ba tỉnh miền Tây Nam kì là gì?

A. Phong trào do nông dân khởi xướng và lãnh đạo.

B. Phong trào sử dụng hình thức đấu tranh phong phú.

C. Phong trào lôi cuốn nhiều văn thân sĩ phu tham gia.

D. Phong trào kết hợp giữa chống ngoại xâm và chống phong kiến.

Câu 25: Khi Pháp tấn công Đà Nẵng (1/9/1858) thái độ của triều đình nhà Nguyễn như thế nào?

A. Tỏ ra run sợ, chấp nhận thương lượng với Pháp.

B. Tổ chức đánh Pháp nhưng thiếu cương quyết.

C. Cùng với nhân dân đứng lên chống Pháp đến cùng.

D. Thỏa hiệp với Pháp để đàn áp phong trào đấu tranh của nhân dân ta.

Câu 26: Trong quá trình chống Pháp xâm lược (1858 - 1884) quyết định sai lầm nào của nhà Nguyễn làm cho nhân dân Việt Nam bất mãn, mở đầu cho việc “ quyết đánh cả triều lẫn Tây”?

A. Nhượng cho Pháp ba tỉnh miền Đông Nam kì (1862).

B. Kí với thực dân Pháp Hiệp ước Nhâm Tuất (1862).

C. Phải bồi thường chiến phí cho Pháp và Tây Ban Nha.

D. Ngăn cản nghĩa quân Nguyễn Trung Trực Pháp đánh.

Câu 27: Hiệp ước Nhâm Tuất (1862) Pháp kí với triều đình Nguyễn được kí kết trong hoàn cảnh nào?

A. Vua Tự Đức mất.

B. Pháp chiếm Gia Định.

C. Đại đồn Chí Hòa rơi vào tay Pháp.

D. Kháng chiến của nhân dân miền Đông lên cao.

Câu 28: Nhà Nguyễn ra lệnh giải tán phong trào kháng chiến của nhân dân các tỉnh miền Đông Nam kì sau sự kiện nào?

A. Nhân Tuất (1862).

B. Giáp Tuất (1874).

C. Hắc mãng (1883).

D. Pa tơ nốt (1884)

Câu 29: (Đề 2019) Vì sao nhà Nguyễn không kiên quyết chống Pháp mà luôn thỏa hiệp bằng việc kí các điều ước?

A. Lực lượng của quân Pháp quá mạnh.

B. Sợ mất quyền lợi giai cấp.

C. Hoang mang giao động.

D. Sợ quần chúng nhân dân.

Câu 30: Đặc điểm nổi bật nhất trong phong trào kháng chiến chống thực dân Pháp của nhân dân ba tỉnh miền Tây Nam kì là

A. lôi cuốn nhiều văn thân sĩ phu tham gia kháng chiến.

B. kết hợp giữa chống ngoại xâm với chống phong kiến tay sai.

C. phong trào đấu tranh sử dụng hình thức phong phú.

D. phong trào đấu tranh theo khuynh hướng dân chủ tư sản.

Câu 30: Giữa thế kỉ XIX đứng trước nguy cơ xâm lược của các nước tư bản phương Tây, yêu cầu lịch sử đặt ra đối với Việt Nam lúc này là gì?

A. Tăng cường liên kết với các nước trong khu vực.

B. Thực hiện chính sách cấm đạo triệt để.

C. Đóng cửa không giao thương với phương Tây.

D. Cải cách, canh tân đất nước để tự cường.

Câu 31: Thực dân pháp có âm mưu gì khi tấn công Gia Định (2/1859)?

A. Đề tấn công Lào và Campuchia.

B. Có cảng biển nước sâu.

C. Xa triều đình Huế có vị trí chiến lược quan trọng.

D. Vựa lúa lớn nhất Việt Nam, có vị trí chiến lược quan trọng.

Câu 32: (Đề 2019) Đến giữa thế kỉ XIX Việt Nam là một nước như thế nào?

A. Trở thành nước nửa thuộc địa, nửa phong kiến.

B. Có độc lập chủ quyền nhưng chế độ phong kiến khủng hoảng suy yếu.

C. Quân chủ lập hiến, có độc lập chủ quyền, khá hùng mạnh ở Đông Nam Á.

C. Mất độc lập chủ quyền và đang khủng hoảng trầm trọng.

Câu 33: Nguyên nhân nào sau đây khiến quân Pháp sau khi chiếm thành Gia Định (2/1859) phải dùng thuốc nổ phá thành, rút quân xuống các tàu chiến.

A. Quân Pháp phải phân tán lực lượng cho các chiến trường khác.

B. Quân Pháp ngày đêm bị quấy rối, tiêu diệt bởi các đội dân binh.

C. Quân đội nhà Nguyễn tổ chức phản công có hiệu quả.

D. Quân Pháp vấp phải sự chống trả quyết liệt của quân dân ta.

Câu 34: Vào giữa thế kỷ XIX, trước nguy cơ xâm lược của các nước tư bản phương Tây, triều đình nhà Nguyễn thực hiện chính sách nào?

A. Cải cách, mở cửa.

B. Tự do tôn giáo.

C. Bế quan tỏa cảng.

D. Cải cách văn hóa

BÀI 20

CHIẾN SỰ LAN RỘNG RA CẢ NƯỚC. CUỘC KHÁNG CHIẾN CỦA NHÂN DÂN TA (1873 - 1884). NHÀ NGUYỄN ĐẦU HÀNG

I/ Phần lý thuyết

1. Thực dân Pháp đánh chiếm Bắc Kỳ lần thứ nhất (1873). Kháng chiến lan rộng ra Bắc kì

a. Thực dân Pháp đánh chiếm Bắc Kỳ lần thứ nhất (1873)

- Sau khi thiết lập bộ máy cai trị ở Nam Kỳ, Pháp ráo riết chuẩn bị cho việc đánh chiếm Bắc Kỳ.
- Pháp dựng nên vụ Giăng Đuy-puy ở Hà Nội (cho Đuy-puy gây rối trên sông Hồng). Lấy cớ giải quyết vụ Đuy-puy, năm 1873 Pháp đem quân ra đánh thành Hà Nội (20/11/1873) và sau đó chiếm các tỉnh đồng bằng Bắc Kỳ (từ ngày 23/11 đến ngày 12/12/1873).

b. Phong trào kháng chiến ở Bắc Kỳ trong những năm 1873 - 1874

- Khi Pháp đánh thành Hà Nội, 100 binh sĩ đã chiến đấu và hi sinh đến người cuối cùng tại ô Quang Chương.
- Tổng đốc Nguyễn Tri Phương chỉ huy quân sĩ chiến đấu và đã anh dũng hy sinh.
- Nhân dân chủ động kháng chiến ở Hưng Yên, Nam Định, Thái Bình.
- Trong trận Cầu Giấy (21/12/1873), tướng giặc là Gácniê tử trận. Thực dân Pháp hoang mang lo sợ và tìm cách thương lượng với triều đình Huế.
- Hiệp ước 15/3/1874 (Giáp Tuất) được kí kết, quân Pháp rút khỏi Bắc Kỳ nhưng triều đình đã dâng toàn bộ sáu tỉnh Nam Kỳ cho Pháp.

2. Thực dân Pháp tiến đánh Bắc Kỳ lần thứ hai. Cuộc kháng chiến ở Bắc Kỳ và Trung Kỳ trong những năm 1882 - 1884

a. Quân Pháp đánh chiếm Hà Nội và các tỉnh Bắc Kỳ lần thứ hai (1882 - 1884)

- 1882, Pháp vu cáo triều đình Huế vi phạm Hiệp ước 1874, quân Pháp kéo ra Bắc.
- Ngày 3/4/1882, chúng bất ngờ đổ bộ lên Hà Nội.
- Ngày 25/4/1882, Pháp nổ súng chiếm thành Hà Nội.
- Tháng 3/1883, Pháp chiếm mỏ than Hòn Gai, Quảng Yên, Nam Định...

b. Nhân dân Hà Nội và các tỉnh đồng bằng Bắc Kỳ kháng chiến

- Tại Hà Nội, quan quân triều đình do Hoàng Diệu chỉ huy đã chiến đấu anh dũng bảo vệ thành. Khi thành mất, ông đã tuân tiết theo thành (sử dụng tài liệu về Hoàng Diệu).
- Quân dân các tỉnh như Sơn Tây, Bắc Ninh.. tích cực chuẩn bị chống giặc.
- Tại các tỉnh đồng bằng như Nam Định, Thái Bình... nhiều trung tâm kháng chiến xuất hiện.
- Sự phối hợp kháng chiến của quân dân ta đã dẫn đến chiến thắng Cầu Giấy lần thứ hai (19/5/1883). Tướng giặc là Rivie tử trận (sử dụng lược đồ trận Cầu Giấy).
- Phân tích tác động, ý nghĩa chiến thắng Cầu Giấy lần thứ hai: đem lại niềm phấn khích cho quân dân ta, nhưng chiến thắng không được tiếp tục phát huy vì chủ trương thương lượng, cầu hoà của triều đình Huế. Chính phủ Pháp lại lợi dụng sự kiện này để đẩy mạnh cuộc chiến tranh, dùng vũ lực buộc triều đình Huế đầu hàng.

3. Thực dân Pháp tấn công Thuận An, Hiệp ước 1883 và Hiệp ước 1884

a. Quân Pháp tấn công cửa biển Thuận An

- Do vị trí quan trọng của Thuận An, hơn nữa nhân cơ hội vua Tự Đức mới mất (17/7/1883), triều đình chính đang rối ren. Pháp đã hiểu rõ thái độ bạc nhược của triều đình Huế do đó đã tấn công Thuận An.
- Diễn biến:
 - + Ngày 18/8/1883, Pháp tấn công Thuận An.
 - + Quân triều đình chiến đấu quyết liệt, nhưng cuối cùng quân Pháp vẫn chiếm được các pháo đài, kinh đô Huế bị uy hiếp trực tiếp.

b. Hai bản Hiệp ước 1883 và 1884. Nhà nước phong kiến Nguyễn đầu hàng

- 25/8/1883, triều đình nhà Nguyễn phải kí Hiệp ước Hác măng với Pháp, Việt Nam bị chia làm ba "kì", trong đó Trung Kỳ gồm các tỉnh từ Quảng Bình đến Khánh Hoà được giao cho triều đình Huế quản lý.

- 6/6/1884, Nhà Nguyễn phải kí với Pháp Hiệp ước Patonốt nhằm điều chỉnh lại địa giới Trung Kỳ ra hết tỉnh Thanh Hoá và vào đến Bình Thuận, nhằm xoa dịu dư luận và mua chuộc quan lại phong kiến.

c. **Hệ quả:** Nước Việt Nam bị đặt dưới sự "bảo hộ" của Pháp và trở thành một nước thuộc địa nửa phong kiến.

II/ Phần trắc nghiệm

Câu 1: Khi Pháp đánh thành Hà Nội lần thứ nhất (1873), Ông đã đốc thúc quân sĩ dũng cảm đánh Pháp, khi bị địch bắt ông đã rút gươm tự sát theo em ông là ai?

A. Trương Định. B. Hoàng Diệu. C. Nguyễn Tri Phương. D. Nguyễn Trung Trực.

Câu 2: Vì sao năm 1883 Pháp với quyết định tấn công vào Thuận An?

A. Triều đình nhà Nguyễn có tư tưởng đầu hàng. B. Pháp được tăng viện binh
C. Tự Đức mất triều đình mâu thuẫn trong việc chọn người kế vị. D. Nhân cái chết của Rivie.

Câu 3: Sau khi để mất 6 tỉnh Nam Kỳ vào tay Pháp, tư tưởng chủ yếu chi phối các quan lại cao cấp trong triều đình Huế là

A. đầu hàng. C. do dự.
B. phát động phong trào Cần vương. D. chống pháp.

Câu 4: Nguyên nhân chủ yếu khiến nước ta rơi vào tay Pháp là

A. Quân và dân ta không có trang bị vũ khí hiện đại
B. Nhà Nguyễn thiếu quyết tâm chống giặc và không có đường lối lãnh đạo đúng đắn
C. Các cuộc khởi nghĩa của nhân dân tadiễn ra không đồng loạt
D. Pháp là một đế quốc mạnh

Câu 5: Hiệp ước Hác măng và Pa tơ nốt có ý nghĩa như thế nào?

A. Xác lập nền bảo hộ của Pháp trên toàn bộ đất nước Việt Nam.
B. Chấm dứt cuộc chiến đấu chống Pháp của nhân dân ta.
C. Đánh dấu sự đầu hàng hoàn toàn của triều đình phong kiến Việt Nam.
D. Từ nay triều Nguyễn trở thành tay sai của Pháp.

Câu 6: Triều Nguyễn có thái độ như thế nào trước việc Pháp tấn công cửa biển Thuận An (Huế)?

A. Dời kinh đô về Gia Định. B. Tăng viện cho cửa biển Thuận An.
C. Xin đình chiến với Pháp. D. Xây dựng sơn phòng chuẩn bị kháng chiến lâu dài.

Câu 7: Khi Pháp đánh thành Hà Nội lần thứ 2 (1882), Ông đã dũng cảm chỉ huy quân sĩ chiến đấu để giữ thành, thành mất ông đã tự vẫn để bảo toàn khí tiết, theo em ông là ai?

A. Hoàng Diệu. B. Trương Quang Đản.
C. Hoàng Tá Viêm. D. Lưu Vĩnh Phúc.

Câu 8: Pháp đã lấy cớ gì để phái Gác-ni-ê tiến quân ra Bắc?

A. Giải quyết việc triều đình nhà Nguyễn vi phạm Hiệp ước Patonốt.
B. Truy bắt Trương Quyền.
C. Giải quyết việc Đuy-puy gây rối.
D. Giúp quân triều đình đánh quân Thanh.

Câu 9: Tháng 3/1883 quân Pháp đã đánh chiếm khu vực nào sau đây?

A. Nam kì lục tỉnh (tức 6 tỉnh Nam kì) B. Các tỉnh đồng bằng Sông Hồng
C. Các tỉnh miền núi Tây Bắc. D. Mỏ than Hòn Gai, Quảng Yên và Nam Định.

Câu 10: Năm 1883 vị vua nào của triều đình nhà Nguyễn qua đời?

A. Minh Mệnh. B. Thiệu Trị. C. Tự Đức. D. Dục Đức.

Câu 11: Thực dân Pháp đã phản ứng như thế nào sau chiến thắng Cầu Giấy lần thứ nhất của quân dân ta?

A. Tăng cường viện binh cho Bắc kì. B. Đem quân tấn công thẳng vào Huế.
C. Vội vã rút quân khỏi Bắc kì. D. Tìm cách thương lượng với triều Nguyễn.

Câu 12: Pháp đã loại trừ sự can thiệp của nhà Thanh bằng cách nào?

A. Kí với triều đình Mãn Thanh bản Quy ước Thiên Tân.

B. Đánh tan quân đội Mãn Thanh tại Lạng Sơn.

C. Tấn công vào Bắc Kinh, buộc triều đình Mãn Thanh phải giao Việt Nam cho Pháp.

D. Kí với triều đình Mãn Thanh hiệp ước Hoa - Pháp.

Câu 13: Tại sao cửa Ô Thanh Hà được đổi tên thành Ô Quan Chưởng?

A. Khi Pháp đánh chiếm Bắc kì lần thứ nhất, Nguyễn Tri Phương đã chiến đấu và hi sinh tại đây.

B. Một viên Chưởng cơ đã bị Pháp chém đầu ở đây.

C. Khi Pháp đánh chiếm Bắc kì lần thứ nhất, viên Chưởng cơ chỉ huy binh sĩ chiến đấu và hi sinh đến người cuối cùng tại đây.

D. Khi Pháp đánh chiếm Bắc kì lần thứ hai, một quan Chưởng cơ chiến đấu và hi sinh ở đây.

Câu 14: Nguyên nhân nào làm cho sức “đề kháng chống Pháp” của nhân dân ta bị suy giảm trước khi Pháp đánh chiếm Bắc kì lần thứ nhất (1873)?

A. Tiếp tục chính sách “bế quan tỏa cảng”.

B. Kinh tế nước ta ngày càng kiệt quệ vì triều đình vét tiền bạc để trả chiến phí cho Pháp.

C. Bọn thổ phỉ, hải phỉ nổi lên cướp phá ở nhiều nơi.

D. Nhà Nguyễn đàn áp đẫm máu các cuộc khởi nghĩa nông dân.

Câu 15: Nhà Nguyễn để mất thời cơ nào sau đây, có thể đánh bại quân Pháp tại Bắc kì?

A. Trận Cầu Giấy lần thứ nhất (1873).

C. Quân tao bao vây quân Pháp ở thành Hà Nội.

B. Trận Cầu Giấy lần thứ hai (1883).

D. Tổng chỉ huy quân Pháp Ri-vi-e bị tử nạn.

Câu 16: (Đề 2018) Hiệp ước Patonôt (1884) được ký kết giữa triều đình nhà Nguyễn với thực dân Pháp là mốc đánh dấu

A. các vua nhà Nguyễn hoàn toàn đầu hàng thực dân Pháp.

B. thực dân Pháp căn bản hoàn thành công cuộc bình định Việt Nam.

C. thực dân Pháp thiết lập xong bộ máy cai trị ở Việt Nam.

D. thực dân Pháp căn bản hoàn thành công cuộc xâm lược Việt Nam.

Câu 17: (Đề 2018) Thực dân Pháp sử dụng phương thức chủ yếu nào trong quá trình xâm lược Việt Nam cuối thế kỷ XIX?

A. Sử dụng thương nhân và nhà truyền giáo làm nòng cốt.

B. Phối hợp với nhà Nguyễn đàn áp phong trào yêu nước.

C. Kết hợp tấn công quân sự với thủ đoạn ngoại giao.

D. Kết hợp tấn công quân sự với thủ đoạn kinh tế.

Câu 18: (Đề 2019) Điểm nổi bật *giống nhau* về kết quả trong hai chiến thắng Cầu Giấy (Hà Nội) lần thứ nhất và lần thứ hai là

A. làm cho quân Pháp hoang mang.

B. làm nức lòng nhân dân ta.

C. cả hai tướng giặc đều bị thiệt mạng.

D. triều đình nhà Nguyễn phải nhân nhượng.

Câu 19: Nguyên nhân nào khiến Pháp tiến đánh Hà Nội và các tỉnh Bắc kì lần thứ hai?

A. Pháp muốn hoàn thành cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam.

B. Do nhu cầu cấp thiết về thị trường nguyên liệu, nhân công và lợi nhuận.

C. Lực lượng quân đội của triều đình nhà Nguyễn ở Bắc kì mỏng.

D. Triều đình nhà Nguyễn đã suy yếu và bất lực.

Câu 20: Theo các điều khoản của Hiệp ước Hác măng (1883) nền chính trị Việt Nam như thế nào?

A. Trở thành thuộc địa của Pháp.

B. Đặt dưới sự bảo hộ của Pháp.

C. Là nước phong kiến.

D. Giao cho triều đình quản lý.

Câu 21: Cuộc kháng chiến chống Pháp của nhân dân ta trong giai đoạn (1873 - 1884) có đặc điểm nổi bật nào?

A. Kết hợp nhiệm vụ chống xâm lược và chống phong kiến đầu hàng.

B. Tạm gác nhiệm vụ chống đế quốc để giải quyết nhiệm vụ giai cấp.

C. Triều đình cùng với nhân dân tập trung vào nhiệm vụ chống Pháp.

D. Nhân dân tạm gác mâu thuẫn giai cấp phối hợp với triều đình đánh Pháp.

Câu 22: Chiến thắng cầu giấy lần thứ hai (1883) thể hiện điều gì trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của nhân dân ta?

- A. Lòng yêu nước và quyết tâm bảo vệ Tổ quốc.
- B. Ý chí quyết tâm sẵn sàng tiêu diệt giặc ngoại xâm.
- C. Thể hiện sự sáng tạo trong cách tổ chức chiến đấu.
- D. Sự phối hợp đồng bộ trong việc phá thế bao vây của địch.

Câu 23: Điểm *giống nhau* về hành động xâm lược của thực dân Pháp trong hai lần đánh chiếm Hà Nội và cả tỉnh Bắc Kỳ Việt Nam trong những năm (1973 và 1882 - 1883) là

- A. gửi tối hậu thư cho tổng đốc thành Hà Nội sau đó cho quân nổ súng xâm lược.
- B. sử dụng các thủ đoạn chính trị sau đó cho quân nổ súng xâm lược.
- C. không tôn trọng những điều khoản đã kí với triều đình nhà Nguyễn.
- D. sử dụng sức mạnh quân sự ép triều đình Huế phải đầu hàng.

Câu 24: Theo các điều khoản của Hiệp ước Hác măng nền chính trị của Việt Nam như thế nào?

- A. trở thành thuộc địa của Pháp.
- B. Nước phong kiến.
- C. Đặt dưới sự bảo hộ của Pháp.
- D. giao cho triều đình quản lý.

Câu 25: Với việc kí Hiệp ước Patơnot (1884) mục đích của thực dân Pháp có gì khác so với Hiệp ước Hác măng (1883)?

- A. Nhằm củng cố ách thống trị lâu dài trên đất nước ta.
- B. Nhằm mua chuộc và xoa dịu phong trào kháng Pháp.
- C. Nhằm biến Việt Nam thành thuộc địa của Pháp.
- D. Nhằm củng cố thế lực cho giai cấp phong kiến Việt Nam.

Câu 26: Cuộc khởi nghĩa tiêu biểu *nhất* của nhân dân ba tỉnh miền Đông Nam kì sau Hiệp ước Nhâm Tuất (năm 1862) là

- A. khởi nghĩa Trương Định.
- B. khởi nghĩa của Phan Tôn, Phan Liêm.
- C. khởi nghĩa của Nguyễn Trung Trực.
- D. khởi nghĩa của Trương Quyền.

BÀI 21

PHONG TRÀO YÊU NƯỚC CHỐNG PHÁP CỦA NHÂN DÂN VIỆT NAM TRONG NHỮNG NĂM CUỐI THẾ KỈ XIX

I/ Phần lý thuyết

1. Phong trào Cần vương bùng nổ

a. Cuộc phản công quân Pháp của phá tại kinh thành Huế và sự bùng nổ phong trào Cần vương

*** Nguyên nhân**

- Sau Hiệp ước Hác-măng và Patơ-nôt, Pháp đã đặt nền thống trị trên toàn bộ nước ta.
- Phong trào đấu tranh chống Pháp của nhân dân ta tiếp tục phát triển.
- Dựa vào phong trào kháng chiến của nhân dân, phe chủ chiến đứng đầu là Tôn Thất Thuyết ra sức gây dựng lực lượng để chống Pháp.

*** Diễn biến**

- Đêm 4 rạng 5/7/1885, Tôn Thất Thuyết hạ lệnh cho quân triều đình tấn công Pháp ở đồn Mang Cá và Toà Khâm sứ.

*** Kết quả:** Cuộc phản công thất bại. Tôn Thất Thuyết đưa vua Hàm Nghi rời khỏi Hoàng thành lên sơn phòng Tân Sở (Quảng Trị) xây dựng căn cứ chống Pháp.

- 13/7/1885, Tôn Thất Thuyết lấy danh nghĩa vua Hàm Nghi xuống chiếu Cần Vương.
- Chiếu Cần Vương đã thổi bùng ngọn lửa đấu tranh của nhân dân ta thành một phong trào vũ trang chống Pháp kéo dài hơn 10 năm mới chấm dứt.

b. Các giai đoạn phát triển của phong trào Cần Vương

*** Giai đoạn 1:(1885 - 1888)**

- Lãnh đạo: Vua Hàm Nghi, Tôn Thất Thuyết, các văn thân, sĩ phu yêu nước.
- Lực lượng tham gia: đông đảo nhân dân.
- Địa bàn: rộng lớn từ Bắc vào Nam, sôi nổi nhất là Trung-Bắc kì.
- Diễn biến: Các cuộc khởi nghĩa vũ trang bùng nổ, tiêu biểu là khởi nghĩa Ba Đình, Bãi Sậy, Hương Khê.
- Kết quả: cuối 1888, vua Hàm Nghi bị thực dân Pháp bắt và lưu đày sang Angiêri.

*** Giai đoạn 2:(1888 - 1896)**

- Lãnh đạo: Các sĩ phu, văn thân yêu nước.
- Địa bàn: thu hẹp, qui tụ thành các trung tâm lớn. Trọng tâm chuyển lên miền núi, trung du.
- Các cuộc khởi nghĩa tiêu biểu: Hùng Lĩnh, Hương Khê.
- Kết quả: 1896 phong trào bị thất bại.

II/ Phần trắc nghiệm

Câu 1: Trong các khởi nghĩa chống thực dân Pháp cuối thế kỷ XIX đầu XX, cuộc khởi nghĩa nào tồn tại lâu nhất?

- | | |
|--------------------------|------------------------|
| A. Khởi nghĩa Ba Đình. | B. Khởi nghĩa Bãi Sậy. |
| C. Khởi nghĩa Hương Khê. | D. Khởi nghĩa Yên Thế. |

Câu 2: Phe chủ chiến đứng đầu là Tôn Thất Thuyết tổ chức cuộc phản công quân Pháp ở Kinh thành Huế và phát động phong trào Cần Vương dựa trên cơ sở nào?

- A. được sự đồng tâm nhất trí trong hoàng tộc.
- B. có sự ủng hộ của triều đình Mãn Thanh.
- C. có sự ủng hộ của binh lính.
- D. sự ủng hộ của nhân dân và quan lại phe chủ chiến.

Câu 3: Nguyên nhân bùng nổ của phong trào Cần Vương (1885 - 1896)?

- | | |
|--|--|
| A. Muốn giúp vua cứu nước. | B. Vì bị vua quan phong kiến áp bức nặng nề. |
| C. Muốn lật đổ vương triều nhà Nguyễn. | D. Chống Pháp để bảo vệ cuộc sống tự do. |

Câu 4: Phong trào nào sau đây không được xem là phong trào Cần Vương?

- | | |
|-------------------------|-----------------------|
| A. Khởi nghĩa Ba Đình | B. Khởi nghĩa Bãi Sậy |
| C. Khởi nghĩa Hương Khê | D. Khởi nghĩa Yên Thế |

Câu 5: Tôn Thất Thuyết giữ chức vụ gì trong triều đình Huế?

- A. Thượng thư Bộ Binh.
- B. Tổng đốc Hà Nội.
- C. Ngự sử đài.
- D. Tán lý quân vụ.

Câu 6: Thực dân Pháp đã dùng chiến thuật gì để đối phó với nghĩa quân Bãi Sậy?

- A. Đánh vây lấn.
- B. Dùng người Việt trị người Việt.
- C. Lây chiến tranh nuôi chiến tranh.
- D. Tầm ăn lá dâu.

Câu 7: Hoạt động chủ yếu của nghĩa quân Ba Đình (1886 - 1887)?

- A. Tập kích các toán quân địch hành quân qua vùng căn cứ.
- B. Chặn đánh các đoàn xe quân sự.
- C. Đầu độc lính Pháp tại Hà Nội.
- D. Mở các trận đánh nhằm chiếm lại Hà Nội.

Câu 8: Đề Thám đã lợi dụng thời cơ nào để xin giảng hòa lần thứ hai (12/1897) với thực dân Pháp?

- A. Quân số của Pháp tại Yên Thế bị giảm bớt một nửa.
- B. Pháp muốn chấm dứt xung đột để tiến hành khai thác thuộc địa.
- C. Vua Pháp bị ám sát, nước Pháp lâm vào khủng hoảng chính trị.
- D. Pháp phải tập trung lực lượng đàn áp cuộc khởi nghĩa Bãi Sậy.

Câu 9: Người nào sau đây đã chế tạo thành công súng trường theo mẫu của Pháp?

- A. Nguyễn Thiện Thuật.
- B. Cao Thắng.
- C. Nguyễn Trung Trực.
- D. Đề Thám.

Câu 10: Tại sao vua Hàm Nghi bị rơi vào tay giặc Pháp?

- A. Do Cao Ngọc Lễ phản bội.
- B. Do Trương Quang Ngọc phản bội.
- C. Do Nguyễn Thân phản bội.
- D. Do Huỳnh Công Tấn phản bội.

Câu 11: Điểm khác nhau của khởi nghĩa Yên Thế (1884 - 1913) so với các cuộc khởi nghĩa trong phong trào Cần vương (1885 - 1896) là về

- A. phương pháp đấu tranh.
- B. xuất thân của người lãnh đạo.
- C. lực lượng chủ yếu.
- D. kết quả đấu tranh.

Câu 12: Cuộc khởi nghĩa nào dưới đây thuộc phong trào Cần vương ở Việt Nam cuối thế kỷ XIX?

- A. Hương Khê.
- B. Yên Thế.
- C. Yên Bái.
- D. Thái Nguyên.

Câu 13: Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược ở Việt Nam cuối thế kỷ XIX thất bại chủ yếu là do

- A. thực dân Pháp được sự giúp đỡ của nhiều nước tư bản.
- B. triều đình nhà Nguyễn thiếu quyết tâm kháng chiến.
- C. nhân dân không đoàn kết với triều đình nhà Nguyễn.
- D. triều đình nhà Nguyễn không đứng lên kháng chiến.

Câu 14: Nguyên nhân chính dẫn đến sự thất bại của phong trào Cần Vương và phong trào nông dân Yên thế là do

- A. Thiếu giai cấp tiên tiến lãnh đạo và đường lối đúng đắn.
- B. Thực dân Pháp còn mạnh, lực lượng chống Pháp của ta quá yếu.
- C. Thực dân Pháp về cơ bản đã bình định xong nước ta về quân sự.
- D. Phong trào diễn ra còn lẻ tẻ, chưa có sự liên kết.

Câu 15: Mục đích chính của phong trào Cần Vương (1885 - 1896) ở Việt Nam là

- A. giúp vua cứu nước, đánh đuổi giặc Pháp, khôi phục quốc gia phong kiến độc lập.
- B. đánh đuổi giặc Pháp, giành độc lập, xây dựng chế độ xã hội mới tiên bộ.
- C. đánh đuổi giặc Pháp, giành độc lập dân tộc và ruộng đất cho dân cày.
- D. đánh đuổi giặc Pháp, bảo vệ cuộc sống bình yên cho các tầng lớp nhân dân

Câu 16: Điểm khác biệt căn bản về tinh thần chống thực dân Pháp xâm lược của nhân dân Việt Nam so với vua quan triều đình nhà Nguyễn (1858 - 1913)?

- A. Sau khi quân triều đình tan rã, nhân dân tổ chức các phong trào kháng chiến.
- B. Kiên quyết đánh Pháp đến cùng, không chịu sự chi phối của triều đình.
- C. Thay đổi theo từng giai đoạn xâm lược của thực dân Pháp.
- D. Tạo bước ngoặt của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp.

Câu 17: Phong trào Cần vương ở Việt Nam cuối thế kỉ XIX nổ ra trong hoàn cảnh lịch sử nào?

- A. Pháp hoàn thành cơ bản cuộc xâm lược vũ trang Việt Nam.

- B. Pháp hoàn thành công cuộc bình định quân sự Việt Nam.
 C. Pháp đang thực hiện chương trình khai thác thuộc địa lần thứ nhất.
 D. Pháp hoàn thành việc thiết lập chế độ bảo hộ ở Bắc Kỳ và Trung Kỳ.
- Câu 18: Nội dung nào dưới đây *không* phải là nguyên nhân làm cho cuộc khởi nghĩa Yên Thế kéo dài 30 năm?
 A. Khởi nghĩa đã kết hợp được yêu cầu độc lập với lợi ích của nhân dân.
 B. Căn cứ Yên Thế có vị trí địa lý thuận lợi.
 C. Lực lượng quân Pháp mỏng do phải tập trung đàn áp phong trào Cần Vương.
 D. Nghĩa quân Yên Thế có cách đánh linh hoạt, dũng cảm mưu trí.
- Câu 19: Điểm *giống nhau* của phong trào yêu nước chống thực dân Pháp cuối thế kỉ XIX là
 A. xác định đúng đối tượng đấu tranh là thực dân Pháp.
 B. làm chậm quá trình xâm lược Việt Nam của Pháp.
 C. khởi nghĩa vũ trang theo phạm trù phong kiến.
 D. được đông đảo các giai cấp tầng lớp trong xã hội tham gia.
- Câu 20: Nhận xét nào sau đây phản ánh đúng về *tính chất* của phong trào Cần Vương?
 A. Là phong trào đấu tranh tự giác của nông dân.
 B. Là phong trào đấu tranh theo khuynh hướng tư sản.
 C. Là phong trào yêu nước mang tính dân tộc sâu sắc.
 D. Là phong trào yêu nước mang tính dân chủ nhân dân.
- Câu 21: Phe chủ chiến tấn công quân Pháp ở kinh thành Huế nhằm mục đích chủ yếu nào?
 A. Tiêu diệt quân Pháp ở Huế.
 B. Thức tỉnh phái chủ hòa.
 C. thức tỉnh quần chúng nhân dân.
 D. Chiếm thế chủ động.
- Câu 22: Phong trào Yên Thế từ năm 1884 - 1913 là do
 A. muốn giúp vua cứu nước.
 B. bị vua quan phong kiến áp bức nặng nề.
 C. muốn lật đổ vương triều nhà Nguyễn.
 D. chống Pháp để bảo vệ cuộc sống tự do.
- Câu 23: Cuộc khởi nghĩa vũ trang tiêu biểu của nông dân và nhân dân các dân tộc miền núi Việt Nam từ cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX là
 A. Khởi nghĩa Yên Thế.
 B. Khởi nghĩa Ba Đình.
 C. Khởi nghĩa Bãi Sậy.
 D. Khởi nghĩa Hương Khê.
- Câu 24: Vì sao khi vua Hàm Nghi bị bắt, phong trào Cần Vương vẫn tiếp tục phát triển?
 A. Do còn có sự lãnh đạo của Tôn Thất Thuyết.
 B. Vua Hàm Nghi vẫn liên lạc được với phong trào.
 C. Trong lòng nhân dân ta luôn có ngọn lửa yêu nước.
 D. Nhân dân vẫn muốn giúp vua, để khôi phục lại vương triều phong kiến.
- Câu 25: Phong trào Cần Vương diễn ra vào cuối thế kỉ XIX bị chi phối bởi hệ tư tưởng nào?
 A. Dân chủ tư sản.
 B. Phong kiến.
 C. Vô sản.
 D. Tư sản chủ nghĩa.

BÀI 22

XÃ HỘI VIỆT NAM TRONG CUỘC KHAI THÁC LẦN THỨ NHẤT CỦA THỰC DÂN PHÁP (1897 - 1914)

I/ Phần lý thuyết

1. Chuyển biến về kinh tế

- Nông nghiệp: Pháp chiếm ruộng đất lập đồn điền -> phần lớn nông dân không còn tư liệu sản xuất.
 - Công nghiệp:
 - + Pháp đẩy mạnh khai thác tài nguyên thiên nhiên, nhất là khai thác mỏ.
 - + Một số ngành công nghiệp dịch vụ, công nghiệp chế biến và sản xuất vật liệu ra đời.
 - Thương nghiệp: Pháp độc chiếm thị trường, nguyên liệu và thu thuế.
 - Giao thông vận tải: Pháp xây dựng hệ thống giao thông vừa phục vụ cho công cuộc khai thác lâu dài vừa phục vụ mục đích quân sự.
- => *Tác động*: Kinh tế Việt Nam có bước phát triển so với trước song vẫn là một nền kinh tế lạc hậu và lệ thuộc vào kinh tế của Pháp

2. Chuyển biến về xã hội

- Giai cấp địa chủ phong kiến
- + Địa chủ phong kiến giàu có: được Pháp nâng đỡ, chiếm đoạt ruộng đất của nông dân.
- + Địa chủ vừa và nhỏ: bị Pháp chèn ép, ít nhiều có tinh thần yêu nước.
- Giai cấp nông dân: có số lượng đông nhất, bị áp bức, bóc lột nặng nề, căm thù bọn đế quốc và phong kiến
- Giai cấp công nhân:
- + Xuất hiện từ cuối thế kỉ XIX, ngày càng đông đảo.
- + Xuất thân từ nông dân, bị ba tầng áp bức bóc lột họ phải làm việc trong các đồn điền, hầm mỏ... bị bóc lột thậm tệ, đời sống khổ cực => Họ sớm có tinh thần yêu nước, tích cực tham gia chống chống đế quốc.
- Tầng lớp tư sản: xuất thân từ các nhà thầu khoán, chủ xí nghiệp, xưởng thủ công, chủ hàng buôn... bị chính quyền thực dân Pháp kìm hãm, chèn ép.
- Tầng lớp tiểu tư sản: các chủ xưởng nhỏ, nhà buôn buôn bán nhỏ, viên chức cấp thấp và những người làm nghề tự do.
- Nguyên nhân:
- + Sự chuyển biến về kinh tế dẫn đến sự chuyển biến về xã hội.
- + Sự xất hiện lực lượng xã hội mới làm cho mâu thuẫn dân tộc và giai cấp sâu sắc. Tạo điều kiện cho cuộc vận động giải phóng dân tộc theo xu hướng mới vào đầu thế kỉ XX.

II/ Phần trắc nghiệm

Câu 1: Pôn Đu-me giữ chức vụ gì vào năm 1897?

- A. Khâm sứ Huế.
C. Toàn quyền Đông Dương.
- B. Thống đốc Nam Kỳ.
D. Thống đốc Ngân hàng Đông Dương.

Câu 2: Chính quyền thực Pháp xây dựng bộ máy thống trị ở Đông Dương với mục đích gì?

- A. Biến Đông Dương thành thuộc địa của Pháp.
B. Xóa tên Việt Nam, Lào và Campuchia trên bản đồ thế giới.
C. Áp bức và bóc lột nhân dân ba nước Đông Dương.
D. Chia rẽ các dân tộc Đông Dương.

Câu 3: Cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất (1897 - 1914) của thực dân Pháp đã tác động như thế nào đến nền kinh tế Việt Nam?

- A. Tài nguyên Việt Nam bị cạn kiệt.
B. Nông nghiệp không phát triển.
C. Công nghiệp phát triển chậm mất cân đối.
D. Lạc hậu và lệ thuộc vào kinh tế Pháp.

Câu 4: Những tầng lớp đầu tiên của giai cấp tư sản Việt Nam là

- B. Những người làm trung gian, đại lý tiêu thụ, đại lý thu mua cho Pháp.

C. Sĩ phu yêu nước đứng ra lập hiệu buôn, cơ sở sản xuất.

D. Nông dân ra thành thị mở hiệu buôn.

Câu 5: Yếu tố nào là cơ sở cho sự ra đời của giai cấp công nhân Việt Nam?

A. Chế độ phong kiến Việt Nam ngày càng khủng hoảng.

B. Nông dân chuyển sang làm công nhân vì thu nhập cao.

C. Pháp mở một số lượng lớn các xí nghiệp ở Việt Nam.

D. Nền công nghiệp thuộc địa vừa mới hình thành.

Câu 6: Tầng lớp tiểu tư sản thành thị bao gồm thành phần nào?

A. tiểu thương, tiểu chủ.

B. dân nghèo thành thị.

C. viên chức làm việc trong các công sở.

D. sinh viên, học sinh, giáo viên, nhà báo.

Câu 7: Cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất của Pháp làm cho xã hội Việt Nam biến đổi như thế nào?

A. Những tư tưởng mới được du nhập vào Việt Nam.

B. Sĩ phu phong kiến lập hội sản xuất, hội buôn bán hàng hóa.

C. Các giai cấp tầng lớp mới xuất hiện; công nhân, tư sản, tiểu tư sản.

D. Số lượng công nhân tăng nhanh.

Câu 8: Những chuyển biến trong xã hội Việt Nam dưới tác động của cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất (1897 - 1914) của Pháp có ý nghĩa như thế nào?

A. Tạo điều kiện trong nước cho cuộc vận động giải phóng dân tộc theo xu hướng mới.

B. Những tư tưởng tiên bộ của chủ nghĩa tư bản du nhập vào Việt Nam.

C. Hình thành giai cấp tư sản và vô sản.

D. Chứng minh tính thực tế của chủ trương “Pháp - Việt đề huề” là bạn của nhau.

Câu 9: (Đề 2018) Trong cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất (1897 - 1914) tư bản Pháp ở Việt Nam tập trung vào lĩnh vực nào?

A. Công nghiệp hóa chất.

B. Chế tạo máy.

C. Luyện kim.

D. Khai mỏ.

Câu 10: (Đề 2018) Những chuyển biến về kinh tế, xã hội ở Việt Nam trong cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất (1897 - 1914) của thực dân Pháp đã

A. tạo điều kiện cho sự hình thành khuynh hướng cứu nước mới.

B. thúc đẩy phong trào công nhân bước đầu chuyển sang tự giác.

C. làm cho tầng lớp tư sản Việt Nam trở thành một giai cấp.

D. giúp các sĩ phu phong kiến chuyển hẳn sang lập trường tư sản.

Câu 11: (Đề 2018) Điểm khác biệt của giai cấp công nhân Việt Nam so với giai cấp công nhân ở các nước tư bản Âu - Mỹ là

A. ra đời sau giai cấp tiểu tư sản Việt Nam.

B. ra đời sau giai cấp tư sản Việt Nam.

C. ra đời trước giai cấp tư sản Việt Nam.

D. ra đời cùng giai cấp tư sản Việt Nam.

Câu 12: (Đề 2019) Mục đích thực dân Pháp khi tiến hành chương trình khai thác thuộc địa lần thứ nhất (1897 - 1914) nhằm

A. phát triển kinh tế Việt Nam.

B. khai hóa văn minh cho dân tộc Việt Nam.

C. vơ vét tài nguyên, bóc lột nhân công.

D. xây dựng căn cứ quân sự ở Việt Nam.

Câu 13: Sau năm 1884 tính chất của xã hội Việt Nam thay đổi như thế nào?

A. Từ xã hội phong kiến chuyển sang xã hội thuộc địa, phong kiến.

B. Từ xã hội phong kiến chuyển sang xã hội thuộc địa, nửa phong kiến.

C. Từ xã hội phong kiến chuyển sang xã hội tư bản chủ nghĩa.

D. Từ xã hội phong kiến chuyển sang xã hội thuộc địa, nửa phong kiến.

Câu 14: Vì sao trong cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất, chính quyền thực dân chú ý đến việc xây dựng hệ thống giao thông vận tải?

A. Phục vụ cho mục đích khai thác và mục đích quân sự.

B. Phát triển cơ sở hạ tầng cho Việt Nam.

C. Phục cho việc phát triển kinh tế nước ta.

D. Giúp nhân dân ta đi lại thuận lợi.

Câu 15: Trong cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất (1897 - 1914) đã tác động tích cực như thế nào đến nền kinh tế Việt Nam?

- A. Phát triển nền kinh tế tư bản chủ nghĩa.
- B. Du nhập phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa vào Việt Nam.
- C. Xóa bỏ quan hệ sản xuất phong kiến.
- D. Làm cho công nghiệp Việt Nam phát triển.

Câu 16: Thực dân Pháp tiến hành chương trình khai thác thuộc địa lần thứ nhất (1897 - 1914) trên nước ta khi?

- A. Thực dân Pháp vừa vào xâm lược Việt Nam.
- B. Triều Nguyễn kí Hiệp ước đầu hàng.
- C. Về cơ bản đã bình định được Việt Nam bằng quân sự.
- D. Thực dân Pháp chiếm được sáu tỉnh Nam kì.

Câu 17: Biến đổi bao trùm lên xã hội Việt Nam do tác động của chương trình khai thác thuộc địa lần thứ nhất (1897 - 1914) của thực dân Pháp là

- A. xã hội phong kiến chuyển thành xã hội thuộc địa nửa phong kiến.
- B. phong trào yêu nước được bổ sung thêm lực lượng yêu nước mới.
- C. khuynh hướng dân chủ tư sản xuất hiện, lãnh đạo các phong trào yêu nước.
- D. trong xã hội đã xuất hiện nhiều giai cấp tầng lớp mới.

Câu 18: Dưới tác động của chương trình khai thác thuộc địa lần thứ nhất của thực dân Pháp (1897 – 1914) cơ cấu kinh tế Việt Nam có đặc điểm gì?

- A. Phát triển cân đối.
- B. Mất cân đối.
- C. Thiếu vắng công nghiệp nhẹ.
- D. Thiếu vắng công nghiệp khai khoáng.

BÀI 23

PHONG TRÀO YÊU NƯỚC VÀ CÁCH MẠNG Ở VIỆT NAM TỪ ĐẦU THẾ KỶ XX ĐẾN CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ NHẤT (1914)

I/ Phân lý thuyết

1/ Phan Bội Châu và xu hướng bạo động

- Phan Bội Châu, lãnh đạo phong trào Đông Du.
- Mục tiêu: xây dựng một nước Việt Nam hùng mạnh, kinh tế phát triển, chính trị tiến bộ.
- Chủ trương: giành độc lập bằng phương pháp bạo động nhưng với cách thức tổ chức, huy động lực lượng khác trước.
- Hoạt động:
 - + 1904, Phan Bội Châu lập Hội Duy Tân, với mục tiêu chống Pháp, giành độc lập, xây dựng chính thể quân chủ Lập hiến. Lúc đầu Hội chủ trương cầu viện Nhật Bản sau đó chuyển sang “cầu học”, tổ chức phong trào Đông Du.
 - + 8/1908, theo thỏa thuận với thực dân Pháp, chính phủ Nhật trục xuất những người Việt Nam yêu nước. Phong trào Đông Du tan rã.

2. Phan Châu Trinh và xu hướng cải cách

- Chủ trương: thiết lập dân chủ, dân quyền bằng con đường cải cách để tiến tới độc lập.
- Năm 1906, Phan Châu Trinh, Huỳnh Thúc Kháng đã mở cuộc vận động Duy tân ở Trung Kỳ.
- Hoạt động:
 - + Hình thức: Mở trường, diễn thuyết các vấn đề xã hội, cổ vũ theo cái mới: cắt tóc ngắn, mặc áo ngắn, cổ động mở mang công thương nghiệp...
 - + Cuộc vận động chuyển thành phong trào chống thuế năm 1908 ở Trung Kỳ. Phong trào bị thực dân Pháp đàn áp, Phan Châu Trinh bị bắt.

II/ Phân trắc nghiệm

Câu 1: Việt Nam Quang phục hội được thành lập ở đâu?

- | | |
|-----------------------------|----------------------------|
| A. Quảng Nam (Việt Nam). | C. Quảng Đông (Trung Quốc) |
| B. Quảng Châu (Trung Quốc). | D. Quảng Ninh (Việt Nam). |

Câu 2: Ai là người sáng lập ra tổ chức Đông Kinh nghĩa thực?

- | | |
|----------------------------------|-----------------------------------|
| A. Huỳnh Thúc Kháng, Ngô Đức Kế. | B. Phan Châu Trinh, Nguyễn Quyền. |
| C. Phan Bội Châu, Lương Văn Can. | D. Lương Văn Can, Nguyễn Quyền. |

Câu 3: Phong trào chống thuế ở Trung kỳ năm *không* chứng tỏ

- A. tinh thần và khả năng cách mạng to lớn của nông dân Việt Nam.
- B. vai trò của các sĩ phu yêu nước tiến bộ đối với cuộc vận động giải phóng dân tộc.
- C. hai xu hướng bạo động và cải cách đã chuyển hóa lẫn nhau khi đi vào quần chúng.
- D. hậu quả xã hội từ chính sách thuế khóa, bắt phu của thực dân Pháp ở Việt Nam.

Câu 4: Nguyên nhân nào dẫn đến sự bùng nổ của phong trào Cần Vương (1885 - 1896)?

- | | |
|-----------------------------------|---|
| A. giúp vua cứu nước. | C. bị vua quan phong kiến áp bức nặng nề. |
| B. lật đổ vương triều nhà Nguyễn. | D. chống Pháp để bảo vệ cuộc sống tự do. |

Câu 5: Hội Duy tân ra đời tháng 5 năm 1904 có chủ trương gì?

- A. Tập trung chống phong kiến, giải quyết vấn đề ruộng đất cho dân cày.
- B. Tập trung chống đế quốc, thực hiện ruộng đất cho dân cày.
- C. Đánh Pháp giành độc lập dân tộc, thiết lập chính thể quân chủ lập hiến ở Việt Nam.
- D. Là chống đế quốc và tay sai, làm cho Đông Dương hoàn toàn độc lập.

Câu 6: Phong trào yêu nước và cách mạng ở Việt Nam từ đầu thế kỷ XX đến chiến tranh thế giới thứ nhất theo khuynh hướng nào?

- | | |
|-----------------------------------|--|
| A. Khuynh hướng tư sản và vô sản. | B. Khuynh hướng dân chủ tư sản. |
| C. Khuynh hướng dân chủ vô sản. | D. Khuynh hướng dân chủ tư sản kiểu mới. |

Câu 7: Vì sao Pháp quyết định tấn công nghĩa quân Yên Thế vào tháng 1/1909?

- A. Đề Thám tham gia tích cực vào vụ đầu độc lính Pháp ở Hà Nội.
- B. Đề Thám đã bắt cóc công sứ Pháp tại Hà Nội.

C. Đề Thám ngăn cản thực dân Pháp xây dựng tuyến đường sắt Hà Nội - Yên Thế.

D. Đề Thám không thực hiện các hòa ước đã kí trước đó với Pháp.

Câu 8: (Đề 2018) Chủ trương cứu nước của Phan Châu Trinh (đầu thế kỷ XX) *không* có nội dung nào dưới đây?

A. Đề cao cải cách, duy tân nhằm nâng cao dân trí và dân quyền.

B. Đánh đuổi giặc Pháp, thành lập Cộng hòa Dân quốc Việt Nam.

C. Chấn hưng thực nghiệp, lập hội kinh doanh, phát triển kinh tế.

D. Dựa vào Pháp đánh đổ ngôi vua và chế độ phong kiến lạc hậu.

Câu 9: (Đề 2018) Phong trào yêu nước và cách mạng ở Việt Nam từ đầu thế kỷ XX đến năm 1914 có điểm gì mới so với phong trào yêu nước trước đó?

A. Do giai cấp tư sản mới ra đời lãnh đạo.

B. Đoàn kết nhân dân trong một mặt trận.

C. Sử dụng hình thức đấu tranh vũ trang.

D. Gắn cứu nước với canh tân đất nước.

Câu 10: (Đề 2018) Một trong những nguyên nhân thất bại của phong trào yêu nước theo khuynh hướng dân chủ tư sản ở Việt Nam những năm đầu thế kỷ XX là

A. phong trào còn mang nặng tính tự phát.

B. chưa sử dụng nhiều phương pháp đấu tranh.

C. thiếu sự lãnh đạo của một giai cấp tiên tiến.

D. không gắn cứu nước với canh tân đất nước.

Câu 11: Chủ trương thành lập nước Cộng hòa Dân quốc Việt Nam của Phan Bội Châu chịu ảnh hưởng trực tiếp từ

A. Duy tân Minh Trị (Nhật Bản).

B. cải cách của vua Ra-ma V (Xiêm).

C. Cách mạng Nga 1905 - 1907.

D. Cách mạng Tân Hợi (Trung Quốc).

Câu 12: (Đề 2019) Xu hướng bạo động và xu hướng cải cách trong phong trào yêu nước và cách mạng ở Việt Nam những năm đầu thế kỷ XX đều

A. không bị động trông chờ vào sự giúp đỡ từ bên ngoài.

B. xuất phát từ truyền thống yêu nước của dân tộc.

C. có sự kết hợp nhiệm vụ chống đế quốc và phong kiến.

D. do giai cấp tư sản khởi xướng và lãnh đạo.

Câu 13: (Đề 2018) Nông dân Việt Nam tham gia đấu tranh chống thực dân Pháp xâm lược và thống trị (từ năm 1858) trước hết vì

A. địa vị chính trị.

B. độc lập dân tộc.

C. tinh thần cách mạng.

D. quyền lợi giai cấp.

Câu 14: (Đề 2018) Hội Duy tân do Phan Bội Châu thành lập (1904) chủ trương

A. khôi phục chế độ quân chủ chuyên chế.

B. thiết lập chính thể Cộng hòa dân chủ.

C. thành lập nước Cộng hòa Dân quốc Việt Nam.

D. thiết lập chính thể quân chủ lập hiến.

Câu 15: Sự xuất hiện hai xu hướng bạo động và cải cách ở Việt Nam đầu thế kỷ XX chứng tỏ các sĩ phu tiến bộ

A. xuất phát từ những truyền thống cứu nước khác nhau.

B. chịu tác động của những bối cảnh thời đại khác nhau.

C. có những nhận thức khác nhau về kẻ thù của dân tộc.

D. chịu ảnh hưởng của những hệ tư tưởng mới khác nhau.

Câu 16: Cuộc vận động Duy Tân đã có chủ trương gì để giáo dục các sĩ phu yêu nước tiến bộ?

A. Mở trường học dạy chữ quốc ngữ, dạy các môn học mới.

B. Dạy tiếng Pháp và văn hóa Pháp.

C. Mở trường học, dạy tiếng Nhật.

D. Dạy tiếng Hán, tuyên truyền chủ nghĩa Tam dân của Tôn Trung Sơn.

Câu 17: (Đề 2018) Chủ trương cứu nước của Phan Châu Trinh (đầu thế kỷ XX) *không* có nội dung nào dưới đây?

A. Đề cao cải cách, duy tân nhằm nâng cao dân trí và dân quyền.

B. Đánh đuổi giặc Pháp, thành lập Cộng hòa Dân quốc Việt Nam.

C. Chấn hưng thực nghiệp, lập hội kinh doanh, phát triển kinh tế.

D. Dựa vào Pháp đánh đổ ngôi vua và chế độ phong kiến lạc hậu.

Câu 18: (Đề 2019) Điểm *hạn chế* chính trong chủ trương cứu nước của Phan Bội Châu và Phan Châu Trinh là

- A. Chưa xây dựng được cơ sở trong quần chúng.
- B. lập trường tư tưởng chính trị chưa rõ ràng.
- C. đấu tranh theo khuynh hướng phong kiến.
- D. chưa nhận thức rõ bạn và thù.

Câu 19: Trong phong trào yêu nước ở Việt Nam vào đầu thế kỉ XX, phương pháp đấu tranh của Phan Bội Châu và các sĩ phu yêu nước cùng chí hướng là

- A. kết hợp đấu tranh chính trị với vũ trang để giành độc lập dân tộc.
- B. tiến hành cải cách, duy tân đất nước để tiến tới độc lập dân tộc.
- C. tổ chức bạo động vũ trang chống Pháp để giành độc lập dân tộc.
- D. thương lượng với thực dân Pháp để công nhận độc lập dân tộc.

Câu 20: Vì sao khuynh hướng cứu nước theo con đường “dân chủ tư sản” trở thành khuynh hướng chủ đạo trong phong trào yêu nước ở Việt Nam đầu thế kỉ XX?

- A. Khuynh hướng dân chủ tư sản có sức sống mãnh liệt đối với Việt Nam.
- B. Sự chuyển biến và hoạt động tích cực của các sĩ phu yêu nước thức thời.
- C. Xã hội Việt Nam đã xuất hiện những lực lượng mới, tiến bộ.
- D. Khuynh hướng cứu nước theo ngọn cờ phong kiến đã bị thất bại.

Câu 21: Cuộc vận động cứu nước của những sĩ phu tiến bộ đầu thế kỉ XX chưa có khả năng làm bùng nổ một cuộc cách mạng tư sản thực sự ở Việt Nam chủ yếu là do

- A. thiếu cơ sở kinh tế - xã hội vững mạnh.
- B. hạn chế về năng lực của những người lãnh đạo.
- C. thiếu sự lãnh đạo của một tổ chức thống nhất.
- D. thiếu một đường lối chính trị đúng đắn.

Câu 22: Nội dung nào *không* phải là điểm giống nhau trong chủ trương cứu nước của Phan Bội Châu và Phan Châu Trinh?

- A. Gắn độc lập dân tộc với việc xây dựng một xã hội tiến bộ hơn.
- B. Điều vận động giải phóng dân tộc theo khuynh hướng dân chủ tư sản.
- C. Xác định nhiệm vụ và mục tiêu trước mắt là chống Pháp cứu nước, cứu dân.
- D. Thấy được sự cần thiết kết hợp chuẩn bị bên trong với sự giúp đỡ bên ngoài.

Câu 23: Vì sao phong trào Đông Du tan rã?

- A. Nhật cấu kết với Pháp trục xuất lưu học sinh Việt Nam.
- B. Nhật không còn hợp tác với Phan Bội Châu.
- C. Phan Bội Châu bị Pháp bắt tại Thượng Hải.
- D. Số lượng học sinh Việt Nam tại Nhật Bản ngày một giảm.

Câu 24: Mục đích hoạt động của Hội Duy Tân là

- A. đánh đuổi giặc Pháp, giải phóng đồng bào.
- B. dân tộc độc lập, dân quyền tự do và dân sinh hạnh phúc.
- C. độc lập dân tộc, trước làm cách mạng quốc gia sau làm cách mạng thế giới.
- D. đánh đuổi giặc Pháp giành độc lập, thiết lập chính thể quân chủ lập hiến ở Việt Nam.

Câu 25: Tổ chức chính trị *đầu tiên* của Phan Bội Châu trong quá trình hoạt động cách mạng là

- A. Việt Nam quang phục hội.
- B. Hội Duy Tân.
- C. Hội phục Việt.
- D. Tâm Tâm xã.

BÀI 24

**VIỆT NAM TRONG NHỮNG NĂM CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ NHẤT
(1914 - 1918)**

1. Tình hình kinh tế - xã hội

a. Những biến động về kinh tế

- Chiến tranh thế giới thứ nhất bùng nổ, thực dân Pháp tăng cường khai thác thuộc địa ở Đông Dương nhằm phục vụ cho cuộc chiến tranh.
- + Tăng thuế, bắt nhân dân mua công trái, vơ vét lúa gạo, kim loại về nước Pháp.
- + Trong NN: Pháp cướp ruộng đất lập đồn điền, bắt nông dân chuyển từ trồng lúa sang trồng cây công nghiệp phục vụ chiến tranh.
- + Trong công - thương nghiệp: thực dân Pháp tăng cường đầu tư khai mỏ, nhất là mỏ than.

b. Tình hình phân hóa xã hội

- Nông dân ngày càng bị bần cùng hóa.
- Công nhân số lượng đông đảo thêm (do công nghiệp thời chiến phát triển hơn trước).
- Tư sản, tiểu tư sản tăng thêm về số lượng và thế lực kinh tế, tạo điều kiện hình thành các giai cấp mới sau chiến tranh. Họ bắt đầu đấu tranh để giành quyền lợi cho mình.

2. Sự xuất hiện khuynh hướng cứu nước mới

a. Phong trào công nhân

- Phong trào công nhân tiếp tục nổ ra ở nhiều nơi như: nhà máy sàng Kê Bào (Quảng Ninh) mỏ than ở Hà Tu, mỏ Bô xít (Cao Bằng).
- Công nhân còn tham gia vào cuộc khởi nghĩa binh lính Thái Nguyên (8/1917).
- Hình thức DT: Đấu tranh kinh tế kết hợp với đấu tranh vũ trang.
- Thể hiện rõ tinh thần đoàn kết, ý thức kỉ luật của giai cấp công nhân nước ta.
- Tuy nhiên phong trào còn mang tính lẻ tẻ, tự phát.

b. Buổi đầu hoạt động cứu nước của Nguyễn Ái Quốc (1911 - 1918)

- Nguyễn Tất Thành hồi nhỏ tên là Nguyễn Sinh Cung, sinh ngày 19/5/1890, trong một gđ trí thức yêu nước ở Kim Liên, Nam Đàn, Nghệ An.
- 5/6/1911, Nguyễn Tất Thành rời cảng nhà Rồng ra đi tìm đường cứu nước.
- Từ năm 1911-1917, người bôn ba qua nhiều nước, làm nhiều nghề để kiếm sống. Người thấy rõ ở đâu bọn ĐQ cũng tàn bạo, độc ác, ở đâu người LĐ cũng bị áp bức bóc lột dã man.
- Năm 1917, Nguyễn Tất Thành trở lại Pháp, tích cực hđ tổ cáo td Pháp và tuyên truyền cho cách mạng Việt Nam, tham gia ptcn Pháp, tiếp nhận ảnh hưởng của cách mạng tháng Mười Nga.

II/ Phản trắc nghiệm

Câu 1: Hoạt động chủ yếu của Việt Nam Quang Phục Hội trong giai đoạn (1914 - 1918) là

- A. giáo dục tuyên truyền.
- B. kêu gọi mọi người đấu tranh vũ trang kết hợp đấu tranh chính trị.
- C. cải cách văn hóa xã hội.
- D. vận động nhiều tầng lớp tham gia vào các cuộc bạo động.

Câu 2: Lãnh đạo của cuộc khởi nghĩa binh lính ở Thái Nguyên là

- A. Việt Nam Quang Phục Hội.
- B. Vua Duy Tân.
- C. Thái Phiên và Trần Cao Vân.
- D. Trịnh văn Cấn và Lương Ngọc Quyến.

Câu 3: Trong những năm (1914 - 1920), ở nước ta cuộc khởi nghĩa nào đồng bào dân tộc thiểu số có thời gian lâu nhất và có ảnh hưởng lớn nhất?

- A. Khởi nghĩa của đồng bào Mông vùng Lai Châu.
- B. Khởi nghĩa của người Thái ở vùng Tây Bắc.
- C. Khởi nghĩa của các dân tộc Hán, Nùng, Dao ở vùng Đông Bắc.
- D. Khởi nghĩa của đồng bào Mnông ở vùng Tây Nguyên.

Câu 4: Trong những năm chiến tranh thế giới thứ nhất, phong trào Hội kín ở Nam Kỳ hoạt động dưới hình thức nào?

- A. Tuyên truyền vận động quần chúng dưới hình thức tôn giáo.
- B. Cải cách văn hóa xã hội.

C. Kêu gọi mọi người đấu tranh vũ trang kết hợp đấu tranh chính trị.

D. Vận động nhiều tầng lớp tham gia vào các cuộc bạo động.

Câu 5: Cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất (1897 - 1914) của thực dân Pháp đã tác động đến nền kinh tế Việt Nam như thế nào?

A. Tài nguyên Việt Nam bị cạn kiệt.

B. Nông nghiệp không phát triển.

C. Công nghiệp phát triển chậm mất cân đối.

D. Kinh tế Việt Nam lạc hậu lệ thuộc vào kinh tế Pháp.

Câu 6: Phong trào Hội kín ở Nam kỳ thực chất là phong trào đấu tranh của

A. Nông dân.

B. Công nhân.

C. Công nhân và nông dân.

D. Tiểu tư sản.

Câu 7: Hình thức đấu tranh của công nhân trong thời gian chiến tranh thế giới thứ nhất là

A. Giáo dục tuyên truyền.

B. Đấu tranh đòi quyền lợi kinh tế.

C. Đấu tranh kinh tế kết hợp với bạo động vũ trang.

D. Bạo động vũ trang.

Câu 8: Chính sách khai thác thuộc địa lần thứ nhất (1897 - 1914) thực dân Pháp tập trung vào?

A. phát triển nông nghiệp, công thương nghiệp.

B. nông nghiệp, công nghiệp, quân sự.

C. Cướp ruộng đất, lập đồn điền, khai mỏ, giao thông vận tải.

D. ngoại thương, quân sự, giao thông,

Câu 9: Vì sao trong thời gian Chiến tranh thế giới thứ nhất, công thương nghiệp và giao thông vận tải ở Việt Nam có điều kiện phát triển?

A. Pháp đang tham gia chiến tranh.

B. Pháp nói lỏng chính sách độc quyền, cho tư bản người Việt kinh doanh tương đối tự do.

C. Nhu cầu chiến tranh và khai thác thuộc địa.

D. Các nhà tư sản Việt Nam đòi tự do kinh doanh.

Câu 10: Con đường ra đi tìm đường cứu nước của Nguyễn Ái Quốc (5/6/1911) có gì điểm gì khác so với các bậc tiền bối?

A. Đến Nhật Bản.

B. Đến Trung Quốc.

C. Đến các nước tư bản phương Tây.

D. Đến Nhật Bản và Trung Quốc.

Câu 11: Vì sao cuộc khởi nghĩa của binh lính người Việt Nam nổ ra đầu tiên ở Thái Nguyên?

A. Thái Nguyên chịu ách thống trị cực kỳ tàn bạo của thực dân Pháp.

B. Thái Nguyên là nơi đầy ắp những người yêu nước bị bắt trong các phong trào Đông Du, Đông Kinh nghĩa thực, Khởi nghĩa Yên Thế.

C. Thái Nguyên gần Trung Quốc nên chịu ảnh hưởng của cách mạng Trung Quốc.

D. Thái Nguyên có nhiều binh lính người Việt Nam trong quân đội Pháp.

Câu 12: Nhận xét nào đúng về sự chuyển biến của giai cấp công nhân Việt Nam sau chiến tranh thế giới thứ nhất (1914 - 1918)?

A. Tăng nhanh về số lượng, nhanh chóng trở thành lực lượng sản xuất lớn nhất.

B. Phát triển nhanh về số lượng, gắn bó mật thiết với giai cấp nông dân.

C. Tăng nhanh về số lượng bị tư sản, bị tư sản bóc lột nặng nề, đời sống cực khổ.

D. Tăng nhanh về số lượng, bị bóc lột nặng nề tiếp thu tư tưởng cách mạng vô sản.

Câu 13: Đầu thế kỉ XX, mục tiêu đấu tranh trước mắt của giai cấp công nhân Việt Nam là gì?

A. Đòi quyền lợi dân tộc.

B. Đòi quyền lợi kinh tế.

C. Đòi quyền tự do, dân chủ.

D. Đòi quyền lợi cho giai cấp mình.

Câu 14: Sau chiến tranh thế giới thứ nhất, lực lượng nào hăng hái và đông đảo nhất tham gia vào phong trào cách mạng Việt Nam?

A. Công nhân.

B. Tiểu tư sản.

C. Tư sản dân tộc.

D. Nông dân.

Câu 15: Sự phát triển của tầng lớp tư sản Việt Nam trong những năm 1914 - 1918 là do

A. thực dân Pháp nói rộng quyền kinh doanh cho tư sản bản xứ.

B. chiến tranh đã đưa lại nhiều đơn đặt hàng cho tư sản Việt Nam.

C. tư sản Việt Nam được ngân hàng Đông Dương hỗ trợ về vốn.

D. tư sản Việt Nam lợi dụng chiến tranh để mở rộng thị trường.

Câu 16: Tính tự phát trong phong trào công nhân Việt Nam trong những năm 1914 - 1918 được biểu hiện ở

- A. đấu tranh chống tư sản bằng cách tiến hành bãi công, biểu tình.
- B. phong trào đấu tranh của công nhân đã liên kết với nhau trên quy mô lớn.
- C. công nhân chủ yếu đấu tranh đòi quyền lợi về chính trị, đòi tự do dân chủ.
- D. chủ yếu đòi quyền lợi về kinh tế, chưa có tổ chức vai trò chính trị của mình.

Câu 17: Khi chiến tranh thế giới thứ nhất bùng nổ (1914 - 1918) thực dân Pháp coi Đông Dương là

- A. là thuộc địa quan trọng nhất của Pháp.
- B. nơi giải quyết hậu quả chiến tranh.
- C. nơi cung cấp tối đa nhân lực, vật lực và tài lực.
- D. nơi sản xuất hàng hóa phục vụ chiến tranh.

Câu 18: Nhận xét nào sau đây *không* đúng về phong trào công nhân Việt Nam trong những năm chiến tranh thế giới thứ nhất (1914 - 1918)?

- A. Thể hiện rõ ý thức kỉ luật của giai cấp công nhân.
- B. Phong trào công nhân chịu ảnh hưởng của tư tưởng vô sản.
- C. Phong trào thể hiện rõ tinh thần đoàn kết của giai cấp công nhân.
- D. Phong trào công nhân còn mang tính tự phát

Câu 19: Chính sách khai thác thuộc địa lần thứ nhất (1897 - 1914) của thực dân Pháp tập trung vào

- A. phát triển công nghiệp, nông nghiệp, tài chính.
- B. nông nghiệp, công nghiệp và quân sự.
- C. cướp ruộng đất lập đồn điền, thu thuế và giao thông.
- D. công nghiệp, thương nghiệp và quân sự.

ĐỀ THAM KHẢO SỐ 1

I. Phần trắc nghiệm (6 điểm) Học sinh trả lời bằng cách khoanh tròn vào đáp án đúng.

Câu 1. Lãnh tụ Tôn Trung Sơn theo khuynh hướng nào?

- A. Nền cộng hòa. B. Dân chủ tư sản. C. Trung lập. D. Quân chủ lập hiến.

Câu 2. Sự kiện nao đánh dấu Cam-pu-chia trở thành thuộc địa của thực dân Pháp?

- A. Các giáo sĩ Phương Tây xâm nhập vào Cam-pu-chia.
B. Pháp gạt bỏ ảnh hưởng của Xiêm.
C. Pháp gây áp lực buộc vua Nô-rô-đôm chấp nhận quyền bảo hộ.
D. Vua Nô-rô-đôm kí hiệp ước năm 1884.

Câu 3. Công lao cách mạng của ông như “*một chùm ánh sáng chọc thủng màn đêm và lật bỏ những gì che mắt chúng ta*”. Đó là lời đánh giá của Nê-ru (Ấn Độ) dành cho ai?

- A. Lê-nin. B. Ti-lắc. C. Hồ Chí Minh. D. M. Gan-đi.

Câu 4. Trong quá trình chiến tranh thế giới thứ nhất, thắng lợi của cách mạng Tháng Mười Nga (1917) và việc thành lập nhà nước Xô Viết đánh dấu

- A. bước chuyển lớn trong cục diện chính trị thế giới. B. thắng lợi toàn diện của CNXH.
C. thất bại hoàn toàn của phe Liên minh. D. chiến tranh thế giới thứ nhất kết thúc.

Câu 5. Công nhân ở Bom - bay tổng bãi công trong 6 ngày nhằm mục đích gì ?

- A. Phản đối thực dân Anh xử tử 6 người lính Xi-pay.
B. Phản đối thực dân Anh kết án 6 năm tù đối với Ti-lắc.
C. Đòi thực dân Anh giảm 6 % thuế hàng hóa.
D. Đòi lại độc lập cho 6 tỉnh của Đông Bắc Ấn Độ.

Câu 6. Vì sao cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX, trong cuộc đua giành giật thuộc địa, nước Đức là kẻ hung hăng nhất

- A. có tiềm lực kinh tế và quân sự.
B. có tiềm lực quân sự và ít thuộc địa nhất châu Âu.
C. có tiềm lực kinh tế và quân sự nhưng lại ít thuộc địa.
D. có tiềm lực kinh tế và nhiều thuộc địa.

Câu 7. Trong chính phủ mới của Minh Trị, tầng lớp nào giữ vai trò quan trọng?

- A. Quý tộc phong kiến. B. Địa chủ.
C. Quý tộc tư sản hóa. D. Tư sản.

Câu 8. Đến đầu thế kỷ XIX, phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc ở khu vực Mỹ Latinh có gì khác so với châu Phi?

- A. Trở thành thuộc địa kiểu mới của Mỹ. B. Nhiều nước giành được độc lập.
C. Chưa giành được thắng lợi. D. Phong trào giải phóng dân tộc phát triển mạnh.

Câu 9. Nét mới trong phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc Ấn Độ đầu thế kỉ XX là

- A. Công nhân Ấn Độ tham gia phong trào dân tộc.
B. Thể hiện tinh thần bất khuất của nhân dân Ấn Độ chống chủ nghĩa thực dân Anh.
C. Đảng Quốc đại giữ vai trò lãnh đạo phong trào đấu tranh của nhân dân Ấn Độ.
D. Phong trào mang đậm ý thức dân tộc vì một nước Ấn Độ độc lập và dân chủ.

Câu 10. Chiến tranh thế giới thứ nhất (1914-1918), mang tính chất của một cuộc chiến tranh

- A. phi nghĩa thuộc về phe Liên minh.
B. chiến tranh đế quốc xâm lược, phi nghĩa.
C. phi nghĩa thuộc về phe Hiệp ước.
D. chính nghĩa về các nước thuộc địa.

Câu 11. Nhận xét nào *đúng* về phong trào đấu tranh của nhân dân Trung Quốc giữa thế kỉ XIX đầu TK XX?

- A. Đông đảo lực lượng tham gia, dưới hình thức khởi nghĩa vũ trang.
B. Diễn ra sôi nổi, nhằm mục tiêu đánh đổ đế quốc, dưới nhiều hình thức.
C. Diễn ra sôi nổi, lôi kéo đông đảo lực lượng tham gia, dưới nhiều hình thức.

D. Đông đảo lực lượng tham gia, dưới nhiều hình thức nhằm giải phóng dân tộc.

Câu 12. Vì sao phong trào Duy tân (1898) ở Trung Quốc bị thất bại?

- A.** Do giai cấp vô sản chưa đủ lớn mạnh.
- B.** Do trang bị vũ khí thô sơ, lạc hậu.
- C.** Vấp phải sự chống đối của phái thủ cựu ở triều đình.
- D.** Do các nước đế quốc liên minh đàn áp mạnh mẽ.

Câu 13. Thái Lan thực hiện chiến lược nào để giữ nền độc lập dân tộc vào thế kỉ XIX?

- A.** Địa hình nhiều sông ngòi, đồi núi khó xâm nhập.
- B.** Được Mỹ bảo trợ về quân sự.
- C.** Thực hiện chính sách ngoại giao khôn khéo và mềm dẻo.
- D.** Sự chiến đấu anh dũng của nhân dân.

Câu 14. Khởi nghĩa Thái Bình Thiên Quốc là cuộc đấu tranh của giai cấp nào?

- A.** Thợ thủ công.
- B.** Tư sản.
- C.** Công nhân.
- D.** Nông dân.

Câu 15. Trong quá trình hoạt động phái « cấp tiến » trong Đảng quốc đại có thái độ như thế nào đối với thực dân Anh?

- A.** Phản đối sự thỏa hiệp của phái ôn hòa và kiên kết chống thực dân Anh.
- B.** Yêu cầu chính phủ Anh cải cách.
- C.** Yêu cầu Anh thực hiện một số cải cách về giáo dục, xã hội.
- D.** Yêu cầu Anh nới rộng các điều kiện để họ tham gia các hội đồng tự trị.

Câu 16. Nguyên nhân sâu xa nào dẫn đến chiến tranh thế giới thứ nhất (1914 -1918)?

- A.** Sự hiếu chiến của đế quốc Đức.
- B.** Thái tử Áo - Hung bị ám sát.
- C.** Chính sách trung lập của Mỹ.
- D.** Mâu thuẫn giữa các nước đế quốc về thuộc địa.

Câu 17. Tại sao nhân dân Ấn Độ xem ngày 16/10/1905 là ngày Quốc tang?

- A.** Ngày cuộc khởi nghĩa Xi-pay thất bại.
- B.** Ngày thực dân Anh xâm lược Ấn Độ.
- C.** Ngày mất của Ma-hát ma Gan – đi.
- D.** Ngày đạo luật chia cắt Ben- gan có hiệu lực.

Câu 18. Nhật Bản chuyển sang giai đoạn Đế quốc chủ nghĩa vào thời gian nào?

- A.** Đầu thế kỉ XX.
- B.** Cuối thế kỉ XIX.
- C.** Giữa thế kỉ XIX.
- D.** Đầu thế kỉ XIX.

Câu 19. Tác động của những chính sách do Mỹ đề ra đối với khu vực Mỹ Latinh vào cuối thế kỷ XIX- đầu thế kỷ XX đã

- A.** thúc đẩy phong trào giải phóng dân tộc phát triển.
- B.** làm xuất hiện nhiều giai cấp mới.
- C.** làm bùng nổ phong trào đấu tranh chống chế độ tay sai thân Mỹ.
- D.** thúc đẩy nền kinh tế Mỹ Latinh phát triển.

Câu 20. Đầu thế kỷ XX, Mỹ đã áp dụng chính sách gì để xâm chiếm các nước Mỹ Latinh?

- A.** “ Cái gậy lớn”.
- B.** “ Cái gậy lớn” và “Ngoại giao đồng đôla”.
- C.** “Chính sách Liên minh”.
- D.** “Ngoại giao đồng đôla”.

Câu 21. Với Hiệp ước nào Trung Quốc thực sự trở thành nước nửa thuộc địa nửa phong kiến?

- A.** Nhâm Ngọ.
- B.** Nam Kinh.
- C.** Tân Sửu.
- D.** Bắc Kinh.

Câu 22. Trong 20 năm đầu đấu tranh (1885-1905), Đảng Quốc đại chủ trương dùng phương pháp gì để đấu tranh đòi Chính phủ Anh thực hiện cải cách ở Ấn Độ?

- A.** Dùng phương pháp bạo lực.
- B.** Dùng phương pháp đấu tranh chính trị.
- C.** Dùng phương pháp thương lượng.
- D.** Dùng phương pháp ôn hòa.

Câu 23. Với điều ước Tân Sửu, Trung Quốc phải chấp nhận những điều khoản nặng nề nào?

- A.** Trả một khoản tiền lớn để bồi thường chiến phí.
- B.** Các nước đế quốc được quyền can dự vào công việc đối nội và đối ngoại của Trung Quốc.

C. Trả một khoản tiền chiến phí cho các nước đế quốc được quyền đóng quân ở Bắc Kinh.

D. Để cho các nước đế quốc được quyền đóng quân ở Bắc Kinh.

Câu 24. Trong chiến tranh thế giới thứ nhất, chiến thắng nào của phe Hiệp ước đã làm thất bại kế hoạch “đánh nhanh thắng nhanh” của Đức

A. quân Anh đổ bộ lên lục địa châu Âu và giành thắng lợi hoàn toàn.

B. Pháp phản công và giành thắng lợi trên sông Mác-nơ.

C. Pháp phản công và giành thắng lợi trên sông Mác-nơ.

D. quân Anh - Pháp phản công và giành thắng lợi trên sông Mác-nơ.

II. Phản tư luận (4 điểm)

Câu 1: Sự ra đời, nội dung và mục tiêu của Cương lĩnh Đồng minh hội (1905)? (1.5 điểm)

Câu 2: Trình bày nội dung công cuộc cải cách ở Xiêm vào cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX?

Cuộc cải cách ở Xiêm để lại cho Việt Nam học tập bài học kinh nghiệm gì trong công cuộc xây dựng đất nước hiện nay? (2.5 điểm)

ĐỀ THAM KHẢO SỐ 2

I. Phần trắc nghiệm (7.0 điểm)

Câu 1. Vai trò của nhà nước trong việc thực hiện chính sách mới của Tổng thống Ru dơ ven là

A. chỉ kiểm soát về mặt tài chính.

B. nhà nước nắm vai trò điều tiết toàn bộ nền kinh tế.

C. kiểm soát một số ngành công nghiệp then chốt.

D. thả nổi kinh tế cho thị trường tự do điều chỉnh.

Câu 2. Điểm *trùng đồng* của tình hình các nước Đông Nam Á vào đầu thế kỉ XX như thế nào?

A. Tất cả đều là thuộc địa của các nước đế quốc phương Tây.

B. Tất cả đều giành được độc lập dân tộc.

C. Hầu hết đều giành được độc lập dân tộc.

D. Hầu hết là thuộc địa của các nước đế quốc phương Tây.

Câu 3. Hình thức đấu tranh *chủ yếu* trong Cách mạng tháng Hai năm 1917 ở nước Nga là

A. bãi khóa, bãi thị rồi chuyển sang khởi nghĩa vũ trang.

B. tổng bãi công chính trị rồi chuyển sang khởi nghĩa vũ trang.

C. đấu tranh chính trị kết hợp với đấu tranh vũ trang.

D. biểu tình tuần hành thị uy rồi chuyển sang khởi nghĩa vũ trang.

Câu 4. Tình hình nước Nga trước khi tham gia cuộc Chiến tranh thế giới thứ nhất (1914 – 1918) như thế nào?

A. Địa vị kinh tế, chính trị của nước Nga được tăng cường.

B. Nền kinh tế suy sụp, nạn đói xảy ra ở nhiều nơi.

C. Vỡ vét nhiều nguồn tài nguyên của các nước bại trận.

D. Nhân dân tin tưởng, ủng hộ Nga hoàng.

Câu 5. Đạo luật quan trọng *nhất* nhằm phục hồi và phát triển nền kinh tế Mĩ?

A. Đạo luật về ngân hàng, công nghiệp, nông nghiệp.

B. Đạo luật điều chỉnh nông nghiệp.

C. Đạo luật phục hưng công nghiệp.

D. Đạo luật về ngân hàng.

Câu 6. Để thực hiện nền chuyên chính độc tài, ở trong nước Chính phủ Hít-le đã thực hiện chính sách gì?

A. Hạn chế các quyền tự do dân chủ tối thiểu của người dân.

B. Đàn áp các cuộc đấu tranh của nhân dân phản đối chế độ độc tài.

C. Công khai khủng bố các đảng phái dân chủ tiên bộ (trước tiên là Đảng Cộng sản).

D. Bài trừ những người Do Thái.

- Câu 7.** Vì sao hai chính quyền song song *không* thể tồn tại ở nước Nga sau Cách mạng tháng Hai năm 1917?
- A. Tạo tiền đề để thành lập chính quyền thống nhất trong cả nước
 - B. Hai chính quyền đại diện cho lợi ích của các giai cấp khác nhau.
 - C. Đất nước rộng lớn đòi hỏi có hai chính quyền.
 - D. Bị các nước đế quốc bên ngoài chi phối, can thiệp.
- Câu 8.** Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô viết (Liên Xô) được thành lập nhằm mục đích gì?
- A. Hợp tác kinh tế giữa các dân tộc trên đất nước Nga.
 - B. Tự nguyện, tự quyết của các dân tộc.
 - C. Nhằm tăng cường sức mạnh về mọi mặt.
 - D. Sự giúp đỡ từ bên ngoài.
- Câu 9.** Đảng Bôn sêvích Nga đã quyết định chuyển sang khởi nghĩa giành chính quyền khi nào?
- A. Quần chúng nhân dân sẵn sàng tham gia cách mạng dưới sự lãnh đạo của Đảng Bô-sê-vích Nga.
 - B. Đấu tranh hòa bình nhằm tập hợp lực lượng quần chúng đông đảo đủ sức lật đổ giai cấp tư sản.
 - C. Đảng Bôn sêvích Nga lớn mạnh sẵn sàng lãnh đạo quần chúng tiến hành cách mạng thắng lợi.
 - D. Khi Chính phủ lâm thời tư sản đã suy yếu, không đủ sức chống lại cuộc đấu tranh của nhân dân.
- Câu 10.** Vì sao cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX, nhiều sĩ phu yêu nước Việt Nam đi sang Nhật Bản để tìm con đường cứu nước giải phóng dân tộc Việt Nam?
- A. Cải cách Minh Trị thành công và đánh thắng Nga trong chiến tranh Nga-Nhật (1904-1905).
 - B. Nhật Bản là nước đồng văn, đồng chủng.
 - C. Nhật Bản có quan hệ lâu đời với Việt Nam.
 - D. Nhật Bản là nước đi tiên phong trong phong trào chống thực dân phương Tây.
- Câu 11.** Tác động của Chính sách đạo luật trung lập của Mĩ?
- A. Làm ngơ cho chủ nghĩa phát xít bành trướng.
 - B. Góp phần khuyến khích chủ nghĩa phát xít tự do hành động.
 - C. Tạo điều kiện cho chủ nghĩa phát xít bành trướng khắp thế giới.
 - D. Kiên quyết ngăn chặn chủ nghĩa phát xít.
- Câu 12.** Chính sách đối ngoại chủ yếu của Mĩ đối với các nước Mĩ Latinh là
- A. Chính sách làng giềng đoàn kết.
 - B. Chính sách làng giềng hữu nghị.
 - C. Chính sách làng giềng hợp tác.
 - D. Chính sách làng giềng thân thiện.
- Câu 13.** Chính quyền cách mạng do quần chúng nhân dân lập nên sau Cách mạng tháng Hai năm 1917 ở Nga là
- A. Nhà nước cộng hòa dân chủ nhân dân.
 - B. Nhà nước dân chủ nhân dân.
 - C. Chính phủ lâm thời.
 - D. Các Xô viết đại biểu công nhân, nông dân và binh lính.
- Câu 14.** Vì sao “đạo luật phục hưng công nghiệp” là đạo luật quan trọng nhất trong “chính sách mới” của nước Mĩ?
- A. Đạo luật quy định việc tổ chức sản xuất công nghiệp theo hợp đồng chặt chẽ về sản phẩm công nghiệp và điều chỉnh trong lĩnh vực nông nghiệp.
 - B. Đạo luật quy định việc tổ chức sản xuất công nghiệp theo hợp đồng chặt chẽ về sản phẩm công nghiệp và giải quyết nạn thất nghiệp.
 - C. Đạo luật quy định việc tổ chức sản xuất công nghiệp theo hợp đồng chặt chẽ về sản phẩm công nghiệp và các đạo luật về ngân hàng.
 - D. Đạo luật quy định việc tổ chức sản xuất công nghiệp theo hợp đồng chặt chẽ về sản phẩm và thị trường tiêu thụ.
- Câu 15.** Nhiệm vụ trọng tâm trong thời kì xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô (1921 – 1941) là
- A. hợp tác hóa nông nghiệp.
 - B. phát triển các ngành công nghiệp du lịch và dịch vụ.
 - C. công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa.
 - D. đẩy mạnh quan hệ thương mại với các nước xã hội chủ nghĩa.
- Câu 16.** Vì sao Mĩ thực hiện chính sách làng giềng thân thiện?

- A. Viện trợ nhân đạo đối với các nước Mĩ latin.
- B. Khôi phục mối quan hệ với các nước Mĩ latin.
- C. Can thiệp vũ trang đối với các nước Mĩ latin.
- D. Ràng buộc các nước ở khu vực Mĩ la-tinh vào Mĩ.

Câu 17. Luận cương tháng tư của Lê-nin đã xác định mục tiêu và đường lối của cách mạng Nga năm 1917 là

- A. chuyển từ cách mạng ruộng đất sang cách mạng xã hội chủ nghĩa.
- B. chuyển từ cách mạng dân chủ tư sản sang cách mạng xã hội chủ nghĩa.
- C. chuyển từ cách mạng tư sản dân quyền sang cách mạng xã hội chủ nghĩa.
- D. chuyển từ cách mạng tư sản sang cách mạng vô sản.

Câu 18. Một trong những *hạn chế* của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội của Liên Xô trong những năm (1921-1941) là

- A. chưa thực hiện tốt nguyên tắc bình đẳng trong phân phối sản phẩm.
- B. chưa thực hiện tốt nguyên tắc tự nguyện trong tập thể hóa nông nghiệp.
- C. chưa thực hiện tốt nguyên tắc tập trung trong công nghiệp hóa.
- D. chưa thực hiện tốt nguyên tắc dân chủ trong đời sống nhân dân.

Câu 19. Kết quả lớn nhất của cuộc Cách mạng tháng Hai năm 1917 ở Nga giành được là gì?

- A. Bắt giam các bộ trưởng tướng tá của Nga hoàng.
- B. Quân cách mạng đã chiếm được các công sở.
- C. Chế độ quân chủ chuyên chế Nga hoàng sụp đổ.
- D. Nhân dân tiếp tục đấu tranh, lập chính quyền cách mạng.

Câu 20. Từ quá trình đấu tranh chống chủ nghĩa phát xít ở Đức, nhân loại có thể rút ra bài học gì để bảo vệ hòa bình thế giới?

- A. Tập trung phát triển kinh tế, hợp tác cùng có lợi giữa các nước..
- B. Thực hiện chính sách đối ngoại hòa bình, hữu nghị giữa các quốc gia.
- C. Đoàn kết các nước trong một tổ chức quốc tế vì lợi ích chung.
- D. Kiên quyết đấu tranh chống lại các thế lực hiếu chiến, cực đoan.

Câu 21. Điểm *giống nhau* cơ bản giữa Duy tân Minh Trị (Nhật Bản) và cuộc cải cách của vua Rama V (Thái Lan) đều là

- A. các cuộc cách mạng tư sản không triệt để.
- B. các cuộc đấu tranh chống chiến tranh đế quốc phi nghĩa.
- C. cuộc cách mạng vô sản.
- D. các cuộc cách mạng tư sản triệt để.

Câu 22. Từ thành công của chính sách kinh tế mới ở Nga, Việt Nam rút ra bài học kinh nghiệm gì cho công cuộc đổi mới đất nước hiện nay?

- A. Xây dựng nền kinh tế nhiều thành phần có sự kiểm soát của nhà nước.
- B. Quan tâm đến lợi ích của các tập đoàn, tổng công ti lớn.
- C. Chỉ tập trung phát triển một số ngành kinh tế mũi nhọn.
- D. Chú trọng phát triển một số ngành công nghiệp nặng.

Câu 23. Đặc điểm quá trình phát xít hóa ở Nhật?

- A. Diễn ra thông qua việc quân phiệt hóa bộ máy nhà nước và tiến hành chiến tranh xâm lược, kéo dài trong suốt thập niên 30 của thế kỷ XX.
- B. Diễn ra trong một thời gian rất ngắn.
- C. Diễn ra thông qua sự chuyển đổi từ chế độ dân chủ tư sản đại nghị sang chế độ độc tài phát xít.
- D. Diễn ra thông qua các nhóm, tổ chức phát xít giành thắng lợi trong tuyển cử Quốc hội.

Câu 24. Vì sao Xiêm (Thái Lan) là nước nằm trong sự tranh chấp giữa Anh và Pháp nhưng Xiêm vẫn giữ được nền độc lập dân tộc?

- A. Sử dụng quân đội mạnh để đe dọa Anh và Pháp.
- B. Nhờ sự trợ giúp của đế quốc Mĩ.
- C. Sử dụng chính sách ngoại giao mềm dẻo.

D. Cắt một phần lãnh thổ cho Anh và Pháp.

Câu 25. Bản chất của Chính sách kinh tế mới (NEP) là gì?

A. Chuyển đổi, quy hoạch lại các nhà máy, xí nghiệp nhỏ để tập trung cho sản xuất lớn.

B. Nền kinh tế do nhà nước nắm độc quyền, sang nền kinh tế nhiều hành phần có sự kiểm soát của nhà nước

C. Coi trọng, bảo vệ quyền lợi, giúp đỡ các tập đoàn tư bản lớn phục hồi và phát triển sản xuất.

D. Nhà nước nắm độc quyền mọi mặt và quản lí các ngành kinh tế.

Câu 26. Chính phủ Hít-le đã tổ chức lại nền kinh tế trong nước theo hướng

A. tập trung, mệnh lệnh, phục vụ nhu cầu quân sự.

B. đầu tư vào các ngành dịch vụ.

C. ưu tiên phát triển các ngành công nghiệp quân sự, quốc phòng.

D. tạo điều kiện cho các nhà tài phiệt tổ chức, phát triển sản xuất.

Câu 27. Giới cầm quyền Nhật Bản đã thực hiện biện pháp gì để giải quyết cuộc khủng hoảng đầu thập niên 30 của thế kỉ XX?

A. Quân phiệt hóa bộ máy nhà nước, gây chiến tranh xâm lược, bành trướng ra bên ngoài.

B. Tham khảo và vận dụng chính sách mới của Mĩ để đưa đất nước thoát ra khủng hoảng.

C. Khôi phục các ngành công nghiệp quan trọng và giải quyết nạn thất nghiệp cho người dân.

D. Thực hiện chính sách cải cách quy mô lớn trên toàn nước Nhật.

Câu 28. Cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa quân phiệt của nhân dân Nhật Bản có ý nghĩa như thế nào?

A. Giải phóng nhân dân lao động khỏi ách thống trị của chủ nghĩa quân phiệt.

B. Góp phần thúc đẩy nhanh công cuộc giải phóng đất nước.

C. Đẩy nhanh quá trình quân phiệt hóa bộ máy nhà nước.

D. Góp phần làm chậm quá trình quân phiệt hóa bộ máy nhà nước ở Nhật Bản.

II. Phần tự luận (3.0 điểm)

Câu 1: (1.0 điểm)

Nêu nguyên nhân của cuộc Chiến tranh thế thứ nhất (1914 – 1918)?

Câu 2: (2.0 điểm)

Tóm tắt nguyên nhân, diễn biến và ý nghĩa của cuộc Cách mạng tháng Mười Nga năm 1917?

Cách mạng tháng Mười Nga để lại bài học kinh nghiệm gì cho hoạt động cứu nước của Nguyễn Ái Quốc?

----- **HẾT** -----

ĐỀ THAM KHẢO SỐ 3

Câu 1. Hiệp ước Patonôt (1884) được ký kết giữa triều Nguyễn với thực dân Pháp là mốc đánh dấu

- A. thực dân Pháp thiết lập xong bộ máy cai trị ở Việt Nam.
- B. thực dân Pháp căn bản hoàn thành công cuộc xâm lược Việt Nam.
- C. thực dân Pháp căn bản hoàn thành công cuộc bình định Việt Nam bằng quân sự.
- D. các vua nhà Nguyễn hoàn toàn đầu hàng thực dân Pháp.

Câu 2. Nội dung nào *không* đúng khi Pháp chọn Đà Nẵng mở đầu xâm lược Việt Nam?

- A. Đà Nẵng là nơi có nhiều đồng bào theo đạo thiên chúa giáo làm tay sai cho Pháp.
- B. Đà Nẵng gần kinh thành Huế là trung tâm đầu não của chính quyền phong kiến nhà Nguyễn.
- C. Đà Nẵng có cảng biển sâu rất thuận lợi cho tàu chiến Pháp hoạt động.
- D. Đà Nẵng là nơi có nhiều giáo sĩ truyền giáo của Pháp bị triều Nguyễn sát hại.

Câu 3. Năm 1860, quân đội triều đình nhà Nguyễn *không* giành được thắng lợi quyết định trên chiến trường Gia Định là do?

- A. triều đình nhà Nguyễn có tư tưởng thương lượng với Pháp.
- B. Thiếu sự ủng hộ của nhân dân.
- C. Không chủ động tấn công giặc.
- D. Quân ít, trình độ tác chiến kém.

Câu 4. Nguyên nhân chủ yếu nào khiến nước ta rơi vào tay thực dân Pháp?

- A. Các cuộc khởi nghĩa của nhân dân tadiễn ra không đồng loạt
- B. Pháp là một đế quốc mạnh
- C. Nhà Nguyễn thiếu quyết tâm chống giặc và không có đường lối lãnh đạo đúng đắn
- D. Quân và dân ta không có trang bị vũ khí hiện đại

Câu 5. Thực dân Pháp đã loại trừ sự can thiệp của nhà Thanh bằng cách nào?

- A. Kí với triều đình Mãn Thanh hiệp ước Hoa - Pháp.
- B. Kí với triều đình Mãn Thanh bản Quy ước Thiên Tân.
- C. Đánh tan quân đội Mãn Thanh tại Lạng Sơn.
- D. Tấn công vào Bắc Kinh, buộc triều đình Mãn Thanh phải giao Việt Nam cho Pháp.

Câu 6. Sau khi để mất 6 tỉnh Nam Kỳ vào tay Pháp, tư tưởng chủ yếu chi phối các quan lại cao cấp trong triều đình Huế là

- A. chống pháp.
- B. phát động phong trào Cần vương.
- C. do dự.
- D. đầu hàng.

Câu 7. Điểm *giống* nhau về tình Việt Nam và Nhật Bản giữa thế kỉ XIX là

- A. chế độ phong kiến phát triển đến đỉnh cao, mầm mống chủ nghĩa tư bản xuất hiện.
- B. mầm mống kinh tế tư bản chủ nghĩa xâm nhập mạnh vào các ngành kinh tế.
- C. đứng trước nguy cơ bị các nước đế quốc xâm lược và thống trị.
- D. chế độ phong kiến lâm vào khủng hoảng sâu sắc và đứng trước nguy cơ bị xâm lược.

Câu 8. Vì sao cuộc kháng chiến chống Pháp của nhân dân ta sau hiệp ước Nhân Tuất năm 1862 lại khó khăn hơn so với thời kì trước?

- A. Do thực dân Pháp tiến hành bắt bớ, giết hại những người tham gia kháng chiến.
- B. Triều đình nhà Nguyễn đàn áp cuộc kháng chiến của nhân dân ta.
- C. Pháp chiếm Lào và Campuchia có điều kiện tập trung lực lượng đàn áp cuộc kháng chiến.
- D. Nhà Nguyễn đã thỏa hiệp với Pháp bỏ rơi cuộc kháng chiến của nhân dân ta.

Câu 9. Không chiếm được Đà Nẵng, tháng 2/1859 Pháp đưa quân vào Gia định nhằm?

- A. chiếm vùng đất Nam kỳ và cắt đứt con đường tiếp tế lương thực của triều đình.
- B. gây chiến tranh cuộc chiến tranh ở Trung Quốc.
- C. bệnh dịch ở Đà Nẵng đang hoành hành.
- D. chuẩn bị cho việc xâm lược Campuchia .

Câu 10. Nguyên nhân nào làm cho sức “đề kháng chống Pháp” của nhân dân ta bị suy giảm trước khi

Pháp đánh chiếm Bắc kì lần thứ nhất (1873)?

- A. Bọn thổ phi, hải phi nổi lên cướp phá ở nhiều nơi.
- B. Nhà Nguyễn đàn áp đẫm máu các cuộc khởi nghĩa nông dân.
- C. Kinh tế nước ta ngày càng kiệt quệ vì triều vơ vét tiền bạc để trả chiến phí cho Pháp.

D. Tiếp tục chính sách “bế quan tỏa cảng”.

Câu 11. Vì sao năm 1883 Pháp với quyết định tấn công vào Thuận An?

A. Pháp được tăng viện binh

B. Triều đình nhà Nguyễn có tư tưởng đầu hàng.

C. Tự Đức mất triều đình mâu thuẫn trong việc chọn người kế vị.

D. Nhân cái chết của Rivie.

Câu 12. Điểm nổi bật *giống nhau* về kết quả trong hai chiến thắng Cầu Giấy (Hà Nội) lần thứ nhất và lần thứ hai là

A. triều đình nhà Nguyễn phải nhân nhượng.

B. làm cho quân Pháp hoang mang.

C. làm nức lòng nhân dân ta.

D. cả hai tướng giặc đều bị thiệt mạng.

Câu 13. Khi Pháp đánh thành Hà Nội lần thứ nhất (1873), Ông đã đốc thúc quân sĩ dũng cảm đánh Pháp, khi bị địch bắt ông đã rút gươm tự sát theo em ông là ai?

A. Trương Định.

B. Hoàng Diệu.

C. Nguyễn Trung Trực.

D. Nguyễn Tri Phương.

Câu 14. Vào giữa thế kỷ XIX, tình hình nước ta có những đặc điểm nổi bật nào?

A. Chế độ phong kiến Việt Nam đang trong giai đoạn hình thành.

B. Chế độ phong kiến Việt Nam được củng cố vững chắc.

C. Mầm mống kinh tế tư bản chủ nghĩa đang hình thành trong lòng xã hội phong kiến.

D. Chế độ phong kiến Việt Nam lâm vào khủng hoảng suy yếu nghiêm trọng.

Câu 15. Sau khi chiếm thành Gia Định (1859) quân Pháp rơi vào tình thế như thế nào?

A. Bị thương vong gần hết.

B. Bị thiệt hại nặng nề do bệnh dịch và thương vong.

C. Bị bệnh dịch hoành hành.

D. Bị nghĩa quân bao vây, quấy rối liên tục.

Câu 16. Phái chủ chiến đứng đầu là Tôn Thất Thuyết tổ chức cuộc phản công quân Pháp ở Kinh thành Huế và phát động phong trào Cần Vương dựa trên cơ sở nào?

A. có sự ủng hộ của binh lính.

B. sự ủng hộ của nhân dân và quan lại phe chủ chiến.

C. được sự đồng tâm nhất trí trong hoàng tộc.

D. có sự ủng hộ của triều đình Mãn Thanh.

Câu 17. Cuộc chiến đầu của quân dân Việt Nam ở Gia Định (1859) buộc thực dân Pháp phải chuyển sang thực hiện kế hoạch nào?

A. Đánh nhanh thắng nhanh.

B. Tiến công ra Bắc Kỳ.

C. Chinh phục từng góí nhỏ.

D. Vừa đánh vừa đàm.

Câu 18. Cuộc kháng chiến của nhân dân Việt Nam chống thực dân Pháp xâm lược từ năm (1858 - 1884) có đặc điểm gì?

A. Lan rộng từ Bắc vào Nam theo sự mở rộng địa bàn xâm lược của thực dân Pháp.

B. Hình thành một mặt trận thống nhất do các văn thân, sĩ phu tiến bộ lãnh đạo.

C. Kết hợp chặt chẽ đấu tranh vũ trang với đấu tranh chính trị và ngoại giao.

D. Từ chống ngoại xâm đến kết hợp chống ngoại xâm và phong kiến đầu hàng.

Câu 19. Sau năm 1862, thái độ của triều đình nhà Nguyễn đối với các nghĩa binh chống Pháp ở Gia Định, Biên Hòa Định Tường là:

A. Yêu cầu quân triều đình cùng nghĩa binh chống Pháp.

B. Cử quan lại chỉ huy nghĩa binh chống Pháp.

C. Ra lệnh giải tán các nghĩa binh chống Pháp.

D. Khuyến khích và ủng hộ các nghĩa binh chống Pháp.

Câu 20. Trước khi thực dân Pháp xâm lược (1858), Việt Nam là một quốc gia

A. tự do trong Liên bang Đông Dương.

B. độc lập trong Liên bang Đông Dương.

C. dân chủ, có chủ quyền.

D. độc lập, có chủ quyền.

Câu 21. Tháng 3/1883 quân Pháp đã đánh chiếm khu vực nào sau đây?

A. Mỏ than Hòn Gai, Quảng Yên và Nam Định.

B. Các tỉnh miền núi Tây Bắc.

C. Các tỉnh đồng bằng Sông Hồng.

D. Nam kì lục tỉnh (tức 6 tỉnh Nam

kì)

Câu 22. Năm 1883 vị vua nào của triều đình nhà Nguyễn qua đời?

- A. Dục Đức. B. Thiệu Trị. C. Minh Mệnh. D. Tự Đức.**
- Câu 23.** Napolêông III lập ra Hội đồng Nam kì nhằm mục đích gì?
A. truyền đạo Thiên chúa vào Việt Nam. **B.** Bàn cách viện trợ kinh tế quân sự cho Nguyễn Ánh.
C. bàn cách can thiệp vào Việt Nam. **D.** Bàn cách không cho thực dân Anh xâm lược Việt Nam.
- Câu 24.** Tại sao từ tháng 9/1858 đến 2/1859, liên quân Pháp - Tây Ban Nha bị cầm chân trên bán đảo Sơn Trà (Đà Nẵng)?
A. Nhân dân cả nước kiên cường chống giặc đẩy lùi nhiều đợt tấn công của quân Pháp
B. Quân dân cả nước anh dũng chống trả quân xâm lược đẩy lùi nhiều đợt tấn công của chúng
C. Quân đội nhà Nguyễn anh dũng chiến đấu đẩy lùi nhiều đợt tấn công của quân Pháp - Tây Ban Nha.
D. Quân ít, thiếu viện binh và thời tiết không thuận lợi.
- Câu 25.** Thực dân Pháp đã phản ứng như thế nào sau chiến thắng Cầu Giấy lần thứ nhất của quân ta?
A. Đem quân tấn công thẳng vào Huế.
B. Tăng cường viện binh cho Bắc kì.
C. Vội vã rút quân khỏi Bắc kì.
D. Tìm cách thương lượng với triều Nguyễn.
- Câu 26.** Theo các điều khoản của Hiệp ước Hác măng (1883) nền chính trị Việt Nam như thế nào?
A. Giao cho triều đình quản lý. **B.** Là nước phong kiến.
C. Đặt dưới sự bảo hộ của Pháp. **D.** Trở thành thuộc địa của Pháp.
- Câu 27.** Khi Pháp đánh thành Hà Nội lần thứ 2 (1882), Ông đã dũng cảm chỉ huy quân sĩ chiến đấu để giữ thành, thành mất ông đã tự vẫn để bảo toàn khí tiết, theo em ông là ai?
A. Lưu Vĩnh Phúc. **B.** Trương Quang Đản. **C.** Hoàng Diệu. **D.** Truy bắt Trương Quyền.
- Câu 28.** Hiệp ước Hác măng và Pa tơ nôt có ý nghĩa như thế nào?
A. Đánh dấu sự đầu hàng hoàn toàn của triều đình phong kiến Việt Nam.
B. Từ nay triều Nguyễn trở thành tay sai của Pháp.
C. Xác lập nền bảo hộ của Pháp trên toàn bộ đất nước Việt Nam.
D. Chấm dứt cuộc chiến đấu chống Pháp của nhân dân ta.
- Câu 29.** Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược ở Việt Nam cuối thế kỷ XIX thất bại là do
A. triều đình nhà Nguyễn thiếu quyết tâm kháng chiến.
B. triều đình nhà Nguyễn không đứng lên kháng chiến.
C. thực dân Pháp được sự giúp đỡ của nhiều nước tư bản.
D. nhân dân không đoàn kết với triều đình nhà Nguyễn.
- Câu 30.** Pháp đã lấy cớ gì để phái Gác-ni-ê tiến quân ra Bắc?
A. Giải quyết việc triều đình nhà Nguyễn vi phạm Hiệp ước Patonôt.
B. Giải quyết việc Duy-puy gây rối.
C. Truy bắt Trương Quyền.
D. Giúp quân triều đình đánh quân Thanh.
- Câu 31.** Cuộc kháng chiến chống Pháp của nhân dân ta từ năm (1873 - 1884) có đặc điểm nổi bật nào?
A. Nhân dân tạm gác mâu thuẫn giai cấp phối hợp với triều đình đánh Pháp.
B. Kết hợp nhiệm vụ chống xâm lược và chống phong kiến đầu hàng.
C. Tạm gác nhiệm vụ chống đế quốc để giải quyết nhiệm vụ giai cấp.
D. Triều đình cùng với nhân dân tập trung vào nhiệm vụ chống Pháp.
- Câu 32.** Sự kiện lịch sử nào đánh dấu mốc thực dân Pháp xâm lược Việt Nam?
A. Chiều 31/8/1858, Liên quân Pháp - Tây Ban Nha dàn trận trước cửa biển Đà Nẵng.
B. Ngày 17/2/1859, Pháp chiếm thành Gia Định.
C. Sáng 1/9/1858, liên quân Pháp - Tây Ban Nha nổ súng rồi đổ bộ lên bán đảo Sơn Trà.

D. Hiệp ước Nhâm Tuất (năm 1862) được ký kết

Câu 33. “*Bao giờ người Tây nhổ hết cỏ nước Nam thì mới hết người Nam đánh Tây*” đó là câu nói của

- A.** Nguyễn Trung Trực. **B.** Phan Thanh Giản.
C. Nguyễn Tri Phương. **D.** Nguyễn Hữu Huân.

Câu 34. Pháp đã lấy cớ gì để phái Gác-ni-ê tiến quân ra Bắc Kỳ lần thứ nhất (1873)?

- A.** Giải quyết việc Duy-puy gây rối.
B. Truy bắt Trương Quyền.
C. Giải quyết việc triều đình nhà Nguyễn vi phạm Hiệp ước Patonôt.
D. Giúp quân triều đình đánh quân Thanh.

Câu 35. Nhà Nguyễn để mất thời cơ nào sau đây, có thể đánh bại quân Pháp tại Bắc kỳ lần thứ nhất?

- A.** Quân tao bao vây quân Pháp ở thành Hà Nội.
B. Tổng chỉ huy quân Pháp Ri-vi-e bị tử nạn.
C. Trận Cầu Giấy lần thứ nhất (1873).
D. Trận Cầu Giấy lần thứ hai (1883).

Câu 36. Triều Nguyễn có thái độ như thế nào trước việc Pháp tấn công cửa biển Thuận An (Huế)?

- A.** Tăng viện cho cửa biển Thuận An.
B. Dời kinh đô về Gia Định.
C. Xây dựng sơn phòng chuẩn bị kháng chiến lâu dài.
D. Xin đình chiến với Pháp.

Câu 37. Với Hiệp ước Nhâm Tuất (1862), triều đình nhà Nguyễn đã nhượng cho Pháp những tỉnh nào?

- A.** ba tỉnh: Biên hòa, Gia định, Vĩnh Long và đảo Côn lôn.
B. ba tỉnh: Biên hòa, Hà Tiên, Định tường và đảo Côn lôn.
C. ba tỉnh: Biên hòa, Gia định, Định tường và đảo Côn lôn.
D. ba tỉnh: An giang, Gia định, Định tường và đảo Côn lôn.

Câu 38. Thực dân Pháp sử dụng phương thức chủ yếu nào trong quá trình xâm lược Việt Nam cuối thế kỷ XIX?

- A.** Phối hợp với nhà Nguyễn đàn áp phong trào yêu nước.
B. Kết hợp tấn công quân sự với thủ đoạn ngoại giao.
C. Sử dụng thương nhân và nhà truyền giáo làm nòng cốt.
D. Kết hợp tấn công quân sự với thủ đoạn kinh tế.

Câu 39. Trước những hành động xâm lược Việt Nam của thực dân Pháp cuối thế kỷ XIX, triều đình nhà Nguyễn có động thái như thế nào?

- A.** Chấp nhận đầu hàng để tránh đổ máu cho nhân dân.
B. Từ phản ứng quyết liệt chuyển dần sang đầu hàng.
C. Nhu nhược, đầu hàng ngay khi quân Pháp tấn công.
D. Từ phát động toàn dân kháng chiến đi đến đầu hàng.

Câu 40. Nguyên nhân nào khiến Pháp tiến đánh Hà Nội và các tỉnh Bắc kỳ lần thứ hai?

- A.** Lực lượng quân đội của triều đình nhà Nguyễn ở Bắc kỳ mỏng.
B. Triều đình nhà Nguyễn đã suy yếu và bất lực.
C. Pháp muốn hoàn thành cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam.
D. Do nhu cầu cấp thiết về thị trường nguyên liệu, nhân công và lợi nhuận.

----- **HẾT** -----

ĐỀ THAM KHẢO SỐ 4

Câu 1. Triều đình nhà Nguyễn để mất thời cơ nào sau đây, có thể đánh bại quân Pháp khi chúng tiến đánh Bắc Kỳ lần thứ nhất (1873)?

- A. Quân ta bao vây quân Pháp ở thành Hà Nội.
- B. Tổng chỉ huy quân Pháp Ri-vi-e bị tử nạn.
- C. Chiến thắng Cầu Giấy làm cho tướng Gác-ni-ê bị tử nạn.
- D. Chiến thắng Cầu Giấy làm cho tướng Ri-vi-e bị tử nạn.

Câu 2. Điểm khác biệt căn bản về tinh thần chống thực dân Pháp xâm lược của nhân dân Việt Nam so với vua quan triều đình nhà Nguyễn (1858 - 1913)?

- A. Tạo bước ngoặt của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp.
- B. Thay đổi theo từng giai đoạn xâm lược của thực dân Pháp.
- C. Sau khi quân triều đình tan rã, nhân dân tổ chức các phong trào kháng chiến.
- D. Kiên quyết đánh Pháp đến cùng, không chịu sự chi phối của triều đình.

Câu 3. Tại sao thực dân Pháp chọn Đà Nẵng làm điểm *mở đầu* cho cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam?

- A. Gần kinh thành Huế, có cảng nước sâu tàu chiến dễ hoạt động và có lực lượng giáo dân.
- B. Gần kinh thành Huế, thực hiện kế hoạch đánh nhanh thắng nhanh tiêu diệt triều đình Huế.
- C. Nằm trên con đường bộ Bắc - Nam thuận lợi cho việc đi lại và có nhiều giáo sĩ Pháp sinh sống.
- D. Là nơi có nhiều giáo dân theo đạo Thiên Chúa và giáo sĩ truyền giáo phương Tây sinh sống.

Câu 4. Nhận xét nào sau đây phản ánh đúng về *tính chất* của phong trào Cần Vương (1885 - 1896)?

- A. Là phong trào yêu nước mang tính dân tộc sâu sắc.
- B. Là phong trào yêu nước mang tính dân chủ nhân dân.
- C. Là phong trào đấu tranh theo khuynh hướng tư sản.
- D. Là phong trào đấu tranh tự giác của nông dân.

Câu 5. Sau năm 1862, thái độ của triều đình nhà Nguyễn đối với các nghĩa binh chống Pháp ở Gia Định, Biên Hòa và Định Tường là

- A. yêu cầu quân triều đình cùng nghĩa binh chống Pháp.
- B. khuyến khích và ủng hộ các nghĩa binh chống Pháp.
- C. cử quan lại chỉ huy nghĩa binh chống Pháp.
- D. ra lệnh giải tán các nghĩa binh chống Pháp.

Câu 6. Nguyên nhân *chủ yếu* nào làm cho nước Việt Nam sớm trở thành thuộc địa của thực dân Pháp?

- A. Nhà Nguyễn thiếu quyết tâm chống giặc và không có đường lối lãnh đạo đúng đắn.
- B. Thực dân Pháp là một đế quốc tư bản hùng mạnh.
- C. Quân và dân ta không có trang bị vũ khí hiện đại.
- D. Các cuộc khởi nghĩa của nhân dân ta diễn ra không đồng loạt.

Câu 7. Vì sao cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược của nhân dân ta sau Hiệp ước Nhân Tuất (năm 1862) lại khó khăn hơn so với thời kì trước?

- A. Triều đình nhà Nguyễn đàn áp các cuộc kháng chiến của nhân dân ta.
- B. Nhà Nguyễn đã thỏa hiệp với Pháp bỏ rơi cuộc kháng chiến của nhân dân ta.
- C. Pháp chiếm Lào và Campuchia có điều kiện tập trung lực lượng đàn áp cuộc kháng chiến.
- D. Do thực dân Pháp tiến hành bắt giam những người tham gia kháng chiến.

Câu 8. Đầu năm 1860, quân đội triều đình nhà Nguyễn *không* giành được thắng lợi quyết định trên chiến trường Gia Định là do?

- A. Không chủ động tấn công giặc mà chỉ thủ hiểm.
- B. Thiếu sự ủng hộ của nhân dân.
- C. Quân ít, trình độ tác chiến kém.
- D. Triều đình nhà Nguyễn có tư tưởng thương lượng với Pháp.

Câu 9. Thực dân Pháp sử dụng phương thức *chủ yếu* nào trong quá trình xâm lược Việt Nam cuối thế kỷ XIX?

- A. Phối hợp với nhà Nguyễn đàn áp phong trào yêu nước.
- B. Kết hợp tấn công quân sự với thủ đoạn ngoại giao.
- C. Kết hợp tấn công quân sự với thủ đoạn kinh tế.
- D. Sử dụng thương nhân và nhà truyền giáo làm nòng cốt.

Câu 10. Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của nhân dân ta trong giai đoạn (1873 - 1884) có đặc điểm nổi bật nào?

- A. Triều đình cùng với nhân dân tập trung vào nhiệm vụ chống Pháp.
- B. Tam gác nhiệm vụ chống đế quốc để giải quyết nhiệm vụ giai cấp.
- C. Nhân dân tạm gác mâu thuẫn giai cấp phối hợp với triều đình đánh Pháp.
- D. Kết hợp nhiệm vụ chống xâm lược và chống phong kiến đầu hàng.

Câu 11. Tháng 2/1859 thực dân Pháp đưa quân tiến đánh Gia Định nhằm mục đích gì?

- A. Chuẩn bị cho việc xâm lược Campuchia.
- B. Làm bàn đạp để chuẩn bị xâm lược Trung Quốc.
- C. Chuẩn bị cho việc xâm lược Lào và Mianma.
- D. Cắt đứt con đường tiếp tế lương thực của triều đình.

Câu 12. Điểm *giống nhau* của phong trào yêu nước chống thực dân Pháp cuối thế kỉ XIX là

- A. làm chậm quá trình xâm lược Việt Nam của Pháp.
- B. xác định đúng đối tượng đấu tranh là thực dân Pháp.
- C. khởi nghĩa vũ trang theo phạm trù phong kiến.
- D. được đông đảo các giai cấp tầng lớp trong xã hội tham gia.

Câu 13. Cuộc kháng chiến chống Pháp xâm lược ở Việt Nam cuối thế kỷ XIX thất bại chủ yếu là do

- A. triều đình nhà Nguyễn thiếu quyết tâm kháng chiến.
- B. thực dân Pháp được sự giúp đỡ của nhiều nước tư bản.
- C. nhân dân không đoàn kết với triều đình nhà Nguyễn.
- D. triều đình nhà Nguyễn không đứng lên kháng chiến.

Câu 14. Thực dân Pháp kí với triều đình nhà Nguyễn, Hiệp ước Nhâm Tuất (5/6/1862) trong hoàn cảnh như thế nào?

- | | |
|--------------------------------------|--|
| A. Vua Tự Đức mất. | B. Kháng chiến của nhân dân miền Đông lên cao. |
| C. Đại đồn Chí Hòa rơi vào tay Pháp. | D. Pháp chiếm thành Gia Định. |

Câu 15. Triều đình nhà Nguyễn ra lệnh *giải tán* phong trào kháng chiến của nhân dân các tỉnh miền Đông Nam kì sau sự kiện nào?

- | | | | |
|----------------------|--------------------|----------------------|---------------------|
| A. Giáp Tuất (1874). | B. Patonót (1884). | C. Nhân Tuất (1862). | D. Hác măng (1883). |
|----------------------|--------------------|----------------------|---------------------|

Câu 16. Triều Nguyễn có thái độ như thế nào trước việc Pháp tấn công cửa biển Thuận An (Huế)?

- | | |
|-------------------------------------|---|
| A. Dời kinh đô về Gia Định. | B. Xin đình chiến với Pháp. |
| C. Tăng viện cho cửa biển Thuận An. | D. Xây dựng sơn phòng chuẩn bị kháng chiến lâu dài. |

- Câu 17.** Nguyên nhân nào làm cho sức “đề kháng chống Pháp” của nhân dân ta bị suy giảm trước khi Pháp đánh chiếm Bắc kì lần thứ nhất (1873)?
- A. Bọn thổ phi, hải phi nổi lên cướp phá ở nhiều nơi.
 - B. Nhà Nguyễn đàn áp đẫm máu các cuộc khởi nghĩa nông dân.
 - C. Kinh tế nước ta ngày càng kiệt quệ vì triều đình vơ vét tiền bạc để trả chiến phí cho Pháp.
 - D. Tiếp tục chính sách “bế quan tỏa cảng”.
- Câu 18.** Cuộc chiến đầu của quân dân ta ở Gia Định (1859) buộc thực dân Pháp phải chuyển sang thực hiện kế hoạch nào?
- A. Tiến công ra Bắc Kỳ.
 - B. Đánh nhanh thắng nhanh.
 - C. Chinh phục từng góì nhỏ.
 - D. Vừa đánh vừa đàm.
- Câu 19.** Vì sao năm 1883 thực dân Pháp với quyết định tấn công vào cửa biển Thuận An?
- A. Tự Đức mất triều đình mâu thuẫn trong việc chọn người kế vị.
 - B. Triều đình nhà Nguyễn có tư tưởng đầu hàng.
 - C. Quân Pháp được tăng thêm viện binh.
 - D. Nhân cái chết của Ri-vi-e.
- Câu 20.** Giữa thế kỉ XIX đứng trước nguy cơ xâm lược của các nước tư bản phương Tây, yêu cầu lịch sử đặt ra đối với Việt Nam lúc này là gì?
- A. Đóng cửa không giao thương với phương Tây.
 - B. Tăng cường liên kết với các nước trong khu vực.
 - C. Thực hiện chính sách cấm đạo triệt để.
 - D. Cải cách, canh tân đất nước để tự cường.
- Câu 21.** Trước những hành động xâm lược Việt Nam của thực dân Pháp cuối thế kỷ XIX, triều đình nhà Nguyễn có thái độ như thế nào?
- A. Chấp nhận đầu hàng để tránh đổ máu cho nhân dân.
 - B. Từ phản ứng quyết liệt chuyển dần sang đầu hàng.
 - C. Từ phát động toàn dân kháng chiến đi đến đầu hàng.
 - D. Nhu nhược, đầu hàng ngay khi quân Pháp tấn công.
- Câu 22.** Phái chủ chiến đứng đầu là Tôn Thất Thuyết tổ chức cuộc phản công quân Pháp ở Kinh thành Huế (5/7/1885) và phát động phong trào Cần Vương dựa trên cơ sở nào?
- A. có sự ủng hộ của triều đình Mãn Thanh.
 - B. sự ủng hộ của nhân dân và quan lại phe chủ chiến.
 - C. có sự ủng hộ của binh lính.
 - D. được sự đồng tâm nhất trí trong hoàng tộc.
- Câu 23.** Cuộc chiến tranh giữ nước vĩ đại của nhân dân Liên Xô chống phát xít Đức có tác dụng như thế nào?
- A. Góp phần làm thay đổi thái độ của Anh và Mĩ.
 - B. Hình thành khối đồng minh chống phát xít.
 - C. Cổ vũ nhân dân các nước bị phát xít chiếm đóng.
 - D. Làm thay đổi tính chất của cuộc chiến tranh thế giới.
- Câu 24.** Cuộc kháng chiến của nhân dân Việt Nam chống thực dân Pháp xâm lược từ năm (1858 - 1884) có đặc điểm gì?
- A. Từ chống ngoại xâm đến kết hợp chống ngoại xâm và phong kiến đầu hàng.
 - B. Lan rộng từ Bắc vào Nam theo sự mở rộng địa bàn xâm lược của thực dân Pháp.
 - C. Kết hợp chặt chẽ đấu tranh vũ trang với đấu tranh chính trị và ngoại giao.
 - D. Hình thành một mặt trận thống nhất do các văn thân, sĩ phu tiến bộ lãnh đạo.
- Câu 25.** Việc kí Hiệp ước Hác măng (1883) và Hiệp ước Patonôt (1884) gây ra hậu quả như thế nào?
- A. Xác lập nền bảo hộ của Pháp trên toàn bộ đất nước Việt Nam.
 - B. Đánh dấu sự đầu hàng hoàn toàn của triều đình phong kiến Việt Nam.
 - C. Từ nay triều Nguyễn trở thành tay sai của Pháp.
 - D. Chấm dứt cuộc chiến đấu chống Pháp của nhân dân ta.
- Câu 26.** Thực dân Pháp đã phản ứng như thế nào sau chiến thắng Cầu Giấy lần thứ nhất (tháng 12/1873) của quân ta?

A. Tìm cách thương lượng với triều Nguyễn.

B. Đem quân tấn công thẳng vào Huế.

C. Vội vã rút quân khỏi Bắc kì.

D. Tăng cường viện binh cho Bắc kì.

Câu 27. Sự kiện nào được xem là đỉnh cao của chính sách dung dưỡng, nhượng bộ và thỏa hiệp của các nước phương Tây với phe phát xít?

A. Chiến tranh kì quặc chỉ tuyên mà không chiến.

B. Mỹ thực hiện chính sách không can thiệp vào các sự kiện bên ngoài châu Mỹ.

C. Hiệp ước Mui-ních năm 1938.

D. Anh, Pháp không liên kết với Liên Xô để cùng nhau chống phát xít.

Câu 28. Điểm *giống nhau* về hành động xâm lược của thực dân Pháp trong hai lần đánh chiếm Hà Nội và các tỉnh Bắc Kì trong những năm (1973 và 1882 - 1883) là

A. không tôn trọng những điều khoản đã kí với triều đình nhà Nguyễn.

B. sử dụng các thủ đoạn chính trị sau đó cho quân nổ súng xâm lược.

C. sử dụng sức mạnh quân sự ép triều đình Huế phải đầu hàng.

D. kết hợp thủ đoạn ngoại giao và tấn công quân sự.

Câu 29. Trước khi thực dân Pháp xâm lược (1858), Việt Nam là một quốc gia

A. độc lập, có chủ quyền.

B. tự do trong Liên bang Đông Dương.

C. dân chủ, có chủ quyền.

D. độc lập trong Liên bang Đông Dương.

Câu 30. Sau khi chiếm thành Gia Định (2/1859) quân Pháp rơi vào tình thế như thế nào?

A. Bị thương vong gần hết.

B. Bị thiệt hại nặng nề do bệnh dịch và thương vong.

C. Bị nghĩa quân bao vây, quấy rối liên tục.

D. Bị quân ta bao vây và tập kích.

Câu 31. Chiến thắng cầu giấy lần thứ hai (19/5/1883) thể hiện điều gì trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của nhân dân ta?

A. Lòng yêu nước và quyết tâm bảo vệ Tổ quốc.

B. Ý chí quyết tâm sẵn sàng tiêu diệt giặc ngoại xâm.

C. Thể hiện sự sáng tạo trong cách tổ chức chiến đấu.

D. Sự phối hợp đồng bộ trong việc phá thế bao vây của địch.

Câu 32. Thực dân Pháp đã loại trừ sự can thiệp của nhà Thanh bằng cách nào?

A. Kí với triều đình Mãn Thanh bản Quy ước Thiên Tân.

B. Kí với triều đình Mãn Thanh hiệp ước Hoa - Pháp.

C. Tấn công vào Bắc Kinh, buộc triều đình Mãn Thanh phải giao Việt Nam cho Pháp.

D. Đánh tan quân đội Mãn Thanh tại Lạng Sơn.

Câu 33. Thắng lợi quân sự nào của Hồng quân Liên Xô đã làm phá sản chiến lược “chiến tranh chớp nhoáng” của Hít-le?

A. Chiến thắng Mátxcova.

B. Chiến thắng vòng cung Cuốc-xơ.

C. Chiến thắng Pê-tơ-rô-grát.

D. Chiến thắng Xít-ta-lin-grát.

Câu 34. Câu nói thể hiện khí phách yêu nước, căm thù giặc ngoại xâm “*Bao giờ người Tây nhỏ hết cỏ nước Nam thì mới hết người Nam đánh Tây*” là của ai?

A. Nguyễn Hữu Huân.

B. Phan Thanh Giản.

C. Nguyễn Tri Phương.

D. Nguyễn Trung Trực.

Câu 35. Chính sách nào sau đây của triều đình nhà Nguyễn làm cho nước ta bị cô lập với thế giới bên ngoài?

A. Thực hiện chính sách cấm đạo.

B. Bế quan tỏa cảng.

C. Kinh tế suy yếu, quân đội lạc hậu.

D. Độc quyền công thương nghiệp.

Câu 36. Phong trào nào sau đây *không* được xem là phong trào Cần Vương (1885 - 1896)?

A. Khởi nghĩa Yên Thế.

B. Khởi nghĩa Ba Đình.

C. Khởi nghĩa Bãi Sậy.

D. Khởi nghĩa Hương Khê.

Câu 37. Với Hiệp ước Nhâm Tuất (5/6/1862), triều đình nhà Nguyễn đã nhượng cho thực dân Pháp những tỉnh nào?

A. Biên Hòa, Hà Tiên, Định Tường và đảo Côn Lôn.

B. Biên Hòa, Gia Định, Định Tường và đảo Côn Lôn.

C. Biên Hòa, Gia Định, Vĩnh Long và đảo Côn Lôn.

D. An Giang, Gia Định, Định Tường và đảo Côn Lôn.

Câu 38. Trước khi Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ (tháng 9 - 1939), các nước đế quốc Anh, Pháp thực hiện chính sách nhượng bộ phát xít nhằm

A. chuẩn bị cho việc thành lập phe Đồng minh.

B. đẩy cuộc chiến tranh về phía Liên Xô.

C. khuyến khích Nhật gây chiến tranh ở châu Á.

D. ngăn chặn Đức tấn công Ba Lan.

Câu 39. Sau khi để mất 6 tỉnh Nam Kỳ vào tay thực dân Pháp, tư tưởng chủ yếu chi phối các quan lại cao cấp trong triều đình Huế là

A. do dự.

B. phát động phong trào Cần vương.

C. đầu hàng.

D. chống pháp giành độc lập dân tộc.

Câu 40. Khi Pháp đánh thành Hà Nội lần thứ nhất (1873), Ông đã đốc thúc quân sĩ dũng cảm đánh Pháp, khi bị địch bắt ông đã rút gươm tự sát để “*bảo toàn khí tiết*” theo em ông là ai?

A. Hoàng Diệu.

B. Nguyễn Trung Trực.

C. Nguyễn Tri Phương.

D. Trương Định.

----- **HẾT** -----